BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt

5

TẬP MỘT

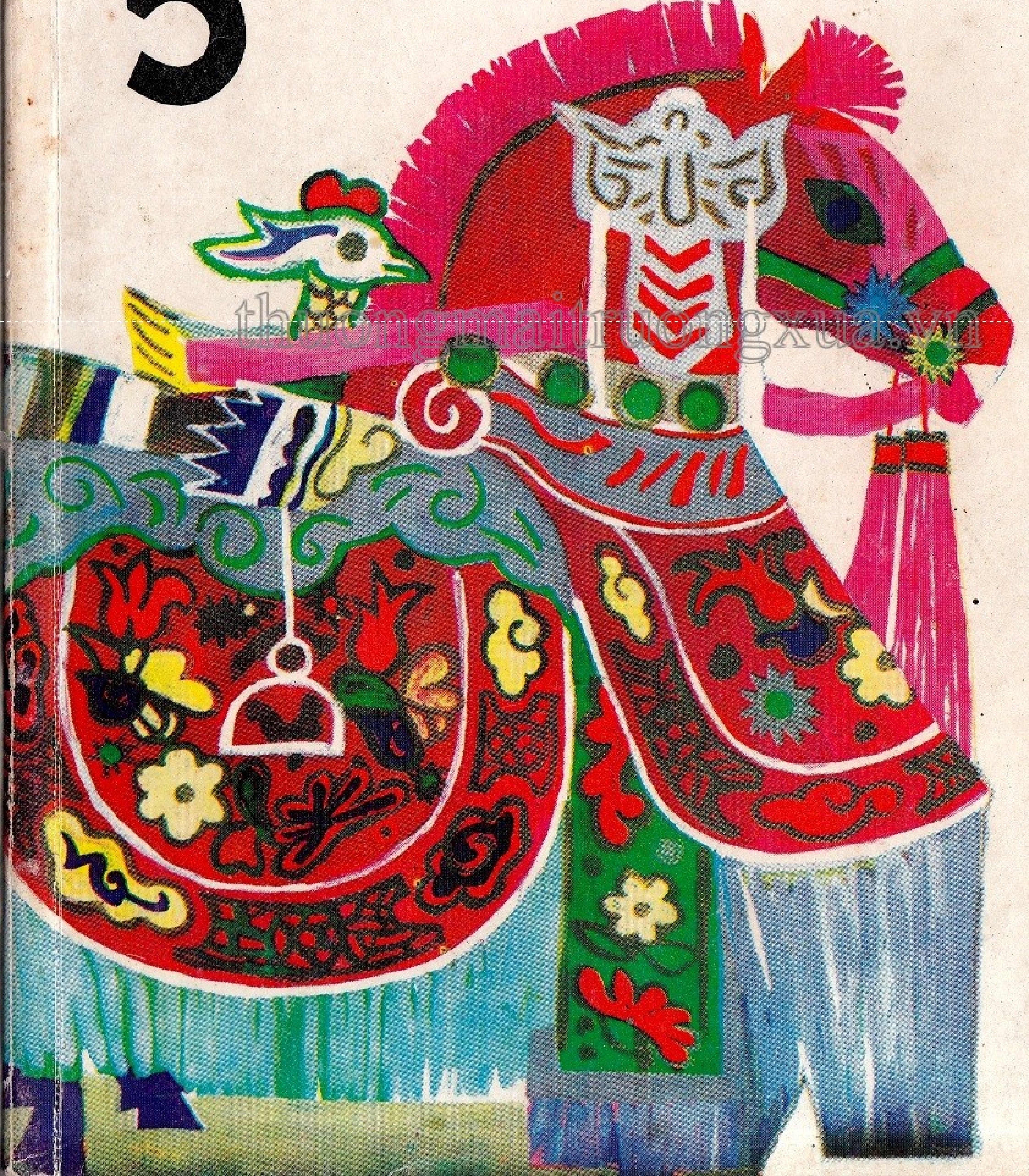

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LÊ CẬN (chủ biên)
TRỊNH MẠNH - ĐINH TẤN KÝ - ĐỖ LÊ CHẨN - LÊ BIÊN
ĐỖ QUANG LƯU - NGUYỄN CÓ - LƯU ĐỨC KHÔI

Tiếng Việt

5

ruongxua.vn

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ 12)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1998

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập :
NGUYỄN NGHIỆP

Biên tập tái bản :
LÊ HỮU TỈNH

Minh họa :
HỒNG KỲ – VĂN TÂM

Trình bày bìa :
ĐẶNG XUÂN HÒA

Biên tập mĩ thuật :
PHẠM NGỌC TỚI

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THU NGA

Sửa bản in :
VŨ THỊ XUYẾN

Sắp chữ :
TRUNG TÂM CHẾ BẢN – ĐỒ HỌA (NXB GIÁO DỤC)

4(V)(075) / GD – 98 734/86 – 97

Mã số : 1H513T8

thuongmaitr

TẬP ĐỌC

ruongxua.vn

Chủ đề MĂNG NON

TIẾT 1

THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

Các em học sinh,

Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi đã tưởng tượng thấy trước mắt cái cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày tựu trường ở khắp các nơi. Các em hết thảy đều vui vẻ vì sau mấy tháng giời nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường, các em lại được gặp thầy gặp bạn. Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này giở đi các em bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam... Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao đồng bào các em. Vậy các em nghĩ sao ?

Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn. Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được

hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.)

Ngày hôm nay, nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các em thân yêu
HỒ CHÍ MINH

*** Chú giải**

– Đây là thư của Bác Hồ gửi học sinh trong cả nước nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tháng 9 năm 1945.

– *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa :* tên nước ta từ năm 1945 đến năm 1976.

– *Tám mươi năm giời nô lệ :* chỉ tám mươi năm nước ta bị thực dân Pháp đô hộ, kể từ khi Pháp chiếm sáu tỉnh Nam Kì năm 1864 đến năm 1945.

uongxua.vn

– *Cơ đồ :* sự nghiệp lớn và vững chắc. Ở đây chỉ toàn bộ của cải tinh thần và vật chất của đất nước ta.

– *Hoàn cầu :* thế giới.

– *Kiến thiết :* xây dựng với quy mô lớn.

– *Các cường quốc năm châu :* các nước giàu mạnh trên thế giới.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* ngày khai trường, cảnh nhộn nhịp tưng bừng, chuyển biến khác thường, sung sướng, cố gắng, siêng năng.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn 1 : nhấn mạnh các từ ngữ *nhộn nhịp tưng bừng, vui vẻ, hưởng sự may mắn đó.*

– Đoạn 2 : nhấn mạnh các câu : "... nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam... các em".

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những từ nói lên lòng phấn khởi của học sinh trong ngày khai trường đầu tiên, sau khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi.

2. Vì sao tất cả học sinh nô nức, phấn khởi trong ngày khai trường đầu tiên ?

3. Bác Hồ khuyên các em học sinh những gì ?

4. Em hãy tìm trong đoạn 2 câu văn nói lên niềm tin tưởng của Bác đối với học sinh.

TIẾT 2

VIỆT NAM

Việt Nam đẹp khắp trăm miền,
Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây,
Non cao gió dựng, sông đầy nắng chang.
Sum sê xoài biếc, cam vàng,
Dừa nghiêng, cau thẳng, hàng hàng nắng soi.

Có nơi đâu đẹp tuyệt vời,
Như sông, như núi, như người Việt Nam !
Đầu trời ngất đỉnh Hà Giang,
Cà Mau mũi đất mỡ màng phù sa.
Trường Sơn : chí lớn ông cha,
Cửu Long : lòng mẹ bao la sóng trào.
Mặt người sáng ánh tự hào,
Dáng đi cũng lấp lánh màu tự do.

Bốn ngàn năm dựng cơ đồ,
Vạn năm từ thuở ấu thơ loài người.

thuongmaitr

uongxua.vn

Ơi Việt Nam ! Việt Nam ơi !
Việt Nam ! Ta gọi tên Người thiết tha.

LÊ ANH XUÂN
Trích "Trường ca Nguyễn Văn Trỗi"

*** Chú giải**

– Nhà thơ Lê Anh Xuân (tên thật là Ca Lê Hiến) đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

– *Đầu trời :* chỉ miền biên giới phía bắc nước ta. (Nhìn vào bản đồ, ta thấy cao nguyên Đồng Văn thuộc Hà Giang nhô lên như đỉnh núi)

– *Mũi đất :* chỉ vùng đất mũi Cà Mau ở phía nam Tổ quốc.

– *Bốn ngàn năm dựng cơ đồ :* ý nói để có đất nước tươi đẹp ngày nay, dân tộc ta đã phải góp nhiều công sức xây dựng kể từ thời Hùng Vương.

– *Vạn năm từ thuở ấu thơ loài người :* ý nói trên dải đất Việt Nam hàng vạn năm về trước đã có người ở.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* trăm miền, sắc trời, rừng cây, nắng chang, mỡ màng, phù sa, sóng trào, lấp lánh.

2. *Đọc diễn cảm*

– Ở 6 dòng đầu, chú ý nhấn mạnh các từ ngữ : *một sắc trời, gió dựng, nắng chang, sum sê, biếc, vàng, nghiêng, thẳng, hàng hàng*.

– Ở 8 dòng giữa, chú ý nhấn mạnh các từ ngữ : *đẹp tuyệt vời, như, sáng, lấp lánh*... Sau các từ *Trường Sơn, Cửu Long* cần ngắt giọng.

thuongmaitr

– Ở 4 dòng cuối bài, khi có dấu chấm cảm, cần đọc cao giọng. Luyện đọc thật diễn cảm các dòng 17 và 18 để bộc lộ rõ tình cảm đối với đất nước.

*** Tìm hiểu bài**

1. Trong 6 dòng thơ đầu, cảnh đẹp đất nước được diễn tả bằng những màu sắc và hình ảnh nào ? Ở quê em có thêm những cảnh đẹp nào ?

2. Câu thơ nào trong bài có ý tả hình dáng nước ta ?

3. Tác giả so sánh Trường Sơn và Cửu Long với những điều gì ? So sánh như vậy để nói lên truyền thống gì của dân tộc ta ?

4. Bài thơ ca ngợi những phẩm chất nào của con người Việt Nam ?

* Học thuộc lòng từ dòng thứ 7 đến hết bài.

TIẾT 3

LỜI KHUYÊN CỦA BỐ

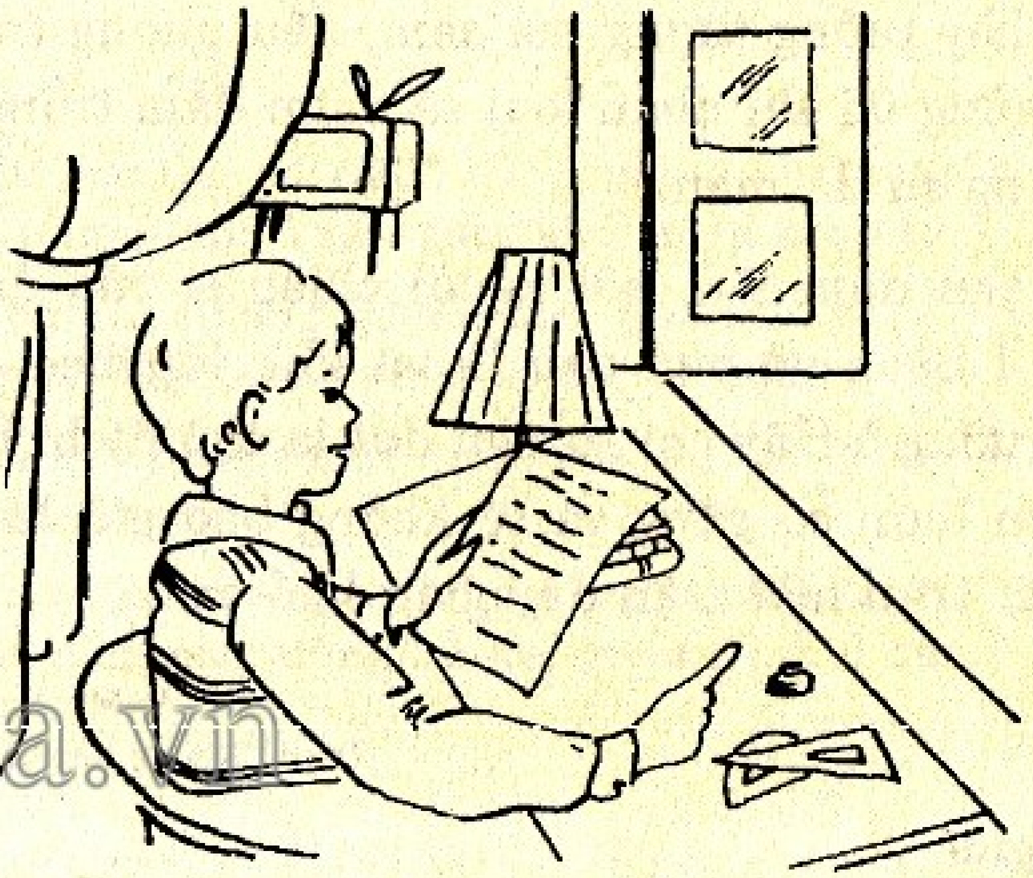

truongxua.vn

Con yêu quý của bố,

Học quả là khó khăn gian khổ. Bố muốn con đến trường với lòng hăng say và niềm phấn khởi. Con hãy nghĩ đến những người thợ, tối tối đến trường sau một ngày lao động vất vả. Cả đến những người lính vừa ở thao trường về là ngồi vào bàn đọc đọc, viết viết. Con hãy nghĩ đến các em nhỏ bị câm hoặc điếc mà vẫn thích đi học.

Khi một ngày mới bắt đầu, tất cả trẻ em trên thế giới đều cắp sách tới trường. Những học sinh ấy hối hả bước

trên các nẻo đường ở nông thôn, trên những phố dài của các thị trấn đông đúc, dưới trời nắng gắt hay trong tuyết rơi. Từ những ngôi trường xa xôi trên miền tuyết phủ của nước Nga cho đến ngôi trường hẻo lánh núp dưới hàng cọ của xứ A-rập, hàng triệu, hàng triệu trẻ em cùng đi học.

Con hãy tưởng tượng mà xem, nếu phong trào học tập ấy bị ngừng lại thì nhân loại sẽ chìm đắm trong cảnh ngu dốt, trong sự dã man.

Hãy can đảm lên, hỡi người chiến sĩ của đạo quân vĩ đại kia ! Sách vở của con là vũ khí, lớp học của con là chiến trường ! Hãy coi sự ngu dốt là thù địch. Bố tin rằng con luôn luôn cố gắng và sẽ không bao giờ là người lính hèn nhát trên mặt trận đầy gian khổ ấy.

A-MI-XI

Trích "Những tấm lòng cao cả"

thuongmaitr

*** Chú giải**

– Nhà văn A-mi-xi (Amicis) sinh năm 1846, mất năm 1908, quê ở vùng bờ biển tây bắc nước I-ta-li-a. Cuốn *Những tấm lòng cao cả* của ông đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới.

– *Phấn khởi :* vui sướng, hồ hởi trong lòng.

– *Thao trường :* nơi luyện tập quân sự.

– *Thị trấn :* nơi có những phố nhỏ và chợ để buôn bán (nhỏ hơn *thị xã*).

– *Xứ A-rập :* vùng phía Tây Á và một phần Bắc Phi, xứ sở của người A-rập.

– *Nhân loại :* loài người sống trên trái đất.

– *Vĩ đại :* to lớn.

– *Chiến trường :* nơi quân lính hai bên hoặc nhiều bên đánh nhau.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* khó khăn gian khổ, lòng hăng say, niềm phấn khởi, vất vả, đạo quân vĩ đại, cắp sách đến trường, chiến trường.

2. *Đọc diễn cảm :* Đây là một bức thư, giọng đọc cần thể hiện lời ân cần khuyên răn của bố. Đoạn cuối bài có nhiều câu cầu khiến, cần đọc với giọng kêu gọi.

*** Tìm hiểu bài**

1. Câu đầu bức thư có viết : "Học quả là khó khăn gian khổ". Em hãy nêu những khó khăn gian khổ trong học tập.

2. Người bố nêu những gương học tập chăm chỉ ở trong nước và trên thế giới. Việc nêu gương đó có tác dụng gì ?

3*. Tại sao *nếu phong trào học tập bị ngừng lại thì loài người sẽ ngu dốt và dã man* ?

4. Ở cuối thư, tại sao người bố gọi con là chiến sĩ ? Người chiến sĩ đó đánh kẻ địch nào, dùng vũ khí gì và đánh ở đâu ?

tuongxua.vn

TIẾT 4

SẮC MÀU EM YÊU

Em yêu màu đỏ :
Như máu trong tim,
Lá cờ Tổ quốc,
Khăn quàng đội viên.

Em yêu màu xanh :
Đồng bằng rừng núi,
Biển đầy cá tôm,
Bầu trời cao vợi.

Em yêu màu vàng :
Lúa đồng chín rộ,
Hoa cúc mùa thu,
Nắng trời rực rỡ.

Em yêu màu nâu :
Áo mẹ sờn bạc,
Đất đai cần cù,
Gỗ rừng bát ngát.

Em yêu màu trắng :
Trang giấy tuổi thơ,
Đóa hoa hồng bạch,
Mái tóc của bà.

Em yêu màu đen :
Hòn than óng ánh,
Đôi mắt bé ngoan,
Màn đêm yên tĩnh.

Em yêu màu tím :
Hoa cà, hoa sim,
Chiếc khăn của chị,
Nét mực chữ em.

Trăm nghìn cảnh đẹp
Dành cho em ngoan,
Em yêu tất cả
Sắc màu Việt Nam.

PHẠM ĐÌNH ÂN

*** Chú giải**

– *Chín rộ :* chín nhiều và đều khắp.

– *Rực rỡ :* tươi sáng, nhiều màu sắc, trông rất thích mắt.

– *Óng ánh :* lấp lánh ánh sáng.

thuongmaitr

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* rừng núi, chín rộ, rực rỡ, yên tĩnh.

2. *Đọc diễn cảm :* nhấn mạnh các từ "Em yêu" và các từ chỉ màu sắc để người nghe chú ý. Sau từng khổ thơ, cần nghỉ lâu hơn để phân biệt các màu sắc mà tác giả nêu lên.

*** Tìm hiểu bài**

1. Trong bài, tác giả nói đến những màu sắc gì ?

2. Trong mỗi màu, tác giả đã khéo chọn những hình ảnh tiêu biểu của đất nước và con người Việt Nam. Em hãy nêu rõ điều đó.

3. Các từ "Em yêu" được nhắc lại nhiều lần trong bài, nói lên ý gì ?

4. Khổ thơ cuối có tóm tắt được ý của toàn bài hay không ? Ý đó là gì ?

* Học thuộc 4 khổ thơ trong bài do em tự chọn.

TIẾT 5

BÀI HỌC QUÝ

Trong khu rừng kia, chú Sẻ và chú Chích chơi với nhau rất thân. Một hôm, Sẻ nhận được món quà bà ngoại gửi đến. Đó là một chiếc hộp đựng toàn hạt kê. Sẻ không hề nói với bạn một lời nào về món quà lớn ấy cả. "Nếu cho cả Chích nữa thì chẳng còn lại là bao !", Sẻ thầm nghĩ. Thế là hằng ngày, Sẻ ở trong tổ ăn hạt kê một mình. Ăn hết, chú ta quẳng hộp đi. Những hạt kê còn sót lại văng ra khỏi hộp. Cô Gió đưa chúng đến một đám cỏ non xanh dưới một gốc cây xa lạ.

Chích đi kiếm mồi, tìm được những hạt kê ngon lành ấy, bèn gói lại thật cẩn thận vào chiếc lá, rồi mừng rỡ chạy đi tìm người bạn thân thiết của mình. Vừa gặp Sẻ, Chích đã reo lên :

truongxua.vn

- Chào bạn Sẻ thân mến ! Mình vừa kiếm được mười hạt kê rất ngon ! Đây này, chúng mình chia đôi : cậu năm hạt, mình năm hạt.

- Chia làm gì cơ chứ ? Không cần đâu ! - Sẻ lắc lắc chiếc mỏ xinh xắn của mình, tỏ ý không thích - Ai kiếm được thì người ấy ăn !

- Nhưng mình với cậu là bạn của nhau cơ mà. Đã là bạn thì bất cứ cái gì kiếm được cũng phải chia cho nhau. Lẽ nào cậu không nghĩ như thế ?

Nghe Chích nói, Sẻ rất xấu hổ. Thế mà chính Sẻ đã ăn hết cả một hộp kê đầy.

Sẻ cầm năm hạt kê Chích đưa, ngượng nghịu nói :

- Mình rất cảm ơn cậu, cậu đã cho mình những hạt kê ngon lành này, còn cho mình một bài học quý về tình bạn.

MI-KHAI-IN PLA-CỐP-XKI
Nguyễn Thị Xuyến *dịch*

*** Chú giải**

– *Xấu hổ :* cảm thấy thẹn vì đã làm một việc không tốt.

– *Ngượng nghịu :* lúng túng, không tự nhiên.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* quẳng hộp đi, Sẻ rất xấu hổ, ngượng nghịu.

2. *Đọc diễn cảm :* đọc phân biệt giọng của Sẻ và của Chích.

– Đoạn 1 : nhấn mạnh các từ ngữ *chơi với nhau rất thân, không hề nói với bạn một lời nào, ăn hạt kê một mình.*

– Đoạn 2 :

+ Chú ý đọc giọng vui, câu : "Vừa gặp Sẻ, Chích đã reo lên..."

+ Đọc giọng băn khoăn (tỏ ý không bằng lòng) câu trả lời của Sẻ : "Chia làm gì ..."

+ Câu cuối cùng cần ngắt giọng :

Mình rất cảm ơn cậu / cậu đã cho mình những hạt kê ngon lành này / còn cho mình một bài học quý về tình bạn.

*** Tìm hiểu bài**

1. Nhận được quà của bà cho, Sẻ nghĩ như thế nào và đã làm gì ?

2. Kiếm được những hạt kê ngon lành, Chích đã làm gì ? Việc Chích làm có gì đáng khen ?

3. Tình bạn của Sẻ và Chích có gì khác nhau ?

4. Bài học quý ở đây là bài học gì ?

thuongmaitr

TIẾT 6

NGÀY EM VÀO ĐỘI

ruongxua.vn

Chị đã qua tuổi Đoàn
Em hôm nay vào Đội
Màu khăn đỏ dắt em
Bước qua thời thơ dại.

Màu khăn tuổi thiếu niên
Suốt đời tươi thắm mãi
Như lời ru vời vợi
Chẳng bao giờ cách xa.

Này em, mở cửa ra
Một trời xanh vẫn đợi

Cánh buồm là tiếng gọi
Mặt biển và dòng sông.

Nắng vườn trưa mênh mông
Bướm bay như lời hát
Con tàu là đất nước
Đưa ta tới bến xa...

Những ngày chị đi qua
Những ngày em đang tới
Khao khát lại bắt đầu
Từ màu khăn đỏ chói.

XUÂN QUỲNH

*** Chú giải**

– *Đoàn :* chỉ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

– *Đội :* chỉ Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

– *Khao khát :* mong muốn tha thiết.

thuongmaitr

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* suốt đời, lời ru, mặt trời, trưa.

2. *Đọc diễn cảm :* thể hiện được giọng người chị khuyên em.

Chú ý đọc liền mạch những dòng thơ không có dấu ngắt câu như : *Màu khăn đỏ dắt em*
Bước qua thời thơ dại.

*** Tìm hiểu bài**

1. Khi nào thì một em thiếu nhi được kết nạp vào Đội ?

2. Vì sao tác giả lại viết : "Màu khăn đỏ dắt em
Bước qua thời thơ dại" ?

3. "Màu khăn ... tươi thắm mãi" ý nói gì ?

* Học thuộc lòng cả bài.

TIẾT 7

CHÚ BÉ KÔ-LI-A

ruongxua.vn

Tuổi mười hai đuổi bướm bắt chim.
- Em ở đây, bên Bác Lê-nin
Người làm việc. Cần em canh gác.
- Cha em đâu ?
- Cha làm súng và đi liên lạc.
- Và mẹ em ?
- Mẹ cùng anh nướng bánh, đưa đường.
Thuyền qua về, hôm sớm, trong sương...
Vui lắm nhé. Ở đây rất thích
Em yêu nhất trên đời : I-lích
Người với em đi cất vó chiều chiều
Và đêm đêm, Bác cháu ngủ chung lều
Em cứ thương... Người trở mình thao thức
Kéo chăn mỏng đắp cho em ấm ngực

Rồi lặng yên, nghe dậy nước triều xa
Người nghĩ suy
Đến khi rừng bừng sáng tiếng chim ca...

Thoảng trong gió mùi thơm cỏ dại
Câu chuyện cũ. Hôm nay sống lại
Giữa lòng ta, tươi đẹp vô cùng.
Kô-li-a, chú bé anh hùng
Lều con hỡi, nhớ chăng người bạn nhỏ ?

TỐ HỮU
Trích "Lều cỏ Lê-nin"

*** Chú giải**

– Nhà thơ Tố Hữu viết bài thơ này sau khi đi thăm lều cỏ ở Ra–dơ–líp, nơi Lê–nin ẩn náu để hoạt động trước Cách mạng tháng Mười.

– Cha Kô–li–a là Ê–mê–li–a–nốp, công nhân xưởng vũ khí. Cả gia đình Ê–mê–li–a–nốp đều tham gia hoạt động cách mạng và bảo vệ Lê–nin ở Ra–dơ–líp trước Cách mạng tháng Mười.

– *Ra–dơ–líp :* cách thành phố Xanh Pê–téc–bua khoảng bốn chục cây số, nơi đây có túp lều làm bằng cành cây, trên phủ cỏ, giữa rừng rậm và đầm lầy. Lê–nin đã ẩn náu và làm việc ở đó tháng 7, 8 năm 1917, để tránh sự khủng bố của Chính phủ tư sản phản động Nga.

– *Thao thức :* không ngủ được (vì lo lắng suy nghĩ).

– *Nước triều xa :* thủy triều ở xa. Ở đây nói đêm đã khuya, rất tĩnh mịch, chỉ còn nghe tiếng sóng reo ở ngoài biển xa.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* I-lích, Lê–nin, liên lạc, trở mình.

thuongmaitr

2. *Đọc diễn cảm :* phân biệt giọng của hai nhân vật ở đoạn đối thoại trong bài thơ.

- Chú ý ngắt câu ở các dấu chấm lửng.

- Nhấn mạnh các từ ngữ :

Người làm việc – em canh gác
Vui lắm nhé – yêu nhất trên đời
Em cứ thương – trở mình thao thức.

• Tìm hiểu bài

1. Tìm những việc chứng tỏ cả gia đình Kô-li-a đều tham gia cách mạng.

2. Nêu tình cảm của Kô-li-a đối với Lê-nin và nói rõ bạn đó đã giúp Lê-nin những việc gì ?

3. Qua đoạn thơ trên, em thấy Lê-nin làm việc như thế nào ?

4. Vì sao Kô-li-a được gọi là anh hùng ?

5. Trong đoạn đối thoại tưởng tượng này, những câu nào là lời nhân vật, những câu nào là lời tác giả ?

truongxua.vn

• Học thuộc lòng đoạn I.

TIẾT 8

LỜI HỨA

Một hôm, tôi vào công viên, đem theo một quyển sách hay rồi mải mê đọc. Đến lúc ngoài phố lác đác lên đèn, tôi mới đứng dậy bước ra cổng. Bỗng tôi dừng lại. Sau bụi cây, tôi nghe tiếng một em bé đang khóc.

Bước tới gần, tôi hỏi :

- Này, em làm sao thế ?

Em ngẩng đầu nhìn tôi, đáp :

- Em không sao cả.

- Thế, tại sao khóc ? Em đi về thôi ! Trời tối rồi, công viên sắp đóng cửa đấy.

- Em không về được.

- Tại sao ? Em ốm phải không ?

- Không phải, em là lính gác.
- Sao lại là lính gác ? Gác gì ?
- Ồ, thế anh không hiểu hay sao ?

Rồi em kể :

Em đang ngồi ở ghế thì các bạn tới rủ : "Muốn chơi đánh trận giả không ?". Em trả lời : "Có !". Thế là cùng chơi. Một bạn lớn bảo : "Cậu là trung sĩ nhé !". Bạn ấy tự nhận là nguyên soái, dẫn em đến đây, ra lệnh : "Đây là kho thuốc súng của chúng ta. Cậu đứng gác cho đến khi có người tới thay !". Bạn ấy lại bảo : "Cậu hãy hứa là không bỏ đi cơ !". Em trả lời : "Xin hứa.".

- Rồi sao nữa ?

- Thế đấy ! Em đứng gác cho đến bây giờ.

L. PAN-TÊ-LÊ-EP

*** Chú giải**

– *Phần sau truyện :*

Để em bé yên tâm là đã giữ đúng lời hứa, tác giả nhờ một đồng chí bộ đội cấp bậc cao hơn "trung sĩ" đến hạ lệnh cho em được thôi gác để về nhà. Em đã chấp hành lệnh đó.

– *Công viên :* vườn hoa công cộng.

thuongmaitr

– *Trung sĩ :* cấp bậc trong quân đội, trên hạ sĩ, dưới thượng sĩ.

– *Nguyên soái :* sĩ quan trong quân đội, trên hàng tướng.

• Hướng dẫn đọc

Đọc diễn cảm : luyện đọc văn đối thoại, cần phân biệt giọng người hỏi (ân cần, thiết tha) và giọng em bé (hồn nhiên, vô tư). Chú ý lên giọng ở các câu hỏi.

• Tìm hiểu bài

1. Vào công viên, thấy em bé khóc, tác giả làm gì ?
2. Vì sao em bé lại khóc ?
3. Tìm những từ ngữ chứng tỏ em bé biết giữ lời hứa.
4. Không giữ đúng lời hứa thì có hại gì ? Cho một ví dụ.

TIẾT 9

uongxua.vn

EM BÉ

Bé mới mười tuổi. Bữa cơm, Bé nhường hết thức ăn cho em. Hằng ngày, Bé đi câu cá bống về băm sả, hoặc đi lượm vỏ đạn giặc ở ngoài gò về cho mẹ. Thấy cái thau, cái vung nào ri người ta vứt, Bé đem về cho ông Mười quân giới.

Những hôm mẹ đi đánh bốt, Bé thường leo lên cây dừa để ngóng tin.

Hôm nay, gió ngoài sông Hậu vẫn thổi vào lồng lộng. Nắng lên làm cho trời cao và trong xanh. Bé lại leo lên cây dừa. Đứng trên đó, Bé trông thấy con đò, xóm chợ, rặng trâm bầu, cả những nơi ba má Bé đang đánh giặc.

Bỗng từ phía Bà Mi súng nổ rộ lên, bắt đầu là những tiếng súng trường nghe chắc nịch.

- Đúng má đánh rô ô ồ i... !

Tiếng Bé thét lên lanh lảnh. Đúng là má đang bắn, đang đốt lên những đống lửa kia. Dòng sông bị khói che mất một khúc. Cánh đồng cạnh đó đen lại.

- Má đốt bót r ô ồ i... !

Tiếng súng nhỏ nổ rát hơn. Tiếng súng lớn dồn dập. Cả xóm đổ ra, nhóng lên ngọn dừa. Tiếng reo của Bé bay xuống lẫn vào tiếng bơi xuồng vội vã trên rạch. Bé nhìn thấy những chấm đen vụt thoáng qua trong đám khói.

- Má xung phong rồi nghen ! Tiến lên má á á ... !

Tiếng Bé kéo dài văng vẳng. Các cô du kích đang chạy theo má. Tiếng súng quân ta xung phong diệt đồn nổ dồn dập.

thuongmaitr

NGUYỄN THI
Trích "Mẹ vắng nhà"

*** Chú giải**

– Bé là con chị Nguyễn Thị Út, anh hùng quân đội, quê ở Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Mặc dầu còn ít tuổi, Bé đã chăm sóc các em nhỏ để mẹ đi chiến đấu. Bé còn theo dõi các trận đánh đồn bốt để báo tin chiến thắng cho bà con.

– *Sông Hậu :* tức Hậu Giang, một nhánh của sông Cửu Long chảy qua Nam Bộ đổ ra biển.

– *Bà Mi :* tên một đồn giặc ở Tam Ngãi.

– *Quân giới :* ngành chế tạo vũ khí cho quân đội. Ở đây chỉ ông Mười chế vũ khí, đạn dược cho du kích ở địa phương.

– *Nhóng* (tiếng địa phương) : ngóng.

* **Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* lồng lộng, lanh lảnh, rặng trâm bầu.

2. *Đọc diễn cảm :*

- Phần đầu (từ đầu đến "quân giới") : đọc giọng kể sự việc.

- Phần sau : đọc giọng phấn khởi, nhấn mạnh và kéo dài ở các câu :

+ *Đúng má đánh rô ô ồ i... !*

+ *Tiến lên má á á ... !*

* **Tìm hiểu bài**

1. Tuy còn ít tuổi, Bé đã giúp mẹ những việc gì ?
2. Những hôm mẹ đi đánh bốt, Bé thường làm gì ?
3. Tại sao Bé lại chăm chú theo dõi trận đánh ?
4. Tìm những việc làm nói lên lòng yêu nước, căm thù giặc của Bé.

uongxua.vn

TIẾT 10

BÀ TÔI

Bà tôi ngồi cạnh tôi, chải đầu. Tóc bà tôi còn đen, dày kì lạ, phủ kín cả hai vai, xõa xuống ngực, xuống đầu gối. Một tay khẽ nâng mớ tóc lên và ướm trên tay, bà tôi đưa một cách khó khăn chiếc lược thưa bằng gỗ vào mớ tóc dày.

Giọng nói bà tôi đặc biệt trầm bổng, nghe như tiếng chuông đồng. Nó khắc sâu vào trí nhớ tôi dễ dàng, như những đóa hoa, và cũng dịu dàng, rực rỡ, đầy nhựa sống. Khi bà tôi mỉm cười, hai con ngươi đen sẫm nở ra, long lanh, dịu hiền khó tả. Đôi mắt ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui và không bao giờ tắt. Mặc dù trên đôi má

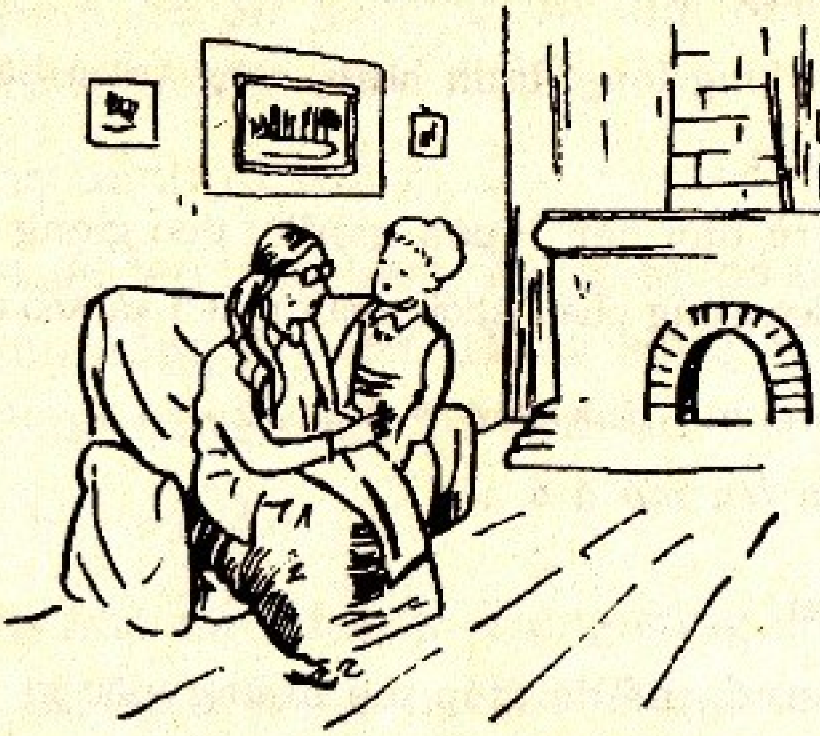

ngăm ngăm đã có nhiều nếp nhăn, khuôn mặt của bà tôi hình như vẫn tươi trẻ. Lưng hơi còng, bà tôi đi lại vẫn nhanh nhẹn.

Tôi sống xa bà tôi từ nhỏ. Trước khi gặp lại bà, tôi như người ngủ say, đắm chìm trong bóng tối. Nhưng bà tôi xuất hiện đã đánh thức tôi dậy, đưa tôi ra ngoài ánh sáng. Với một sợi dây vô tận, bà tôi nối tất cả mọi vật xung quanh tôi lại, đan thành một lớp đăng-ten nhiều màu sắc và trở thành người gần gụi nhất với lòng tôi, một con người dễ hiểu nhất và yêu quý nhất.

Tấm lòng yêu mến vô tư của bà tôi đối với mọi người đã làm cho tâm hồn tôi thêm phong phú, đã truyền sức mạnh cho tôi để đương đầu với sóng gió trong cuộc đời.

MÁC-XIM GOR-KI
Trích "Thời thơ ấu"

*** Chú giải**

– Bài này trích trong truyện *Thời thơ ấu* của Mác-xim Gor-ki. Ông là nhà văn lớn của Liên Xô (cũ) ở nửa đầu thế kỉ 20.

thuongmaitr

– *Trầm bổng :* lúc cao lúc thấp, êm ái, dịu dàng.

– *Đăng–ten* : vải dệt hoặc đan, có lỗ và có hình trang trí.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : trầm bổng, long lanh, truyền sức mạnh.

2. Đọc diễn cảm : nhấn mạnh các từ ngữ chỉ hình dáng và tính tình của bà như : *tóc còn đen, dày kì lạ..., giọng nói trầm bổng, nghe như tiếng chuông..., bà tôi xuất hiện đã đánh thức..., thành một lớp đăng–ten nhiều màu sắc...*

*** Tìm hiểu bài**

1. Hình dáng của người bà có những nét gì tiêu biểu ?

2. Tìm những từ ngữ tả tính tình của người bà.

3. Người bà đã có ảnh hưởng lớn đến Gor–ki. Những câu nào nói lên điều đó ?

4. Tìm những từ ngữ nói lên tình cảm của tác giả đối với bà.

ruongxua.vn

* Học thuộc lòng một đoạn tự chọn.

TIẾT 11

BÀ CỤ BÁN HÀNG NƯỚC CHÈ

Gốc bàng to quá, có những cái mắt to hơn cái gáo dừa, có những cái lá to bằng mẹt bún của các bà vẫn bán bún ốc. Không biết cây bàng này năm chục tuổi, bảy chục tuổi hay cả một trăm tuổi. Nhiều người ngồi uống nước ở đây những lúc quán nước vắng khách đã ngắm kĩ gốc bàng, rồi lại ngắm sang phía bà cụ bán hàng nước. Bà cụ không biết bao nhiêu tuổi giời, không biết bao nhiêu tuổi lao động,

bán quán được bao nhiêu năm. Chỉ thấy đầu bà cụ bạc trắng, trắng hơn cả cái mớ tóc giả của các diễn viên tuồng chèo vẫn đóng các vai bà cụ nhân đức. Ví dụ như thế, có lẽ cũng chưa được đúng lắm. Phải nói là bà cụ quán nước tóc bạc phơ phơ như một bà tiên hay hiện ra giúp các trẻ nghèo thì mới đúng. Đoán đúng được tuổi những bà tiên thật là khó. Và hỏi xem gốc bàng thân mật to lớn kia và bà tiên quán nước hiền hậu này, ai nhiều tuổi hơn ai, thì cũng không phải là một việc dễ. Nhưng mà có lẽ cũng chả cần phải làm cái ấy. Có một điều dễ biết nhất và ai cũng phải thấy ngay : cả cái cây rợp bóng và cả bà cụ múc nước chè này đều là lành và tốt cả.

Ngồi bên cái cây to và ngồi sát vào cái chõng tre bốc khói chè tươi, người làng đều thấy có được một sự yên tâm sau những giờ mệt nhọc ngoài đồng, ngoài bến, trong vườn, trong lò bát.

thuongmaitr

NGUYỄN TUÂN
Trích "Truyện một cái thuyền đất"

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : diễn viên tuồng chèo, rợp bóng, chõng tre.

2. Đọc diễn cảm : bài có nhiều câu dài, khi đọc cần luyện ngắt nhịp cho đúng. Ví dụ : Nhiều người ngồi uống nước ở đây / những lúc quán nước vắng khách / đã ngắm kĩ gốc bàng.

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những nét tả cây bàng.

2. Tìm những nét tả hình dáng, tính tình hiền hậu của bà cụ.

3. Tác giả tả song song cây bàng và bà cụ nhằm ý gì ?

TIẾT 12

GỬI CÁC VÌ SAO

Các vì sao nhấp nhánh
Trên ánh sáng bầu trời
Những ảnh hình lấp lánh
Soi vô hạn, vô hồi...

Ôi triệu triệu vì sao
Bừng bừng muôn ánh mắt
Sẽ không bao giờ tắt
Niềm hi vọng dâng trào.

Ơi các vì sao xa
Xin hãy nói cùng ta
Người lấy đâu ánh sáng
Tỏa khắp trời bao la ?

uongxua.vn

Ta đứng trên mặt đất
Muốn tự mình sáng lên
Bằng tâm hồn chân thật
Bằng sức sống thanh niên.

Ôi tim ta, tim ta
Là muôn dặm khúc ca
Là ngọn nguồn ánh sáng
Tỏa lên tít trời xa.

CÁC MÁC
Trích "Tình yêu và bão táp"
Trần Hoài Dương *dịch*

*** Chú giải**

– *Các Mác :* nhà triết học và nhà lãnh đạo thiên tài của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới. Ông là người Đức. Ngoài những hoạt động chính trị, Các Mác còn làm thơ.

– *Soi vô hạn vô hồi :* chiếu sáng mãi mãi.

– *Hi vọng :* mong muốn tha thiết và tin tưởng.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : lấp lánh, sức sống, ánh sáng.

2. Đọc diễn cảm

Đọc rõ ràng và nghỉ hơi lâu ở từng khổ thơ. Nhấn mạnh các từ ngữ : *nhấp nhánh, lấp lánh, vô hạn, vô hồi, triệu triệu, bừng bừng, hi vọng dâng trào, tự mình sáng lên, tâm hồn chân thật, sức sống thanh niên.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những từ ngữ chỉ ánh sáng đẹp của các vì sao.

2. Thấy sao sáng, tác giả đã có những ước mơ, hi vọng gì ? Tìm những từ ngữ chỉ những ước mơ và hi vọng đó.

3. Khổ thơ cuối nói lên ước mơ to lớn của Mác. Ước mơ đó là gì ?

* Học thuộc lòng cả bài.

thuongmaitr

TIẾT 13

TÔI XIN CHỮA BỆNH CHO NGÀI

Ô-guyn chỉ thích ăn luôn miệng và ít hoạt động. Người gã béo ục ịch quá đỗi, có lúc tưởng nghẹt thở.

Gã có một thầy thuốc trông nom sức khỏe. Khi gã tiêu hóa tốt, thầy thuốc ít có uy quyền. Nay gã ăn uống quá độ, thầy thuốc bắt gã phải phục tùng mình. Thầy nói thầy sẽ chữa khỏi bệnh cho gã bằng một con rắn thần đun trong nước hồng. Ô-guyn đã bỏ nhiều tiền thuê người đi tìm rắn thần. Nhưng tìm khắp nơi không thấy.

Nghe tin ấy, Gia-đích nhờ người giới thiệu mình với Ô-guyn. Gia-đích nói : "Tôi là thầy thuốc. Được tin Ngài mắc bệnh, tôi vội đến đây, đem theo một con rắn thần đã đun trong nước hồng. Nhưng thưa Ngài, Ngài chớ ăn con rắn thần của tôi. Tất cả hiệu lực của nó sẽ qua lỗ chân lông mà thấm vào cơ thể Ngài. Tôi đã để nó trong một cái túi thật căng, bọc một lần da mỏng. Ngài phải lấy hết sức mà đẩy túi đó về phía tôi, còn tôi thì đẩy lại về phía Ngài. Ngài cứ làm như thế nhiều lần. Và theo phương pháp này ít hôm, Ngài sẽ thấy cách chữa của tôi hiệu nghiệm như thế nào...".

Ô-guyn làm theo lời Gia-đích. Ngày đầu, Ô-guyn mệt quá, thở hổn hển tưởng chừng sắp chết. Ngày thứ hai, gã đỡ mệt hơn, ngủ ngon hơn. Tám ngày sau, Ô-guyn đã thấy khỏe khoắn, người nhẹ nhõm, vui tươi.

Lúc bấy giờ, Gia-đích mới nói với Ô-guyn : "Thưa Ngài, Ngài đã chơi bóng, đã ăn uống có điều độ nên Ngài khỏe ra. Xin Ngài biết cho rằng ở trên đời này chẳng có rắn thần nào cả. Nếu người ta ăn uống có điều độ và luyện tập thân thể thường xuyên thì sẽ khỏe mạnh mãi mãi.".

VÔN-TE

Trích "Truyện Gia-đích"

*** Chú giải**

– Đoạn văn này trích trong cuốn *Gia-đích* của Vôn-te. Ông là nhà văn Pháp ở thế kỉ 18.

– *Ô-guyn* : nhân vật (một tên chúa đất giàu có) trong tác phẩm của Vôn-te.

– *Gia-đích* (Zadich) : nhân vật thông minh, có tình nghĩa.

– *Uy quyền :* quyền lực buộc người khác phải e sợ và phục tùng.

– *Hiệu nghiệm :* có kết quả rõ ràng.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : Ô-guyn, Gia-đích.

2. Đọc diễn cảm : đọc rõ ràng, rành mạch theo giọng kể chuyện. Nhấn mạnh câu cuối cùng : "Nếu người ta ăn uống... khỏe mạnh mãi mãi.".

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những từ ngữ cho biết Ô-guyn béo nhưng không khỏe. Tại sao vậy ?

2. Gia-đích đã chữa bệnh cho Ô-guyn bằng cách nào ? Với cách chữa ấy, tại sao bệnh lại khỏi ?

3. Ăn uống, sinh hoạt như thế nào là điều độ ?

* Ôn những bài học thuộc lòng từ tuần 1 đến tuần 6.

TIẾT 14

thuongmaitr

ĐÊM TRĂNG ĐẸP

Ngày chưa tắt hẳn, trăng đã lên rồi. Mặt trăng tròn to và đỏ từ từ lên ở chân trời, sau rặng tre đen của làng xa. Mấy sợi mây còn vắt ngang qua mỗi lúc một mảnh dần rồi đứt hẳn. Trên quãng đồng rộng, cơn gió nhẹ hiu hiu đưa lại, thoang thoảng mùi hương thơm mát.

Sau tiếng chuông của ngôi chùa cổ một lúc lâu, trăng đã nhô lên khỏi rặng tre. Trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm và cao. Mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vằng vặc ở trên không và du du như sáo diều. Ánh trăng trong chảy khắp nhành cây kẽ lá, tràn ngập con đường trắng xóa.

Cành lá sắc và đen như mực vắt qua mặt trăng như một bức tranh tàu. Bức tường hoa giữa vườn sáng trắng lên, lá lựu dày và nhỏ nhấp nhánh như thủy tinh.

THẠCH LAM

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* rặng tre, sáng trăng, sáng vằng vặc, du du như sáo diều, tràn ngập, trắng xóa.

2. *Đọc diễn cảm :* ngắt đúng các câu : "Mặt trăng tròn / to và đỏ / từ từ lên ở chân trời sau rặng tre đen của làng xa. Mấy sợi mây còn vắt ngang qua / mỗi lúc một mảnh dần / rồi đứt hẳn... Cành lá sắc và đen như mực / vắt qua mặt trăng / như một bức tranh tàu.".

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những từ tả hình dáng mặt trăng, tả bầu trời lúc trăng mới mọc và lúc trăng đã lên cao.

uongxua.vn

2. Cảnh mặt đất có gì đẹp trong đêm trăng ?

3. Tìm những từ láy được dùng để miêu tả.

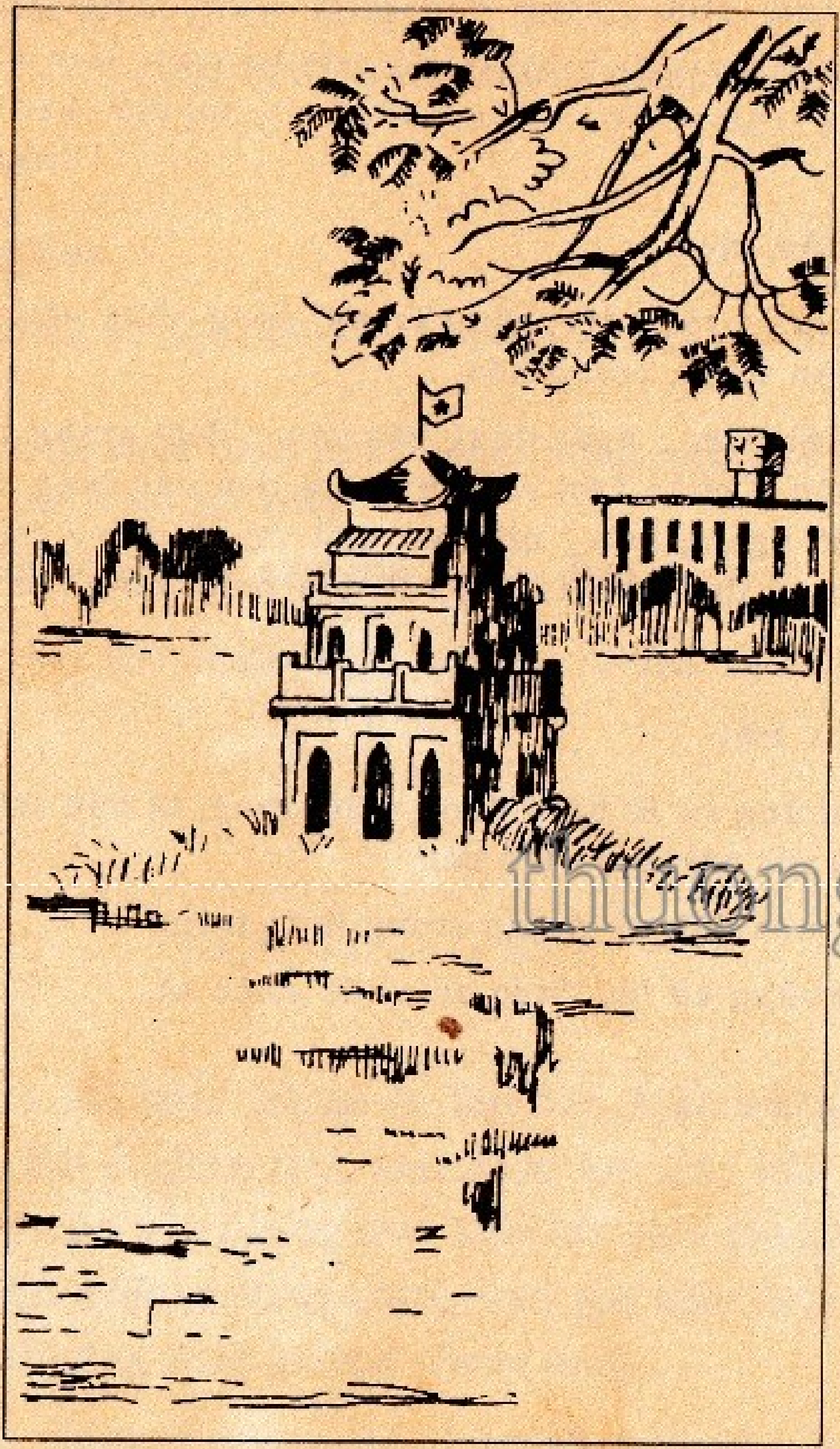

Chủ đề ĐẤT NƯỚC

thuongmaitr

TIẾT 15

TÌNH QUÊ HƯƠNG

Làng quê tôi đã khuất hẳn, nhưng tôi vẫn đăm đắm nhìn theo. Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân nhiều chỗ phong cảnh đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng và cũng có những người yêu tôi tha thiết, nhưng sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cọc cằn này.

Làng mạc bị tàn phá, nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về. Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột ; tháng tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép ; tháng chín, tháng mười, đi móc con da dưới vệ sông. Ở mảnh đất ấy, những ngày chợ phiên, dì tôi lại mua cho vài cái bánh rợm ; đêm nằm với chú, chú gác chân lên tôi mà lẩy *Kiều* ngâm thơ ; những tối liên hoan xã, nghe cái Tị hát chèo và đôi lúc lại được ngồi nói chuyện với Cún con, nhắc lại những kỉ niệm đẹp đẽ thời thơ ấu.

Khung cảnh xung quanh tôi bắt đầu mờ dần rồi trắng xóa, sương xuống dày đặc đến không còn trông rõ một cái gì nữa. Phảng phất trong không khí có thứ mùi quen thuộc, không hẳn là mùi nhang ngày Tết, cũng không phải là thứ mùi nào khác có thể gọi tên được, có lẽ đã lâu lắm, nay tôi lại cảm thấy nó. Thôi tôi nhớ ra rồi... Đó là thứ mùi vị rất đặc biệt, mùi vị của quê hương.

NGUYỄN KHẢI

Trích "Ngày Tết về thăm quê"
trong tập "Mùa lạc"

*** Chú giải**

– Bài này trích trong truyện ngắn *Ngày Tết về thăm quê* của Nguyễn Khải. Đây là đoạn cuối, tả tình cảm của anh bộ đội khi rời xóm làng để trở về đơn vị.

– *Quyến rũ :* lôi cuốn, làm cho quyến luyến không muốn xa rời.

– *Cọc cằn :* đất xấu, cây trồng khó mọc.

– *Con da :* một loại cua giống cua đồng nhưng chân có lông.

– *Bánh rợm :* một loại bánh làm bằng bột nếp.

– *Lẩy Kiều :* trích một số câu trong "Truyện Kiều" ra để ngâm nga.

– *Mùi nhang :* mùi hương.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : đánh giặm (khác giậm), kỉ niệm, sương xuống dày đặc.

2. Đọc diễn cảm : đọc giọng trìu mến, tha thiết để thể hiện tình cảm của anh bộ đội đối với quê hương.

– Đoạn 1 : chú ý nhấn giọng ở các từ ngữ *đăm đăm nhìn, quyến rũ, nhớ thương, mãnh liệt, day dứt.*

– Đoạn 2 : đọc rõ ràng, kể từng sự việc, gợi cho người nghe nhớ lại những kỉ niệm cũ.

Ví dụ : Ở mảnh đất ấy / tháng giêng / tôi đi đốt bãi / đào ổ chuột / ...

– Đoạn 3 : nhấn giọng các từ ngữ *quen thuộc, không hẳn, cũng không phải...* nhằm diễn đạt cảm giác khó tả. Lưu ý cách đọc ở cuối câu : "*Thôi / tôi nhớ ra rồi...*" (ngắt giọng ở dấu chấm lửng để người nghe thêm chú ý).

*** Tìm hiểu bài**

1. Anh bộ đội đã nói nhiều nơi đẹp hơn quê hương anh. Nói như vậy nhằm mục đích gì ?

2. Tìm những từ ngữ nói lên lòng yêu quê hương tha thiết của anh bộ đội (đoạn 1).

thuongmaitr

3. Những kỉ niệm nào đã làm cho anh bộ đội thêm gắn bó với quê hương ? Em có thể chia những kỉ niệm đó thành mấy loại ? Đó là những loại nào ?

4. Đoạn cuối bài cho biết điều gì đã làm cho anh bộ đội xúc động sâu sắc khi rời quê trở về đơn vị ?

* Học thuộc lòng một trong ba đoạn của bài (do em tự chọn).

TIẾT 16

TRANH LÀNG HỒ

uongxua.vn

Từ ngày còn ít tuổi, tôi đã thích những tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tố nữ của làng Hồ. Mỗi lần Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ giải trên các lề phố Hà Nội, lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân. Họ đã đem vào cuộc sống một cách nhìn thuần phác, càng ngắm càng thấy đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh và tươi vui.

Phải yêu mến cuộc đời trồng trọt, chăn nuôi lắm mới khắc được những tranh lợn ráy có những cái khoáy âm dương rất có duyên, mới vẽ được những đàn gà con tưng bừng như ca múa bên gà mái mẹ.

Kĩ thuật tranh làng Hồ đã đạt tới sự trang trí tinh tế : những bộ tranh tố nữ áo màu, quần hoa chanh nền đen lĩnh của một thứ màu đen rất Việt Nam. Màu đen không pha bằng thuốc mà luyện bằng bột than của những chất liệu gợi nhắc tha thiết đến đồng quê đất nước : than của rơm nếp, than của cói chiếu và than của lá tre mùa thu rụng lá. Cái màu trắng điệp cũng là một sự sáng tạo góp vào kho tàng màu sắc của dân tộc trong hội họa. Màu trắng ấy càng ngắm càng ưa nhìn ; những hạt cát của điệp trắng nhấp nhánh muôn ngàn hạt phấn làm tăng thêm vẻ thâm thúy cho khuôn mặt, tăng thêm sinh sống cho dáng người trong tranh.

NGUYỄN TUÂN
Trích "Bến Hồ và làng tranh"

*** Chú giải**

– Làng Hồ tức làng Đông Hồ thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, một làng có nghề làm tranh từ lâu đời. Một bộ tranh làng Hồ có khoảng 30 bức khác nhau. Các tranh này khắc vào bản gỗ và in nhiều màu trên giấy dó. Hiện nay, tranh làng Hồ được nhiều nước trên thế giới ưa thích.

– *Nghệ sĩ tạo hình :* ở đây chỉ người vẽ tranh, họa sĩ.

– *Thuần phác :* chất phác, mộc mạc.

– *Tranh lợn ráy :* tranh vẽ con lợn đứng bên bụi ráy. Ráy là một thứ cây ưa trồng ở nơi đất ẩm, lá hình mũi tên, củ ăn ngứa, thường dùng làm thức ăn cho lợn.

– *Khoáy âm dương :* khoáy vẽ trên mình con lợn, hình tròn giữa có nét cong như chữ S chia hình tròn làm hai mảng : trắng (dương) đen (âm).

– *Tranh tố nữ :* tranh vẽ người con gái đẹp đang múa hoặc thổi sáo.

– *Lĩnh :* một thứ lụa đen bóng.

– *Màu trắng điệp :* màu trắng do bột lấy ở vỏ sò, vỏ điệp ở biển trộn với hồ loãng nấu bằng bột gạo nếp tạo thành.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng

Tranh, giải trên các lề phố, nghệ sĩ, thuần phác, tranh lợn ráy, khoáy, nền đen lĩnh.

2. Đọc diễn cảm

– Đoạn 1 : nhấn mạnh tên các tranh và các từ ngữ *thấm thía một nỗi biết ơn, thuần phác, đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh, tươi vui, rất có duyên, tưng bừng.*

truongxua.vn

– Đoạn 2 : nhấn mạnh các từ ngữ *sự trang trí tinh tế, nền đen lĩnh, rất Việt Nam, gợi nhắc tha thiết, cái màu trắng điệp, tăng thêm vẻ thâm thúy, tăng thêm sinh sống. Chú ý :* Toàn bài chỉ có tám câu, mỗi câu ngắt thành nhiều vế, cần ngắt hơi đúng ở mỗi vế.

*** Tìm hiểu bài**

1. Tranh làng Hồ thường lấy đề tài trong cuộc sống hằng ngày ở làng quê Việt Nam. Em hãy kể tên một vài bức tranh.

2. Tìm những từ thể hiện rõ lòng khâm phục và biết ơn của tác giả đối với những người vẽ tranh. Tại sao tác giả lại biết ơn những người vẽ các tranh đó ?

3. Trong các màu sắc của tranh, tác giả ca ngợi nhiều nhất những màu gì ? Những màu đó có gì khác thường ?

4. Em có nhận xét gì về cách viết câu của tác giả trong đoạn 2 ?

BUỔI SÁNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Một ngày mới bắt đầu.

...Mảng thành phố hiện ra trước mắt họ đang biến màu trong bước chuyển huyền ảo của rạng đông. Mặt trời chưa xuất hiện nhưng tầng tầng lớp lớp bụi hồng ánh sáng đã tràn lan khắp không gian thoa hửng phấn trên những tòa nhà cao tầng của thành phố, khiến chúng trở nên nguy nga, đậm nét. Màn đêm mờ ảo đang lắng dần rồi chìm vào đất. Thành phố như bồng bềnh nổi giữa một biển hơi sương. Trời sáng có thể nhận rõ từng phút một. Những vùng cây xanh bỗng òa tươi trong nắng sớm. Ánh đèn từ muôn ngàn ô vuông cửa sổ loãng đi rất nhanh và thưa thớt tắt. Ba ngọn đèn đỏ trên tháp phát sóng đài truyền hình thành phố có vẻ bị hạ thấp và kéo gần lại. Mặt trời dâng chầm chậm lơ lửng như một quả bóng bay mềm mại.

Đường phố bắt đầu hoạt động và huyên náo. Những chiếc xe vận tải nhẹ, xe lam, xích lô máy, xe ba gác gắn máy nườm nượp chở hàng hóa và thực phẩm từ những vùng ngoại ô về các chợ Bến Thành, Cầu Muối ... đánh thức cả thành phố dậy bởi những tiếng máy nổ gắt gỏng...

Thành phố mình đẹp quá ! Đẹp quá đi !

Theo NGUYỄN MẠNH TUẤN

*** Chú giải**

– *Huyền ảo :* mơ hồ, không thực. Ở đây ý nói mờ mờ tỏ tỏ.

– *Nguy nga :* cao to, lộng lẫy.

– *Mờ ảo :* không rõ rệt.

– *Xe lam :* loại xe máy thường có ba bánh, có thùng xe và mui che, dùng chở hàng và hành khách.

– *Nườm nượp :* lũ lượt không dứt.

– *Vùng ngoại ô :* vùng tiếp giáp với khu nội thành của thành phố.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : bước chuyển, huyễn ảo, huyên náo, nườm nượp.

2. Đọc diễn cảm

– Đoạn 1 : sau câu mở đầu cần ngừng hơi lâu để người nghe kịp tập trung chú ý, đọc nhấn mạnh các từ ngữ nói lên sự chuyển biến của cảnh vật theo bước đi của thời gian (*biến màu, tràn lan, trở nên nguy nga, lắng dần, bỗng òa tươi, loãng đi...*).

truongxua.vn

– Đoạn 2 : đọc giọng dồn dập, nhấn mạnh các từ *hoạt động, huyên náo, nườm nượp*. Câu cuối đọc giọng trìu mến, tự hào.

*** Tìm hiểu bài**

1. Những từ ngữ nào tả sự chuyển biến của cảnh vật khi trời sáng dần ?

2. Ở đoạn đầu, những câu nào miêu tả cảnh đẹp của thành phố ?

3. Sau khi mặt trời lên, thành phố có gì khác ?

4. Tìm dàn bài chi tiết của bài văn này.

TIẾT 18

ĐẸP THAY NON NƯỚC NHA TRANG

Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,
Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.
Xanh xanh mặt biển, da trời,
Cảnh sao quyến rũ lòng người, khó quên.

Đây rồi Hòn Én, Hòn Tre,
Xa xa Hòn Khói, đi về thuyền ai ?
Mặt trời vừa mọc ban mai,
Mênh mông cát trắng hồng phai mịn màng.

Giặc tan tác chạy lâu rồi,
Dân ta làm chủ cuộc đời vẻ vang.
Đẹp thay non nước Nha Trang,
Người đi hồn vẫn mơ màng đâu đây.

SÓNG HỒNG

thuongmaitr

*** Chú giải**

– *Nha Trang :* thuộc tỉnh Khánh Hòa, nơi nghỉ mát nổi tiếng ở bờ biển miền Trung. Ở đây có nhiều phong cảnh đẹp.

– *Hòn Én, Hòn Tre, Hòn Khói :* tên những hòn đảo nhỏ ở ngoài khơi bờ biển Nha Trang.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : trời quang tuyệt vời, quyến rũ, mênh mông cát trắng, mịn màng, giặc tan tác, vẻ vang.

2. Đọc diễn cảm

– Đọc thong thả, nhấn mạnh các từ ngữ tả vẻ đẹp hấp dẫn như : *hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời, xanh xanh, quyến rũ, khó quên, mênh mông cát trắng, hồng phai mịn màng.*

– Ở khổ thơ cuối, nhấn mạnh các từ ngữ : *giặc tan tác, dân ta làm chủ, vẻ vang, đẹp thay*. Cụm từ "hồn vẫn mơ màng đâu đây" đọc thật thong thả.

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những từ chỉ màu sắc mà tác giả dùng để vẽ nên bức tranh non nước Nha Trang.
2. Em có nhận xét gì về các màu sắc đó ?
3. Nha Trang có nét gì đẹp đến quyến rũ lòng người ?
4. Khổ thơ cuối nói lên điểm gì mới của Nha Trang ?

* Học thuộc lòng cả bài.

truongxua.vn

TIẾT 19

PHONG CẢNH HÒN ĐẤT

Hòn Đất nổi lên trên Hòn Me và Hòn Sóc, gối đầu lên xóm, về tháng này trông xanh tốt quá. Bây giờ vừa sang tháng chạp ta, người đất Hòn đã nghe gió Tết hây hẩy lùa trong nắng. Cây cối trên Hòn và các xóm nằm liền Hòn vụt rạo rực, tràn trề nhựa sống. Vùng Hòn với những vòm lá của đủ các loại cây trái : mít, dừa, cau, mãng cầu, lê-ki-ma, măng cụt sum sê nhẫy nhượt. Những ngôi nhà trong xóm, mái lá và ngói đỏ chen nhau, coi đông đúc như một thị trấn. Nhà còn cất leo lên trên triền Hòn thoai

thoải, ở xa ngó cứ như những chuồng chim câu, cái thì nhà trệt, cái thì nhà sàn. Xa quá khỏi Hòn một đổi là bãi Tre. Thấp thoáng những cây tre đằng ngà cao vút, vàng óng, những cây tre lâu nay vẫn đứng đấy, bình yên và thanh thản, mặc cho bao nhiêu năm tháng đã đi qua, mặc cho bao nhiêu gió mưa đã thổi tới. Sau rặng tre ấy, biển cả còn lâu đời hơn, vẫn đang giỡn sóng, mang một màu xanh lục.

Những lần đi đâu xa và lâu ngày trở về đây, người dân đất Hòn cũng thấy lòng mình rộn lên một cảm xúc khó tả. Nhất là trở về đúng những ngày mùa, khi thoang thoảng đâu đây hương lúa mới, họ càng thấy lòng mình nhẹ lâng lâng.

ANH ĐỨC

Trích "Hòn Đất"

thuongmaitr

*** Chú giải**

– *Hòn Đất :* tên vùng đất nằm sát bờ biển, thuộc tỉnh Kiên Giang. Hòn Đất, Hòn Me, Hòn Sóc hợp lại thành vùng Ba Hòn.

– *Nhẫy nhượt :* bóng mượt (từ địa phương).

– *Nhà trệt :* nhà có nền sát đất.

– *Nhà sàn :* nhà có sàn gỗ (hoặc tre) cao hơn mặt đất, có cầu thang ngắn để lên xuống.

– *Một đổi :* một đoạn, một quãng.

– *Tre đằng ngà :* một loại tre nhỏ, vỏ màu hơi vàng và bóng mượt.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : Hòn Đất, tràn trề nhựa sống, nhẫy nhượt, triền Hòn thoai thoải, giỡn sóng.

2. *Đọc diễn cảm*

– Toàn bài đọc thong thả, rõ ràng, giọng thân mật nhằm diễn tả tình cảm trìu mến đối với vùng đất tươi đẹp và vô cùng anh dũng.

– Phần tả vẻ đẹp của Hòn Đất, chú ý nhấn mạnh các từ ngữ gợi tả và gợi cảm như : *gối đầu, hây hẩy, rạo rực, tràn trề, sum sê, nhẩy nhượt, chen nhau, leo lên, thoai thoải, thấp thoáng, cao vút, vàng óng, thanh thản, giỡn sóng, xanh lục*.

– Phần nói về tình cảm của người Hòn Đất, đọc giọng có cảm xúc, chú ý các từ ngữ : *rộn lên, khó tả, nhẹ lâng lâng*.

*** Tìm hiểu bài**

1. Từ ngữ nào miêu tả vẻ xanh tốt của vùng Hòn Đất ?

2. Nhà cửa ở đây như thế nào ?

3. Những hình ảnh nào tô điểm cho Hòn Đất thêm đẹp ?

4. Đoạn cuối bài nêu lên tình cảm gì của người ở đây đối với quê hương ?

truongxua.vn

TIẾT 20

TRE VIỆT NAM

Tre xanh,
Xanh tự bao giờ ?
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh.

Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi ?

Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu ?

Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít, chất dồn lâu hóa nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù.
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành.
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm.
Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm.
Thương nhau tre chẳng ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người.
Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng.
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con.
Măng non là búp măng non
Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre.
Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu.
Mai sau,
Mai sau,
Mai sau,
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

thuongmaitr

NGUYỄN DUY

Trích "Cát trắng"

*** Chú giải**

– Bài này được sáng tác trong thời kì đế quốc Mĩ đang tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt đất nước ta.

– *Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh :* chuyện Thánh Gióng nhổ tre đánh tan giặc Ân, chuyện về "cây tre trăm đốt", v.v...

– *Nên lũy nên thành :* làng quê ta xưa thường trồng tre thành một lớp rào dày và chắc bao quanh như thành lũy.

– *Kham khổ :* thiếu thốn, vất vả.

– *Cái gốc truyền dòi cho măng :* măng mọc từ gốc tre, phần gốc nằm sâu dưới đất.

– *Manh áo cộc :* chỉ những chiếc mo nang bao bọc búp măng.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* khuất mình bóng râm, nguyên cái gốc truyền đời cho măng. Đọc ngắt nhịp :

Chuyện ngày xưa / đã có bờ tre xanh //
Mỡ màu ít / chất dồn lâu hóa nhiều //
Cây kham khổ / vẫn hát ru lá cành //

truongxua.vn

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn 1 (7 dòng đầu) : đọc cao giọng ở cuối các câu hỏi.

– Đoạn 2 (8 dòng tiếp) : nhấn mạnh các từ ngữ *ít, chất dồn lâu hóa nhiều, rễ siêng, cần cù, không đứng khuất mình* nhằm giải đáp câu hỏi ở dòng 6, 7, đồng thời ca ngợi những "phẩm chất" tốt đẹp của tre : cần cù, nhẫn nại, phóng khoáng.

– Đoạn 3 (10 dòng sau) : nhấn mạnh các từ ngữ *thân bọc lấy thân, chẳng ở riêng, nguyên cái gốc, dâu chịu mọc cong, nhường cho con* nhằm ca ngợi "truyền thống" tốt đẹp của nòi tre : đùm bọc, đoàn kết, ngay thẳng, hi sinh vì con cái, đồng thời cũng giải đáp câu hỏi ở dòng 4, 5.

– Đoạn 4 (8 dòng cuối) : nhấn mạnh các điệp ngữ *măng non – măng non, qua đi – qua đi, mai sau – mai sau – mai sau, xanh – xanh – xanh.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Trong đoạn 1 (7 dòng đầu), tác giả nêu lên mấy câu hỏi và nội dung của từng câu hỏi là gì ?

2. Tìm những từ ngữ ca ngợi "phẩm chất" tốt đẹp của tre trong đoạn 2. Đoạn này trả lời câu hỏi nào ?

3. Đoạn 3 trả lời câu hỏi nào ? Những câu thơ nào giải đáp câu hỏi ấy ?

4. Bài thơ cho biết tre Việt Nam có những "phẩm chất" gì ?

5. Em thấy tre có những nét nào giống phẩm chất của dân tộc Việt Nam ?

* Học thuộc lòng từ đầu đến "bóng râm" hoặc đoạn còn lại.

TIẾT 21

NÚI RỪNG TRƯỜNG SƠN SAU CƠN MƯA

thuongmaitr

Mưa ngớt hạt, rồi dần dần tạnh hẳn. Màn mây xám đục trên cao đã rách mướp, trôi giạt cả về một phương, để lộ dần một vài mảng trời thấp thoáng xanh. Một vài tia nắng hiếm hoi bắt đầu mừng rỡ rọi xuống. Dưới mặt đất, nước mưa vẫn còn róc rách, lăn tăn, luồn lỏi chảy thành hàng ngàn vạn dòng mỏng manh, buốt lạnh. Từ trong các bụi rậm xa gần, những chú chồn, những con dũi với bộ lông ướt mềm, vừa mừng rỡ, vừa lo lắng, nối tiếp nhau nhảy ra rồi biến mất. Trên các vòm lá dày ướt đẫm, những con chim Klang mạnh mẽ, dữ tợn, bắt đầu dang những đôi cánh lớn giũ nước phành phạch. Cất lên những tiếng kêu khô, sắc, chúng nhún chân bay lên, làm cho những đám lá úa rơi rụng lả tả. Xa xa, những chỏm núi màu tím biếc cắt

chéo nền trời. Một dải mây mỏng, mềm mại như một dải lụa trắng dài vô tận ôm ấp, quấn ngang các chỏm núi như quyến luyến, bịn rịn.

Sau những trận mưa dầm rả rích, rừng núi Trường Sơn như bừng tỉnh, cảnh vật như thêm sức sống mới.

Trích Tập đọc lớp 5-1980

*** Chú giải**

– *Rách mướp :* rách tả tơi như xơ mướp.

– *Con dũi :* một loài thú nhỏ.

– *Chim Klang :* tên một giống chim lớn.

– *Quyến luyến :* yêu thương, quấn quýt.

– *Bịn rịn :* không muốn dứt, không nỡ rời.

*** Hướng dẫn đọc**

truongxua.vn

1. *Đọc đúng :* núi rừng Trường Sơn, rách mướp, ướt mềm, vòm lá dày ướt đẫm, phành phạch, quyến luyến.

2. *Đọc diễn cảm*

Sau mỗi đoạn tả, ngừng hơi lâu hơn, chú ý nhấn mạnh các từ ngữ mở đầu cho mỗi đoạn tả như *Màn mây, Dưới mặt đất, Từ trong các bụi rậm, Trên các vòm lá, Xa xa,* để người nghe hình dung được rõ nét các bộ phận trong toàn cảnh.

– Trong mỗi đoạn tả, nhấn mạnh những từ ngữ gợi tả như *xám đục, rách mướp, thấp thoáng xanh, róc rách, lăn tăn, mỏng manh, buốt lạnh...* và nhấn mạnh các từ ngữ gợi cảm xúc như *mừng rỡ, lo lắng, quyến luyến, bịn rịn.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Sau cơn mưa, cảnh bầu trời và mặt đất có những nét gì đẹp ?

2. Tìm những từ ngữ tả hoạt động của các loài vật trong rừng sau cơn mưa.

Từ xa đến gần, Không gian

3. Trong bài này, tác giả tả cảnh và vật theo thứ tự nào ?

4. Trong các từ ngữ dùng để miêu tả ở đây, những từ ngữ nào tả hình dáng, màu sắc, âm thanh ?

5. Tìm dàn bài chi tiết của bài văn này.

TIẾT 22

BÀI CA CÔN SƠN

thuongmaitr

Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm.
Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.

Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.

NGUYỄN TRÃI

Bản dịch "Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi"

*** Chú giải**

– Bài này trích trong bản dịch *Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi*. Tác giả sáng tác khoảng năm 1440 – 1442, lúc về nghỉ ở Côn Sơn.

– *Côn Sơn :* nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, nơi có trang ấp của ông ngoại Nguyễn Trãi (tức ông Trần Nguyên Đán).

– *Ghềnh :* chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đá lởm chởm chắn ngang làm dòng nước dồn lại và chảy xiết, thuyền bè khó qua lại, ở đây chỉ dãy núi đá thấp ở Côn Sơn.

– *Thông mọc như nêm :* thông mọc rất dày.

– *Thơ nhàn :* thơ ca tụng cuộc sống thảnh thơi, nhàn hạ.

uongxua.vn

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* Côn Sơn, suối chảy rì rầm, tiếng đàn cầm, ghềnh, bóng trúc râm.

2. *Đọc diễn cảm*

– Toàn bài đọc giọng hơi trầm và nhẹ nhàng, các câu đều ngắt nhịp 2.

– Cặp câu thứ nhất đọc giọng trầm với các từ có thanh huyền : *rì rầm, đàn cầm.* Cặp câu thứ hai đọc giọng cao hơn một chút với các từ có thanh ngang : *rêu, phơi, như, êm.* Cặp câu thứ ba và thứ tư đọc giọng êm nhẹ, thoải mái, chú ý các từ có thanh ngang và thanh huyền : *thông, như, nêm, ta, lên, ta, nằm, trong, rừng, màu, xanh, ta, ngâm, thơ, nhàn.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Nêu những cảnh đẹp ở Côn Sơn.

2. Mỗi cảnh gợi cho nhà thơ một cảm giác êm dịu. Em hãy tìm một câu tả cảnh đi kèm một câu tả tình để dẫn chứng.

3. Trong bốn câu 8, những động từ nào chỉ động tác của nhà thơ ? (chú ý các từ đứng sau đại từ *ta*) Những động tác ấy diễn ra theo một trật tự hợp lí, vì sao ?

4. Thiên nhiên ở đây rất hòa hợp với tình người, những từ ngữ nào nói lên điều ấy ?

* Học thuộc lòng cả bài.

TIẾT 23

THÁC Y-A-LI

Chuyện lạ mà có thực. Ở Tây Nguyên có một hồ rộng mênh mông nằm trên dãy núi Chư-pa. Con sông Bô-cô chảy từ Kon Tum về tới đây, bị dãy núi Chư-pa chắn ngang, tạo nên một hồ nước tuyệt đẹp ở lưng chừng trời.

thuongmaitr

Ở phía bờ đông bắc, mặt hồ phẳng lặng như gương. Những cây gỗ tếch xòe tán rộng soi bóng xuống mặt nước. Nhưng về phía bờ tây, một khung cảnh hùng vĩ diễn ra trước mắt. Mặt hồ, sóng chồm dữ dội, bọt tung trắng xóa, nước réo ào ào. Cách xa nửa ngày đường, đã nghe tiếng nước réo, tưởng như có trăm vạn tiếng quân reo giữa núi rừng trùng điệp. Đó là nguồn nước Bô-cô thúc mạnh vào sườn núi Chư-pa bắt núi phải cắt đôi. Nước ào ạt phóng qua núi rồi đổ xuống, tạo nên thác Y-a-li. Thác nước thẳng đứng, chảy mòn đá, thành mười hai bậc từ trên đỉnh núi xuống mặt nước. Nước trút từ trên trời xuống, trông như một biển mù sương, đẹp tuyệt vời. Nhất là lúc sắp hoàng

hôn, mặt trời xói thẳng vào dòng nước lấp lánh như người ta dát một mẻ vàng vừa luyện xong.

Thác Y-a-li là một thắng cảnh trên lưng chừng trời. Ở đây sẽ có nhà máy thủy điện và sẽ là nơi nghỉ mát vô cùng hấp dẫn. Các bạn chẳng những sẽ được tắm mát, được ngắm cảnh đẹp, mà chiều chiều còn được xem các chú tắc kè có cánh bay đi bắt muỗi trên bãi cỏ ven hồ và những cô chuột túi địu con chuyền trên các cành cây hái quả.

THIÊN LƯƠNG

• **Chú giải**

– *Gỗ tếch :* tên một loại gỗ quý.

– *Hùng vĩ :* mạnh mẽ, lớn lao.

– *Trùng điệp :* hết lớp này đến lớp khác, liên tiếp nhau.

– *Ào ạt :* mạnh và nhanh, không sức nào cản nổi.

ruongxua.vn

– *Hoàng hôn :* lúc xẩm tối.

– *Thắng cảnh :* cảnh đẹp nổi tiếng.

• **Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* Chư-pa, gỗ tếch, xòe tán rộng, sóng chồm dữ dội, hoàng hôn, bắt muỗi, chuột túi, địu con.

2. *Đọc diễn cảm*

Nhấn mạnh những từ ngữ, hình ảnh sau đây để làm nổi bật vẻ đẹp của cảnh vật :

a) rộng mênh mông, chắn ngang lại, tuyệt đẹp, lưng chừng trời.

b) phẳng lặng như gương, xòe tán rộng, soi bóng, khung cảnh hùng vĩ, sóng chồm dữ dội, bọt tung trắng xóa, nước réo ào ào, phóng qua núi, thẳng đứng, biển mù sương, lấp lánh.

c) lưng chừng trời, vô cùng hấp dẫn.

*** Tìm hiểu bài**

1. Hồ nước trên dãy núi Chư–pa được hình thành như thế nào ?

2. Cảnh hồ đẹp ra sao ? Những từ ngữ nào tả hình ảnh màu sắc, âm thanh trong đoạn này ?

3. Chi tiết nào nêu lên vẻ đẹp độc đáo của thác ?

4. Ngoài vẻ đẹp của thác, ở đây còn có gì hấp dẫn khách du lịch ?

TIẾT 24

DỪA ƠI

Tôi lớn lên đã thấy dừa trước ngõ,
Dừa ru tôi giấc ngủ tuổi thơ.
Cứ mỗi chiều nghe dừa reo trước gió,
Tôi hỏi nội tôi : "Dừa có tự bao giờ ?".

Nội nói : "Lúc nội còn con gái,
Đã thấy bóng dừa mát rượi trước sân.
Đất này xưa đầm lầy chua mặn,
Đời đói nghèo cay đắng quanh năm".

Dừa ơi dừa, người bao nhiêu tuổi,
Mà lá tươi xanh mãi đến giờ ?
Tôi nghe gió ngàn xưa đang gọi,
Xào xạc lá dừa hay tiếng gươm khua.

Vẫn như xưa, vườn dừa quê nội,
Sao lòng tôi bỗng thấy yêu hơn,
Ôi, thân dừa đã hai lần máu chảy,
Biết bao đau thương, biết mấy oán hờn.

Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút,
Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng.
Rễ dừa bám sâu vào lòng đất,
Như dân làng bám chặt quê hương.

Tôi ngước nhìn mùa xuân nắng rọi,
Bốn mặt quê hương giải phóng rồi,
Tôi bỗng thấy nội tôi trẻ lại,
Như thời con gái tuổi đôi mươi,
Như hàng dừa trước ngõ nhà tôi.

LÊ ANH XUÂN

Trích "Hoa dừa"

*** Chú giải**

– *Nội :* ông nội, bà nội. Ở đây là bà nội.

ruongxua.vn

– *Hai lần máu chảy :* ý nói cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mĩ.

– *Hiên ngang :* có thái độ tự tin, không khuất phục. Ở đây ý nói thế đứng vững chãi của dừa trước bão dông, lửa đạn.

– *Rất mực :* hết sức.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* dừa reo trước gió, mát rượi, người bao nhiêu tuổi, oán hờn, hiên ngang, cao vút.

2. *Đọc diễn cảm*

Ở từng khổ thơ, chú ý thay đổi giọng đọc một cách linh hoạt, phù hợp với dấu câu và lời nhân vật :

– Khổ 1 : đọc cao giọng ở cuối câu hỏi "Dừa có tự bao giờ ?".

– Khổ 2 : đọc giọng âu yếm như lời bà nói với cháu "Lúc nội còn... trước sân".

– Khổ 3 : đọc cao giọng ở cuối câu hỏi.

– Khổ 4 : hai câu dưới đọc giọng cảm thủ.

– Khổ 5 : đọc giọng mạnh mẽ, nhấn mạnh các từ ngữ *hiên ngang, bám sâu, bám chặt.*

– Khổ 6 : chuyển sang giọng vui, tin tưởng.

*** Tìm hiểu bài**

1. Những câu thơ nào cho em biết từ lâu đời, dừa đã có ở đây ?

2. Vẫn vườn dừa xưa, sao tác giả lại thấy yêu hơn ?

3. Những từ ngữ nào cho biết qua hai cuộc chiến tranh kẻ thù vẫn không tiêu diệt được đồng bào và vườn dừa quê hương ?

4. Tại sao khi quê hương được giải phóng, tác giả lại thấy người và dừa trẻ lại ?

* Học thuộc lòng 4 khổ thơ do em tự chọn.

thuongmaitr

MÍA CU-BA

ruongxua.vn

Tôi đã đi xuyên hòn đảo từ đông sang tây, xe bon bon chạy, hai bên đường chỉ thấy loang loáng một màu xanh rì của mía. Tưởng chừng Cu-ba là cả một cánh đồng liền không bờ ruộng, không chân trời, trồng độc có một giống mía mà thôi. Mía san sát như thành, cây nọ lấn cây kia mà mọc. Thế mía như nước vỡ bờ, đuổi ra khỏi giang sơn của nó lúa, ngô, khoai, đậu, mọi giống cây trồng khác. Mía bủa vây lấy những gốc cọ, dường như cọ sợ mía tấn công, ngọn cọ nào cũng cố vút lên cao tít. Có khi đến hàng chục cây số, mía chen chúc nhau không một khe nào hở. Thỉnh thoảng lắm mới có một con đường nhỏ thọc sâu vào rừng mía thẳm, bí hiểm vô cùng.

... Xe chúng tôi dừng lại bên một cánh đồng mía mới. Mía đầy tuổi tôi. Mía xã hội chủ nghĩa đấy ! Mía ở đây chọn giống tốt nhất của tỉnh Ca-ma-guây trù phú. Cây mía to, giống mía bầu, mầm tròn lồi lên. Mía trồng dày lắm, nhưng gọn mắt và đều cây. Lạ nhất là quanh ruộng mía có đào hào sâu, mùa này khô, vốn để dẫn nước tưới. Và khắp bốn chung quanh ruộng mía bao la, là cả một cánh đồng dài năm bảy cây số. Người ta đóng cọc, chăng dây, ngăn bò vào húc mía, vì hợp tác xã ở đây chăn nuôi hàng mấy trăm con bò lấy thịt, sữa và phân chuồng. Cọc bằng gỗ vót nhọn, bào nhẵn, sơn tuyền vàng thắm, như để làm duyên với mía.

Lớp mía đầu tiên được người nâng giấc, chăm chút hơn xưa.

THÉP MỚI

Trích "Hiên ngang Cu-ba"

thuongmaitr

*** Chú giải**

– *Giang sơn :* sông núi. Ở đây ý nói vùng đất chuyên canh của mía.

– *Đầy tuổi tôi :* tròn một năm.

– *Trù phú* : giàu có.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* xuyên hòn đảo, loang loáng một màu xanh rì, vút lên cao tít, Ca-ma-guây.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn 1 : đọc với nhịp điệu khẩn trương, diễn tả cảnh tác giả quan sát đồng mía từ trên ôtô chạy nhanh. Chú ý các từ ngữ *loang loáng một màu xanh rì, không bờ ruộng, không chân trời,*

và nhấn mạnh các động từ nhân hóa cây mía như *duỗi ra, bủa vây, tấn công, chen chúc,* nhằm nêu bật thế mạnh của mía.

– Đoạn 2 : chú ý các từ ngữ *cây to, giống bầu, mầm tròn lồi lên, hào sâu, gỗ vót nhọn, bào nhẵn.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Mía ở Cu–ba rất nhiều. Từ ngữ nào nói lên điều đó ?

2. Những câu nào cho ta thấy mía ở đây có sức sống mãnh liệt ?

3. Giống mía mới ở Cu–ba có những đặc điểm gì ?

4. Những chi tiết nào chứng tỏ mía ở đây được chăm bón, bảo vệ theo quy mô lớn ?

5. Trong bài này có những từ ngữ nào được dùng để nhân hóa cây mía ? Dùng như thế có tác dụng gì ? quí trọng mía vì mía là loại cây công nghiệp

* Ôn những bài học thuộc lòng từ tuần 8 đến tuần 12.

Dùng lối nhân hóa có tác dụng nêu lên sức sống mãnh liệt của cây mía.

truongxua.vn

TIẾT 26

VỀ THĂM NHÀ BÁC

Về thăm nhà Bác, làng Sen
Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng
Có con bướm trắng lượn vòng
Có chùm ổi chín vàng ong sắc trời.
Ngôi nhà thuở Bác thiếu thời
Nghiêng nghiêng mái lợp bao đời nắng mưa
Chiếc giường tre quá đơn sơ
Võng gai ru mát những trưa nắng hè.
Làng Sen như mọi làng quê
Ngôi nhà lẫn với hàng tre bóng tròn.

Kìa hàng hoa đỏ màu son
Kìa con bướm trắng chập chờn như mơ.

NGUYỄN ĐỨC MẬU

*** Chú giải**

– *Làng Sen :* còn gọi là làng Kim Liên, quê nội Bác Hồ.

– *Thiếu thời :* thuở nhỏ.

– *Võng gai :* võng đan bằng sợi gai, loại cây có lá dùng làm bánh gai (một loại bánh màu đen gói bằng lá chuối, nhân đậu xanh, ăn rất ngon).

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* râm bụt, thắp lên lửa hồng, sắc trời.

2. *Đọc diễn cảm :* nhấn mạnh các điệp từ *có, kìa* và các từ ngữ chỉ màu sắc *lửa hồng, bướm trắng, vàng ong.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh tả khu vườn nhà Bác.
2. Tìm những chi tiết tả ngôi nhà và đồ đạc trong nhà.
3. Những chi tiết đó nói lên điều gì về gia đình Bác ?

TIẾT 27

MÙA THẢO QUẢ

Thảo quả trên rừng Đản Khao đã vào mùa.

Gió tây lướt thướt bay, qua rừng, quyến hương thảo quả đi, rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lựng, thơm

thuongmaitr

nồng vào những thôn xóm Chin San. Gió thơm. Cây cỏ thơm. Đất trời thơm. Người đi từ rừng thảo quả về, hương thơm đậm, ủ ấp trong từng nếp áo, nếp khăn.

Thảo quả trên rừng Đản Khao đã chín nục. Chẳng có thứ quả nào hương thơm lại ngây ngất kì lạ đến như thế. Mới đầu xuân năm kia, những hạt thảo quả gieo trên đất rừng, qua một năm bỏ mặc, đã lớn cao tới bụng người ; một năm sau nữa, từ một thân lẻ, thảo quả đâm thêm hai nhánh mới. Sự sinh sôi sao mà mạnh mẽ vậy, thoáng cái, dưới bóng râm của rừng già, thảo quả sầm uất từng khóm râm lan tỏa nơi tầng rừng thấp, vươn ngọn, xòe lá, lấn chiếm không gian.

Sự sống cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả nảy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái. Thảo quả chín dần. Dưới tầng đáy rừng, tựa như đột ngột, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, bóng bẩy như chứa lửa, chứa nắng. Rừng ngập hương thơm. Rừng sáng như có lửa hắt lên từ dưới đáy rừng.

Rừng say ngây và ấm nóng. Thảo quả như những đốm lửa hồng, ngày qua ngày lại thắp thêm nhiều ngọn mới, nhấp nháy vui mắt.

MA VĂN KHÁNG

*** Chú giải**

– *Thảo quả :* tên một thứ cây, quả gần giống quả trám, lúc chín màu đỏ rực, tỏa mùi thơm ngào ngạt, dùng làm thuốc và gia vị.

– *Vào mùa :* bắt đầu mùa gặt hái, thu hoạch.

– *Đản Khao :* tên vùng đất thuộc tỉnh Lào Cai.

– *Chín nục :* chín đến mức mềm ra.

– *Sầm uất :* um tùm, rậm rạp.

– *Tầng rừng thấp :* rừng có 3 tầng : tầng cao gồm các loại cây to, thân cao vút, tầng giữa gồm các loại cây có độ cao trung bình, tầng thấp gồm các loại cây bụi và dây leo. Thảo quả thuộc loại cây ở tầng rừng thấp.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng* : lướt thướt, trên đất rừng, sầm uất, khóm râm, lấn chiếm không gian, mưa rây bụi.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn đầu : đọc thong thả, vui, nhấn mạnh các từ ngữ *hương thảo quả, ngọt lựng, thơm nồng* và điệp từ *thơm* trong các câu ngắn, để diễn tả niềm vui vào mùa.

– Đoạn giữa ("Thảo quả... dưới đáy rừng") : nhấn mạnh các từ ngữ *mới đầu xuân năm kia, một năm sau, thoáng cái, tiếp tục trong âm thầm, ngày qua* để diễn tả sự phát triển nhanh chóng của thảo quả.

thuongmaitr

– Đoạn cuối : nhấn mạnh các từ ngữ tả vẻ đẹp của rừng thảo quả : *đốm lửa hồng, nhấp nháy, vui mắt.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Thảo quả báo hiệu vào mùa bằng cách nào ? Từ *hương* và từ *thơm* được nhắc lại nhiều lần nhằm diễn tả điều gì ?

2. Từ khi gieo hạt đến lúc quả chín, cây thảo quả phát triển rất nhanh. Những từ ngữ nào nói lên ý đó ?

3. Thảo quả ra hoa và quả chín như thế nào ? Những câu nào miêu tả đặc điểm ấy ?

4. Khi thảo quả chín, rừng có những hình ảnh nào đẹp mắt và có mùi gì nổi bật ?

* Học thuộc lòng từ "Sự sống cứ tiếp tục..." đến hết bài.

TIẾT 28

RỪNG MƠ

truongxua.vn

Giữa mùa hoa mơ nở
Bước chân vào Hương Sơn
Núi vì hoa, trẻ mãi
Đời đời tên Núi Thơm.

Rừng mơ ôm lấy núi
Mây trắng đọng thành hoa
Gió chiều đông gờn gợn
Hương bay gần bay xa...

thơm của trái thảo quả rất đặc biệt

Trên thung sâu vắng lặng
Những đài hoa thanh tân
Uống dạt dào mạch đất
Kết đọng một mùa xuân.
Rồi quả vàng chiu chít
Như trời sao quây quần.

Sang xuân người trẩy hội
Khao khát vị mơ chua
Quả rừng mát hơi núi
Hãy còn vương mùi hoa ...

Có người bạn xa nước
Yêu sông núi chúng ta
Mùa xuân cũng trẩy hội
Gửi mơ về quê nhà.

TRẦN LÊ VĂN

Trích tập "Thơ chùa Hương"

thuongmaitr

*** Chú giải**

– *Hương Sơn :* tên một vùng núi ở huyện Mĩ Đức, tỉnh Hà Tây, nơi có động Hương Tích, một cảnh đẹp nổi tiếng.

– *Thung (thung lũng) :* dải đất trũng và kéo dài, nằm giữa hai sườn dốc.

– *Thanh tân :* trong trẻo và mới mẻ.

– *Chiu chít :* ý nói quả sai dày đặc trên cành (như *chi chít*).

– *Trẩy hội :* đi dự hội. Ở đây là đi dự hội chùa Hương (vào khoảng tháng 3 âm lịch).

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* uống dạt dào mạch đất, trời sao quây quần, quả rừng mát hơi núi, mùa xuân cũng trẩy hội.

2. *Đọc diễn cảm*

Trong từng khổ thơ, chú ý nhấn mạnh những từ ngữ, những câu gợi cảm như : *trẻ mãi, Núi Thơm* (khổ 1) ; *ôm, đọng, hương bay gần bay xa* (khổ 2) ; *uống dạt dào, kết, chiu chít, như trời sao* (khổ 3) ; *khao khát, mát, vương* (khổ 4) ; *yêu sông núi chúng ta, trẩy hội, gửi mơ về* (khổ 5).

*** Tìm hiểu bài**

1. Rừng mơ đẹp nhất vào lúc nào ? Những câu thơ nào tả vẻ đẹp của rừng mơ đang mùa hoa nở ?

2. Bốn câu đầu trong khổ thơ 3 ý nói gì ? Hai câu sau tả rừng mơ vào thời kì nào ?

3. Khổ thơ 4 nêu lên được hương vị gì của mơ Hương Sơn ?

4. Rừng mơ Hương Sơn đã gửi những "quả vàng hữu nghị" của nó đến những nơi xa. Câu thơ nào cho ta biết điều đó ?

TIẾT 29

tuongxua.vn

SẦU RIÊNG

Sầu riêng là loại trái quý, trái hiếm của miền Nam. Hương vị của nó hết sức đặc biệt, mùi thơm đậm, bay rất xa, lâu tan trong không khí. Còn hàng chục mét mới tới nơi để sầu riêng, hương đã ngào ngạt xông vào cánh mũi. Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn. Hương vị quyến rũ đến kì lạ.

Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm. Gió đưa hương thơm ngát như hương cau, hương bưởi tỏa khắp khu vườn. Hoa đậu từng chùm, màu tím ngát. Cánh hoa như vảy cá, hao hao giống cánh sen con, lác đác vài nhụy li ti giữa những

cánh hoa. Mỗi cuống hoa ra một trái. Nhìn trái sầu riêng lủng lẳng dưới cành trông giống những tổ kiến. Mùa trái rộ vào dạo tháng tư, tháng năm ta..

Đứng ngắm cây sầu riêng, tôi cứ nghĩ mãi về cái dáng của giống cây kì lạ này. Thân nó khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, thiếu cái dáng cong, dáng nghiêng, chiều quằn, chiều lượn của cây xoài, cây nhãn. Lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại, tưởng như lá héo. Vậy mà khi trái chín, hương tỏa ngạt ngào, vị ngọt đến đam mê.

MAI VĂN TẠO

*** Chú giải**

– *Sầu riêng :* một loại cây có quả gần giống quả mít, múi to, hương vị thơm ngon đặc biệt.

– *Hao hao giống :* gần giống.

– *Khẳng khiu :* gầy gò và sát lại.

– *Đam mê :* ham thích đến say mê.

thuongmaitr

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* sầu riêng, quyện với hương bưởi, quyến rũ, khẳng khiu, thẳng đuột, chiều quằn chiều lượn, cây xoài cây nhãn.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn đầu : nhấn mạnh các từ ngữ *thơm đậm, bay rất xa, lâu tan, béo của trứng gà, ngọt cái vị ngọt của mật ong* để diễn tả hương vị đặc biệt của trái sầu riêng.

– Đoạn giữa : nhấn mạnh các từ ngữ *thơm ngát, từng chùm, tím ngát, như vảy cá, nhụy li ti, lủng lẳng dưới cành, giống tổ kiến,* để nêu bật vẻ đẹp riêng biệt của hoa, hình dáng lạ của quả.

– Đoạn cuối : nhấn mạnh các từ ngữ tả hình dáng của cây *khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, lá nhỏ xanh vàng, hơi khép, héo* và hương vị của quả *ngạt ngào, vị ngọt đến đam mê.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những từ ngữ nói lên hương vị đặc biệt của quả sầu riêng. Tác giả đã so sánh hương vị của sầu riêng với những gì ?

2. Hoa sầu riêng có những nét gì đẹp ?

3. Tác giả đã tả cái dáng không đẹp của cây và lá. Em hãy tìm những từ ngữ để dẫn chứng.

4. Em cho biết tác giả tả như thế nhằm mục đích gì ?

TIẾT 30

MÙA HOA BƯỞI

Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa bưởi
Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương
Em lại nhớ ngày anh ra trận
Cũng giữa mùa hoa bưởi ngát hương.

Cây bưởi đào hai cành anh chiết
Em đã cắt trồng bên cạnh giếng khơi
Qua ba năm sau, nhanh quá nhỉ
Bưởi em trồng cành lá đã xanh tươi.

Đẹp lắm anh ơi ! Con sông Ngàn Phố !
Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau !
Nay mai những chuyến đò xuôi ngược
Bưởi quê mình rời bến nối đuôi nhau...

Chân anh đi khắp rừng khắp núi
Mỗi nẻo đường, mỗi xóm làng xa
Hẳn đâu cũng thơm mùi hoa bưởi
Hương vị non sông, hương vị quê nhà.

TÔ HÙNG

truongxua.vn

*** Chú giải**

– *Sông Ngàn Phố :* một con sông nhỏ ở Hà Tĩnh.

– *Bưởi đào :* giống bưởi có ruột màu phơn phớt đỏ.

– *Chiết* : bóc một khoanh vỏ ở cành, bọc đất ẩm lại cho rễ mọc rồi cắt ra đem trồng.

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng

– Thơm lừng hoa bưởi, rắc trắng vườn nhà, chuyến đò xuôi ngược.

– Qua ba năm sau / nhanh quá nhỉ//

– Nay mai /những chuyến đò xuôi ngược //

2. Đọc diễn cảm

– Khổ 1 : nhấn mạnh các từ ngữ *thơm lừng, rắc trắng vườn nhà, ngát hương*.

– Khổ 2 và 3 : cần thể hiện tình cảm của người ở nhà đối với người đi chiến đấu nơi xa.

thuongmaitr

– Khổ 4 : chú ý nhấn mạnh các từ được lặp lại *khắp ... khắp, mỗi ... mỗi, hương vị ... hương vị* để diễn tả bước chân của người đi chiến đấu trên khắp mọi miền đất nước đều thơm ngát hương bưởi mùa xuân.

*** Tìm hiểu bài**

1. Hoa bưởi nở vào mùa nào ? Khi hoa bưởi nở, vườn cây đẹp như thế nào ?

2. Mùa hoa bưởi ở đây đã gợi lên kỉ niệm gì của người ở nhà đối với người ra trận ?

3. Tại sao con sông Ngàn Phố lại sáng cả đôi bờ ? Từ ngữ nào cho ta biết bưởi ở đây nhiều vô kể ?

4. Trong khổ thơ cuối có những từ nào được lặp lại nhiều lần ? Lặp lại như vậy diễn tả được điều gì ?

5. Em cho biết câu "Hẳn đâu cũng thơm mùi hoa bưởi" nói lên ý gì ?

* Học thuộc lòng cả bài.

TIẾT 31

SÂN CHIM

Thuyền chúng tôi xuôi dòng về hướng Năm Căn. Đó là xứ tiền rừng bạc biển. Tôi đang ở trong mui thuyền, bỗng có tiếng gọi :

- Mau ra coi, An ơi ! Gần tới sân chim rồi.

Tôi vội ra khoang trước nhìn. Xa xa từ vệt rừng đen, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời.

Càng đến gần, những đàn chim đen bay kín trời, cuốn theo sau những luồng gió vút làm tôi rối lên, hoa cả mắt. Mỗi lúc, tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa. Chim gà đẩy, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rụt cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ to như con ngỗng đậu đến quằn nhánh cây.

Chim tập trung về đây nhiều không thể nói được. Chúng đậu và làm tổ thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng. Xa xa thấp thoáng có người quảy giỏ, cầm sào trúc để bắt chim, coi bộ dễ hơn bắt gà nhốt trong chuồng.

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi tiếp tục chèo, đi

tới ba nghìn thước rồi mà vẫn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây gie sát ra sông.

DOÀN GIỎI

Trích "Đất rừng phương nam"

*** Chú giải**

– *Sân chim* : nơi chim tập trung rất đông và đủ mọi giống, mọi loài.

– *Năm Căn* : tên vùng đất thuộc tỉnh Cà Mau.

– *Tiếng xúc những rổ tiền đồng :* tiền ngày xưa đúc bằng đồng, khi xúc vào rổ, tiếng loảng xoảng, nghe vui tai.

– *Vũ nữ :* người con gái làm nghề nhảy múa.

– *Trầm tư :* đăm đăm suy nghĩ.

– *Gie :* vươn dài ra xa (tiếng địa phương).

*** Hướng dẫn đọc**

thuongmaitr

1. *Đọc đúng :* trong mui thuyền, khoang trước, từ lòng đất chui ra, chen nhau trắng xóa, trầm tư, rụt cổ, quần nhánh cây, gie sát ra sông.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn 1 : chú ý thay đổi giọng đọc cho phù hợp với ngữ điệu của người gọi trong câu "Mau ra coi ... chim rồi".

– Đoạn 2 : nhấn mạnh các từ ngữ *bay kín trời, hoa cả mắt, náo động, chen nhau trắng xóa, vũ nữ, ông thầy tu, rất lạ*...để nêu bật cảnh đông đúc và lạ mắt ở sân chim.

– Đoạn 3 : nhấn mạnh các từ ngữ *nhiều không thể nói, thò tay lên tổ, dễ hơn bắt gà nhốt, chim đậu trắng xóa* để diễn tả những thuận lợi đặc biệt trong việc thu hoạch nguồn lợi của sân chim.

*** Tìm hiểu bài**

1. Em hãy tìm những từ ngữ tả cảnh đông đúc của sân chim khi nhìn từ xa.

2. Khi đến gần, cảnh sân chim náo nhiệt như thế nào ? Những từ ngữ nào diễn tả cụ thể âm thanh náo động của tiếng chim ?

3. Ở sân chim có những hình ảnh nào lạ mắt ? Tìm 3 câu văn có từ *như* trong đoạn tả này.

4. Việc lấy trứng, bắt chim ở đây có những thuận lợi gì ?

5. Trong bài này, tác giả tường thuật theo thứ tự nào ? Dẫn chứng ? Không gian → từ xa đến gần ;
Từ xa, chim cất cánh bay tua tủa → càng đến gần, t...
chim, dưới đất → người bắt chim

TIẾT 32

HÀNH TRÌNH CỦA BẦY ONG

Với đôi cánh đẫm nắng trời
Bầy ong bay đến trọn đời tìm hoa.
Không gian là nẻo đường xa
Thời gian vô tận mở ra sắc màu.

tuongxua.vn

Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.
Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.
Tìm nơi quần đảo khơi xa
Có loài hoa nở như là không tên...

Bầy ong giong ruổi trăm miền
Rù rì đôi cánh nối liền mùa hoa.
Nối rừng hoang với biển xa
Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào.
(Nếu hoa có ở trời cao
Thì bầy ong cũng mang vào mật thơm)

Chất trong vị ngọt mùi hương
Lặng thầm thay những con đường ong bay.
Trải qua mưa nắng vơi đầy
Men trời đất đủ làm say đất trời.
Bầy ong giữ hộ cho người
Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày.

NGUYỄN ĐỨC MẬU

*** Chú giải**

– *Hành trình :* đường phải qua trong một chuyến đi. Ở đây chỉ những quãng đường ong đi lấy mật.

– *Đẫm :* ướt sũng. Ở đây ý nói đôi cánh ong suốt ngày tắm trong ánh nắng.

– *Giong ruổi:* đi nhanh và đi nhiều nơi trên đường dài.

– *Rù rì đôi cánh :* từ đôi cánh phát ra tiếng động nhỏ, đều đều.

thuongmaitu

*** Hướng dẫn đọc**

1. Đọc đúng : thăm thẳm rừng sâu, hoa chuối, sóng tràn, chắn bão, giong ruổi trăm miền.

2. Đọc diễn cảm

– Khổ thơ đầu (4 câu) : nhấn mạnh các từ ngữ *dẫm nắng trời, bay đến trọn đời, không gian, thời gian vô tận* nhằm nêu bật đức tính *bền bỉ, nhẫn nại* của bầy ong.

– Khổ 2 (6 câu tiếp) : đọc theo nhịp 2, nhấn mạnh các điệp ngữ *tìm nơi* và điệp từ *hoa* nhằm tô đậm mục đích cuộc hành trình xa xôi, rộng lớn này là *tìm hoa.*

– Khổ 3 (6 câu tiếp theo) : hai câu thơ trong ngoặc đơn đọc giọng khẽ hơn, như lời nói thường, để phân biệt lời giả thiết.

– Khổ cuối (6 câu cuối) : nhấn mạnh các từ ngữ *chất trong, vị ngọt, mùi hương...* nhằm ca ngợi phẩm chất quý báu và tác dụng

to lớn của bầy ong đối với con người. Chú ý ngắt nhịp : Men trời đất / đủ làm say đất trời.//

*** Tìm hiểu bài**

1. Trong khổ thơ đầu, từ ngữ nào nói lên hành trình dài ngày và xa rộng của bầy ong ?

2. Để tìm hoa lấy mật, bầy ong phải đi đến những nơi xa xôi nào ?

3. Em hiểu nghĩa câu thơ "Rù rì đôi cánh nối liền mùa hoa" là thế nào ?

4. Trong khổ thơ cuối, từ ngữ "men trời đất" nói lên ý gì ?

5. Tại sao có thể nói : "Bầy ong giữ hộ cho người những mùa hoa đã tàn" ?

* Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối bài.

truongxua.vn

TIẾT 33

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Cách Bà Rịa khoảng năm trăm cây số về phía đông-nam bờ biển, đã mọc lên một chùm đảo san hô nhiều màu. Đó là quần đảo Trường Sa, mảnh đất xa xôi nhất của Tổ quốc ta.

Quần đảo gồm nhiều đảo nhỏ, đứng theo hình vòng cung. Mỗi đảo là một bông hoa san hô rực rỡ góp thành một lẵng hoa giữa mặt nước biển Đông xanh mênh mông.

Từ lâu Trường Sa đã là mảnh đất gần gụi với ông cha ta. Đảo Nam Yết và Sơn Ca có giống dừa đá, trái nhỏ

nhưng dày cùi, cây lực lưỡng, cao vút. Trên đảo còn có những cây bàng, quả vuông bốn cạnh, to bằng nửa chiếc bi đông, nặng bốn năm lạng, khi chín vỏ ngả màu da cam. Gốc bàng to, đường kính chừng hai mét, xòe một tán lá rộng. Tán bàng là những cái nón che bóng mát cho những hòn đảo nhiều nắng này. Bàng và dừa đều đã cao tuổi, người lên đảo trồng cây chắc chắn phải từ rất xa xưa.

Một sáng đào công sự, lưỡi xẻng của anh chiến sĩ xúc lên một mảnh đồ gốm có nét hoa văn màu nâu và xanh, hình đuôi rồng. Anh chiến sĩ quả quyết rằng những nét hoa văn này y như hoa văn trên hũ rượu thờ ở đình làng anh. Nhiều thế hệ người Việt Nam đã đặt chân lên đây, khi tìm báu vật, khi trồng cây để xanh tươi mãi cho tới hôm nay.

HÀ ĐÌNH CẨN

Trích "Quần đảo san hô"

thuongmaitu

*** Chú giải**

– *Bà Rịa :* nay thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– *San hô :* một thứ sinh vật ở biển, thường tiết ra chất vôi kết lại như đá, có màu trắng hoặc màu đỏ.

– *Hoa văn :* những đường nét nhỏ nhiều hình dáng, trang trí trên đồ gốm, đồ đồng.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* Trường Sa, lực lưỡng, cao vút, tán lá rộng.

2. *Đọc diễn cảm :* Nhấn mạnh những từ ngữ tả cảnh đảo và cây cối trên đảo như *hình vòng cung, bông hoa san hô rực rỡ, lẵng hoa, trái nhỏ nhưng dày cùi, quả vuông bốn cạnh. v.v...* Đoạn nói về Trường Sa, mảnh đất lâu đời của tổ tiên ta, cần đọc giọng mạnh mẽ, khẳng định.

*** Tìm hiểu bài**

1. Quần đảo Trường Sa nằm ở phía nào của nước ta ? Tìm những hình ảnh đẹp mà tác giả đã dùng để tả Trường Sa.

2. Trên đảo Nam Yết và đảo Sơn Ca của quần đảo Trường Sa có những giống cây gì đặc biệt ?

3. Câu nói của anh chiến sĩ và câu cuối bài có ý nghĩa gì ?

uongxua.vn

TIẾT 34

SAU TRẬN MƯA RÀO

Một giờ sau cơn dông, người ta hầu như không nhận thấy trời hè vừa ủ dột. Mùa hè, mặt đất cũng chóng khô như đôi má em bé.

Không gì đẹp bằng cây lá vừa tắm mưa xong, đang được mặt trời lau ráo, lúc ấy trông nó vừa tươi mát, vừa ấm áp...

Khóm cây, luống cảnh trao đổi hương thơm và tia sáng. Trong tán lá mấy cây sung, chích chòe huyên náo, chim sẻ tung hoành, gõ kiến leo dọc thân cây dẻ, mổ lách cách trên vỏ. Hoa cẩm chướng có mùi thơm nồng nồng. Ánh sáng mạ vàng những đóa hoa kim hương, làm cho nó sáng rực lên như những ngọn đèn. Quanh các luống kim hương, vô số bướm chập chờn trông như những tia sáng lập lòe của các đóa đèn hoa ấy.

Ánh sáng chan hòa làm cho vạn vật đầy tin tưởng. Nhựa ngọt, mùi thơm, khí ấm, cuộc sống tràn trề. Nhờ có cát nên không có một vết bùn, nhờ có mưa nên không có bụi trên lá. Cây cỏ vừa tắm gội xong, trăm thức nhung gấm, bạc, vàng bày lên trên cánh hoa không một tí bụi. Thật là giàu sang mà cũng thật là trinh bạch. Cảnh vườn là cảnh vắng lặng của thiên nhiên tràn ngập hạnh phúc. Vắng lặng thần tiên, vắng lặng mà dung hòa với nghìn thứ âm nhạc, có chim gù, có ong vo ve, có gió hồi hộp dưới lá.

VÍCH-TO HUY- GÔ

Trích "Những người khốn khổ"

*** Chú giải**

- *Vích-to Huy-gô :* nhà văn lớn của Pháp thế kỉ 19.
- *Ủ dột :* buồn bã, rầu rĩ.
- *Huyên náo* : (làm cho) ồn ào.
- *Tung hoành :* ở đây ý nói bay ngang bay dọc.
- *Hoa kim hương :* loài hoa có màu vàng óng ánh và thơm.
- *Trinh bạch :* ý nói trong trắng.

thuongmaitr

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng* : sau cơn dông, lau ráo, tươi mát, chích chòe, huyên náo, tung hoành, hoa cẩm chướng, hồi hộp.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn 1 (mở bài) : nhấn mạnh câu đầu.

– Đoạn 2 : đọc rõ từng câu, nhấn mạnh các động từ nhân hóa *tắm mưa, trao đổi, lau ráo* ; đọc giọng sảng khoái các câu tả cây, lá, chim, hoa ; nhấn mạnh các từ ngữ *huyên náo, tung hoành, thơm nồng, mạ vàng, sáng rực lên.*

– Đoạn 3 : chú ý ngắt nhịp thật rõ ràng theo các dấu phẩy nhằm diễn tả cái đẹp cân đối, hài hòa của cảnh vật thiên nhiên. Ví dụ : *Nhựa ngọt / mùi thơm / khí ấm / cuộc sống tràn trề. //*

*** Tìm hiểu bài**

1. Những câu nào giới thiệu cảnh vật sau trận mưa rào ?

2. Sau trận mưa, cảnh vật đều sống động hơn trước. Chi tiết nào nói lên điều đó ?

3. Trong bức tranh thiên nhiên (sau trận mưa rào) này, em thấy cái đẹp nào nổi bật nhất ? Cái đẹp đó được trình bày ở đoạn, câu nào ?

4. Trong khi miêu tả, tác giả luôn luôn xen kẽ những câu nói lên tình cảm của mình. Em hãy tìm trong bài những câu ấy.

* Học thuộc lòng đoạn 2 hoặc đoạn 3 (do em tự chọn).

TỪ NGỮ

TIẾT 1

TỪ ĐƠN - TỪ GHÉP - TỪ LÁY

I - Bài đọc

THƯ TRUNG THU

Ai yêu các *nhi đồng*
Bằng Bác Hồ Chí Minh
Tính các cháu **ngoan ngoãn**
Mặt các cháu **xinh xinh**
Mong các cháu *cố gắng*
Thi đua học và hành
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình
Các cháu hãy *xứng đáng*
Cháu Bác Hồ Chí Minh.

(Hồ Chí Minh)

* *Tìm hiểu*

1. Các từ *in nghiêng* trong bài thơ trên có những đặc điểm gì khác các từ đơn ?

2. Các từ *in đậm* trong bài thơ có đặc điểm gì giống nhau ?

II – Bài học

1. Từ do một tiếng có nghĩa tạo thành, gọi là *từ đơn*.

Ví dụ : ai, yêu, các, ..., bằng, Bác, ...

2. Từ gồm hai, ba hoặc bốn tiếng ghép lại mà tạo thành một nghĩa chung, gọi là *từ ghép*.

Ví dụ : trung thu, nhi đồng, cố gắng...

3. Từ gồm hai hoặc ba, bốn tiếng trong đó có một *bộ phận* của tiếng được lặp lại hoặc *cả tiếng* được lặp lại, gọi là *từ láy*.

Ví dụ : ngoan ngoãn, xinh xinh.

III – Luyện tập

1. Hãy tìm 3 từ đơn là *danh từ, động từ, tính từ* nói về việc *học tập*. Đặt câu với mỗi từ đó.

uongxua.vn

2. Tìm 3 *từ ghép* hoặc *từ láy* nói về những đức tính của một học sinh giỏi.

** Đặt 3 câu, mỗi câu có một từ ghép hoặc một từ láy vừa tìm được để nói về một *học sinh giỏi*.

TIẾT 2

HỌC TẬP

I – Từ ngữ

– môn học, Tiếng Việt, Truyện kể lịch sử, Toán, Tự nhiên và Xã hội ; kiến thức, học thức, năng lực, năng khiếu.

** Bài tập chuẩn bị (hoặc làm) ở nhà.

– học hành, học tập, học hỏi ; luyện tập, thực hành.

– giỏi, thông minh, sáng dạ.

– học đi đôi với hành.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. *Kiến thức* chỉ những điều hiểu biết do từng trải hoặc do học tập của một người về tự nhiên hoặc xã hội.

Tri thức chỉ những điều hiểu biết có hệ thống về tự nhiên hoặc xã hội.

Căn cứ vào đó, em hiểu *học thức* nghĩa là gì ?

2. *Năng lực* chỉ khả năng học tập một môn gì hoặc làm được công việc gì. *Năng lực* còn chỉ phẩm chất tạo ra khả năng làm tốt một việc gì.

Căn cứ vào đó, em hiểu một học sinh có *năng khiếu* về môn Văn hoặc có *khiếu* về âm nhạc nghĩa là thế nào ?

thuongmaitr

3. *Luyện tập* là tập làm nhiều lần cho quen, cho thạo. *Thực hành* là làm thực sự, là áp dụng lí thuyết vào cuộc sống.

Căn cứ vào đó, em hãy cho biết hai từ *học tập* và *học hành* có nghĩa khác nhau như thế nào ?

4. *Sáng dạ* là nói người học *mau hiểu, mau nhớ*, học đâu hiểu đấy, nhớ đấy. *Thông minh* là nói người hiểu nhanh, biết nhanh, suy xét tinh tế, học một biết hai, ba.

Em hãy tìm những từ trái nghĩa với mỗi từ trên.

B – Luyện từ

Dùng từ đặt câu : Em hãy dùng một số từ ngữ trong mục I (từ 5 từ ngữ trở lên) để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về một bạn học sinh giỏi.

TIẾT 3

CÁC KIỂU TỪ GHÉP

I - Bài đọc

MỘT BÀI HỌC QUÝ VỀ TÌNH BẠN

Trong khu rừng kia, chú Sẻ và chú Chích chơi với nhau rất thân. Một hôm, Sẻ được *bà ngoại* gửi cho một chiếc hộp đựng đầy *hạt kê*. Thế là hằng ngày, Sẻ ở trong tổ ăn hạt kê một mình. Khi ăn hết, chú ta bèn quẳng hộp đi. Những hạt kê còn sót lại bay ra khỏi hộp. Một cơn gió đưa chúng đến đám cỏ non xanh dưới một gốc cây **xa lạ**...

Chú Chích đi kiếm mồi, tìm được những hạt kê **ngon lành** ấy, bèn chạy đi tìm người bạn thân thiết của mình. Sẻ rất xấu hổ khi thấy Chích chia cho mình một nửa số hạt kê đó. Thật là một *bài học* quý đối với Sẻ.

(*Theo* Mi-khai-in Pla-cốp-xki)

truongxua.vn

* *Tìm hiểu*

1. Em hãy so sánh các từ ghép sau đây và cho biết các từ đó giống nghĩa và khác nghĩa nhau ở những tiếng nào ?

Bà ngoại, bà nội, bà dì...

Hạt kê, hạt thóc, hạt ngô...

Bài học, bài làm, bài tập ...

Bà ngoại

Hạt kê

2. Em hãy so sánh các từ ghép sau đây và cho biết :

– Từ *xa lạ* (từ ghép) khác nghĩa như thế nào với từ *xa* và từ *lạ* (từ đơn) ?

– Em cũng trả lời như vậy đối với từ : *ngon lành*.

II – Bài học

Trong tiếng Việt, có hai kiểu từ ghép khác nhau :

1. Từ ghép *có nghĩa phân loại*. Ví dụ :

– *Hạt thóc (hạt* ghép với *thóc* tạo ra nghĩa phân loại so với : *hạt ngô, hạt đỗ, hạt kê...).*

– *Bài học (bài* ghép với *học* tạo ra nghĩa phân loại so với : *bài làm, bài tập...).*

– *Bà nội (bà* ghép với *nội* tạo ra nghĩa phân loại so với : *bà ngoại, bà dì, bà cô...).*

2. Từ ghép có *nghĩa tổng hợp*. Ví dụ :

– *Xa lạ (xa* ghép với *lạ* tạo ra nghĩa tổng hợp : xa xôi và không quen thuộc).

– *Sách vở (sách* ghép với *vở* tạo ra nghĩa tổng hợp : sách và vở).

– *Ăn uống (ăn* ghép với *uống* tạo ra nghĩa tổng hợp : nói về việc ăn và uống).

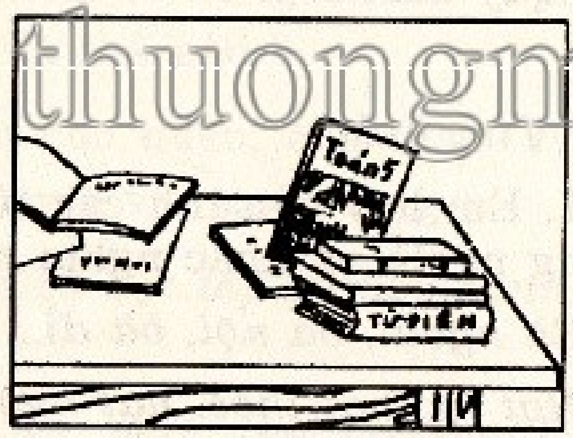

Sách vở

thuongmaitr

III – Luyện tập

1. Tìm 4 từ ghép nói về việc *học tập* (trong đó có 2 từ ghép có nghĩa *phân loại*, 2 từ ghép có nghĩa *tổng hợp*).

Đặt câu với mỗi từ đó.

**2. Hãy ghép thành những *từ ghép* thích hợp và cho biết từ ghép nào có nghĩa *phân loại*, từ ghép nào có nghĩa *tổng hợp* : bạn, gắn, giúp, tình, thân, học, đỡ, cảm, ái, bố.

** Bài tập dành cho học sinh khá và giỏi (làm thêm ở nhà).

TIẾT 4

TÌNH BẠN

I – Từ ngữ

– bạn bè, bạn học, tâm sự, tâm tình, tình bạn, kỉ niệm, kỉ vật, niềm vui nỗi buồn.

– thân thiết, khăng khít, thiêng liêng, chung thủy.

– kết bạn, gắn bó, san sẻ, giãi bày, thổ lộ.

– chọn bạn mà chơi.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. *Bạn bè* và *bạn học* : Từ nào là từ ghép có nghĩa tổng hợp ?

Từ nào là từ ghép có nghĩa phân loại ?

Em hiểu nghĩa hai từ ấy khác nhau như thế nào ?

2. *Tâm sự* là một từ ghép gốc Hán, có nghĩa là *nỗi lòng* (*tâm :* lòng ; *sự :* nỗi).

Tâm sự vốn là *danh từ*, nhưng cũng có khi dùng chỉ hành động. Em hãy đặt một câu trong đó *tâm sự* dùng chỉ hành động (*tâm sự :* nói với nhau những chuyện thường giữ kín trong lòng).

Ví dụ : Hai bạn đang tâm sự với nhau.

3. *Tâm tình* cũng là một từ ghép gốc Hán.

Tâm tình vốn là *danh từ*, nhưng thường dùng chỉ tính chất. Em hãy đặt một câu trong đó *tâm tình* dùng chỉ tính chất (*tâm tình* : tin cậy đến mức có thể nói với nhau chuyện tình cảm riêng tư, thầm kín).

Ví dụ : Nam là người bạn tâm tình của em.

4. *Kỉ niệm* là điều ghi lại trong trí nhớ về một sự việc xảy ra với *bản thân* mình, hoặc về một *người*, một *vật* có quan hệ gắn bó đối với mình. Căn cứ vào đó, em hiểu *kỉ vật* nghĩa là gì ?

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Hãy dùng một số từ ngữ tự chọn (từ 5 từ ngữ trở lên) trong mục I ở trên để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về *tình bạn* giữa em và bạn bè em, hoặc giữa một nhóm bạn bè mà em biết.

**2. Em hãy xếp các từ ngữ sau đây thành từng nhóm từ có ý nghĩa để nói về *tình bạn* : bạn bè, tâm sự, san sẻ, tâm tình, gắn bó, thổ lộ, niềm vui nỗi buồn, thân thiết, giãi bày, khăng khít.

TIẾT 5

CÁC KIỂU TỪ LÁY

I – Bài đọc

TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

– Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước *ngời ngời* biển Đông.

– Anh em như thể tay chân,
Rách lành đùm bọc, *khó khăn dỗ dần.*

– Chiều chiều ra đứng đầu thôn,
Ngó về quê mẹ *bồn chồn* nhớ thương.

(Ca dao)

* *Tìm hiểu :* Em hãy xét các *từ láy* và cho biết :

1. Từ *ngời ngời* có đặc điểm gì về cách láy ?

2. Trong các từ *khó khăn, dỗ dần*, bộ phận nào của các tiếng được láy lại ?

3. Trong từ *bồn chồn*, bộ phận nào của tiếng được láy lại ?

thuongmaitr

II – Bài học

Trong tiếng Việt, có 4 kiểu từ láy :

1. Láy tiếng : cả tiếng được láy (lặp) lại.

Ví dụ : ngời *ngời*, xinh *xinh*, tầng *tằng* lớp *lớp*.

2. Láy âm : bộ phận phụ âm đầu được láy (lặp) lại.

Ví dụ : *khó khăn, dõ dàn, sạch sành sanh*.

3. Láy vần : bộ phận vần được láy (lặp) lại.

Ví dụ : *bồn chồn, lẩm bẩm*.

4. Láy cả âm và vần : bộ phận phụ âm đầu và bộ phận vần được láy (lặp) lại.

Ví dụ : *ngoan ngoãn, dửng dưng*.

III – Luyện tập

1. Trong đoạn văn sau đây, có tất cả bao nhiêu từ láy ? Em hãy ghi các từ láy cùng một kiểu thành từng cột riêng :

tuongxua.vn

BÉ

Hôm nay gió ngoài sông Hậu vẫn thổi vào lồng lộng. Bé lại leo lên cây dừa.

– Đúng má đánh rô-ô-ồ-ì... !

Tiếng Bé thét lên lanh lảnh...

– Má đốt bót rô-ô-ồ-ì... !

Tiếng súng lớn dồn dập. Tiếng reo của Bé bay xuống lẫn vào trong tiếng bơi xuồng hối hả trên dòng kênh xanh xanh.

– Má xung phong rồi nghen ! Tiến lên má-á-á... !

Tiếng Bé kéo dài văng vẳng. Dưới bóng cây um tùm, các cô du kích đang chạy theo má. Tiếng súng quân ta xung phong diệt đồn nổ rộn rã.

(*Theo* Nguyễn Thi)

2. Hãy tìm 1 từ *láy tiếng*, 1 từ *láy âm*, 1 từ *láy vần*, 1 từ *láy cả âm và vần*. Đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 6

ANH EM - CHỊ EM

I – Từ ngữ

– anh cả, em út, anh em ruột, anh rể, chị dâu, anh em họ, anh em con chú con bác, anh em con cô con cậu, anh em đồng hao.

– ruột thịt, hòa thuận, đầm ấm.

– thương yêu, nhường nhịn, đùm bọc, cưu mang.

– máu chảy ruột mềm.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

thuongmaitu

1. Trong một gia đình, ai là *anh cả* (hoặc *anh hai)* ? *Em út* là em thứ mấy ?

2. *Anh rể* và *chị dâu* là những người có quan hệ như thế nào với em ?

3. *Anh em họ* khác *anh em ruột* ra sao, khác *anh em đồng hao* như thế nào ?

4. Trường hợp nào gọi là *anh em con chú con bác* ? Trường hợp nào thì gọi là *anh em con cô con cậu* và *dì con dì* ?

5. *Cưu mang* là đùm bọc, nuôi dưỡng, giúp đỡ.

Em hãy tìm một từ gần nghĩa với *cưu mang*.

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ tự chọn trong phần I ở trên (từ 5 từ ngữ trở lên) để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về *tình cảm anh chị em* trong gia đình.

2. *Điền từ :* Hãy chọn từ ngữ thích hợp sau đây, điền vào các thành ngữ, tục ngữ bên dưới : *anh em, rách, đau, môi*.

TÌNH ANH EM CHỊ EM

- ... như thể tay chân.
- ... hở răng lạnh.
- Lá lành đùm lá...
- Một con ngựa..., cả tàu bỏ cỏ.

(Tục ngữ Việt Nam)

– Em hiểu câu tục ngữ thứ hai khuyên ta điều gì ?

– Ý câu tục ngữ cuối cùng là gì ?

TIẾT 7

CÁC DẠNG TỪ LÁY

truongxua.vn

I – Bài đọc

KIỀU GẶP NẠN

– Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
Rụng rời khung dệt tan tành gói may.
Đồ tế nhuyễn của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham...
– Gió cao ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu !
Hớt hơ hớt hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng...

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Tế nhuyễn : chỉ những đồ vật quý giá như vàng ngọc, gấm vóc, lụa là.

* *Tìm hiểu :* Em hãy cho biết :

1. Trong hai đoạn thơ trên, có những từ nào là từ láy ?

2. Số tiếng ở mỗi từ láy khác nhau ra sao ? Từ ít tiếng nhất có bao nhiêu tiếng ? Từ nhiều tiếng nhất có bao nhiêu tiếng ?

II – Bài học

Trong tiếng Việt, từ láy thường có *3 dạng* khác nhau :

1. Láy đôi (từ láy có 2 tiếng)

Ví dụ : tan tành, lủng củng, canh cánh, tà tà.

2. Láy ba (từ láy có 3 tiếng)

Ví dụ : sạch sành sanh, sát sàn sạt, dửng dừng dưng.

3. Láy tư (từ láy có 4 tiếng)

Ví dụ : hớt hơ hớt hải, lúng ta lúng túng, lủng cà lủng củng, quần quần áo áo, cười cười nói nói, trùng trùng điệp điệp, hốt hốt hoảng hoảng.

thuongmaitr

Cười cười nói nói

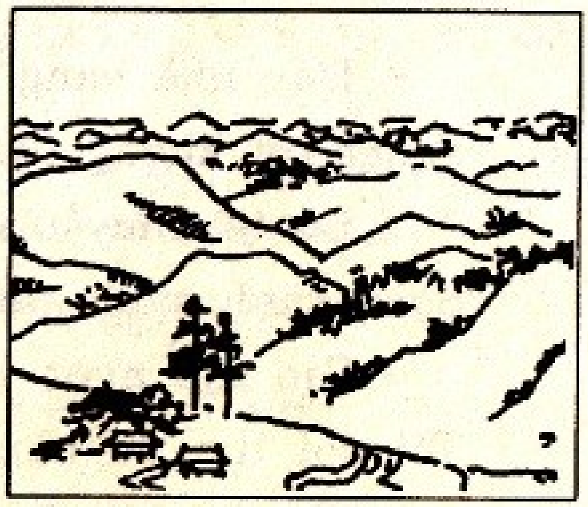

Trùng trùng điệp điệp

III – Luyện tập

1. Tìm 4 từ *láy đôi* dùng để *tả cảnh thiên nhiên*. Đặt câu có nội dung miêu tả một cảnh vật thiên nhiên với mỗi từ láy đó.

2. Tìm 2 từ *láy tư* dùng để diễn tả thái độ, hành động của một người (Ví dụ : *lúng ta lúng túng, cười cười nói nói*). Đặt câu với mỗi từ láy đó.

TIẾT 8

ÔN TẬP

1. Tìm *một* từ thích hợp điền vào được tất cả những chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ, danh ngôn sau đây :

– ... đi đôi với hành.

tuongxua.vn

– Ăn vóc ... hay.

– ... hay cày giỏi.

– Không biết thì hỏi, muốn giỏi thì...

– ... thầy không tày... bạn.

– Đi một ngày đàng, ... một sàng khôn.

– Học, ... nữa, ... mãi.

(Lê-nin)

– Bác học không có nghĩa là ngừng...

(Đác-uyn)

– ... đâu hiểu đấy.

– ... một biết mười.

**2. Em hãy phân biệt từ ghép có nghĩa *phân loại* và từ ghép có nghĩa *tổng hợp* trong số các *từ ghép* sau đây :

tươi vui, bạn hữu, giãi bày, vui buồn, bạn học, bạn đường.

3. Em hãy chọn 5 *từ ghép* và 3 *từ láy* để đặt câu *tả hình dáng, tính tình* của một người *anh* (hoặc *chị, em*) trong gia đình em (hoặc một người *bạn thân* của em).

TIẾT 9

THÀNH PHỐ - THỊ XÃ - THỊ TRẤN

I – Từ ngữ

– quận, phường, đường phố, đại lộ, cơ quan, xí nghiệp, cửa hàng, công viên, rạp chiếu bóng, thư viện, sân vận động, đài phát thanh, đài truyền hình, câu lạc bộ, cung (nhà) văn hóa.

– sầm uất, náo nhiệt ; sinh hoạt, lao động, giải trí.

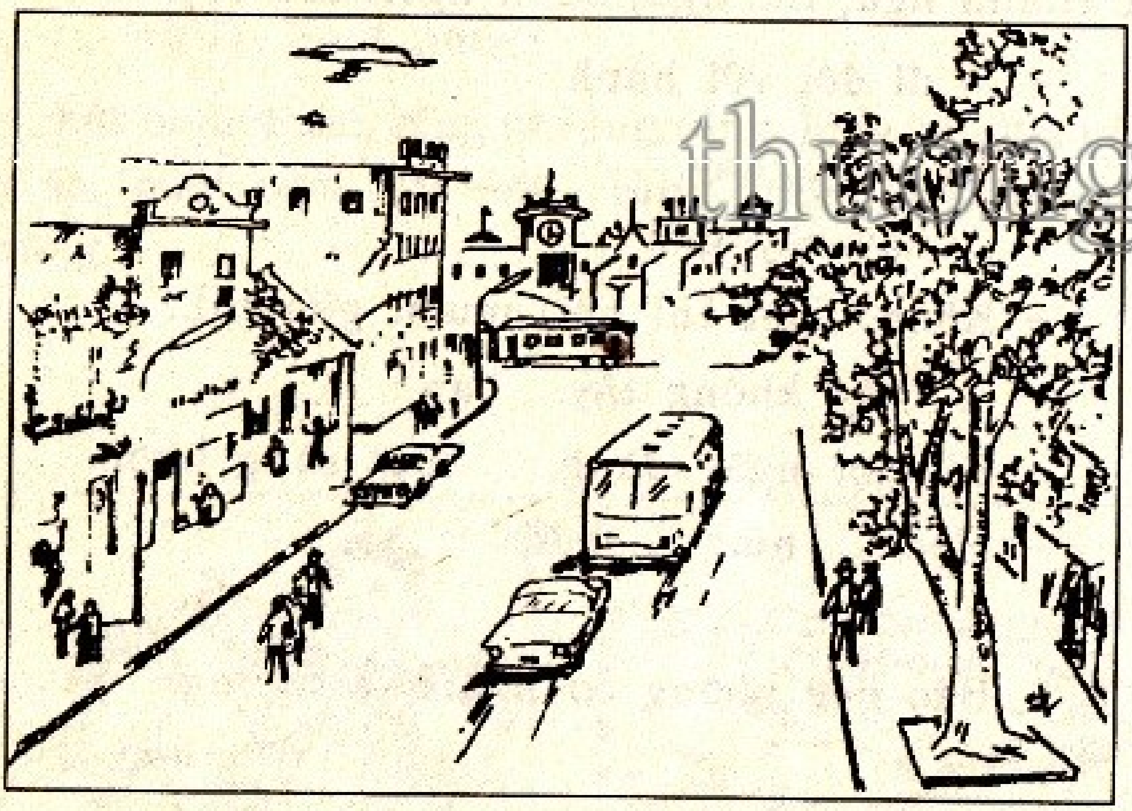

Đường phố

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. *Thành phố* là nơi tập trung dân cư đông đúc, có nhiều phố xá, nhà cửa, nhiều cửa hàng, nhà máy, chợ búa... và là nơi tập

trung các cơ quan chính quyền, các cơ sở kinh tế, văn hóa chủ chốt của cả nước hoặc của một khu vực quan trọng trong nước.

Ví dụ : thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng...

Căn cứ vào đó, em hãy cho biết : *thành phố, thị xã, thị trấn* khác nhau như thế nào ?

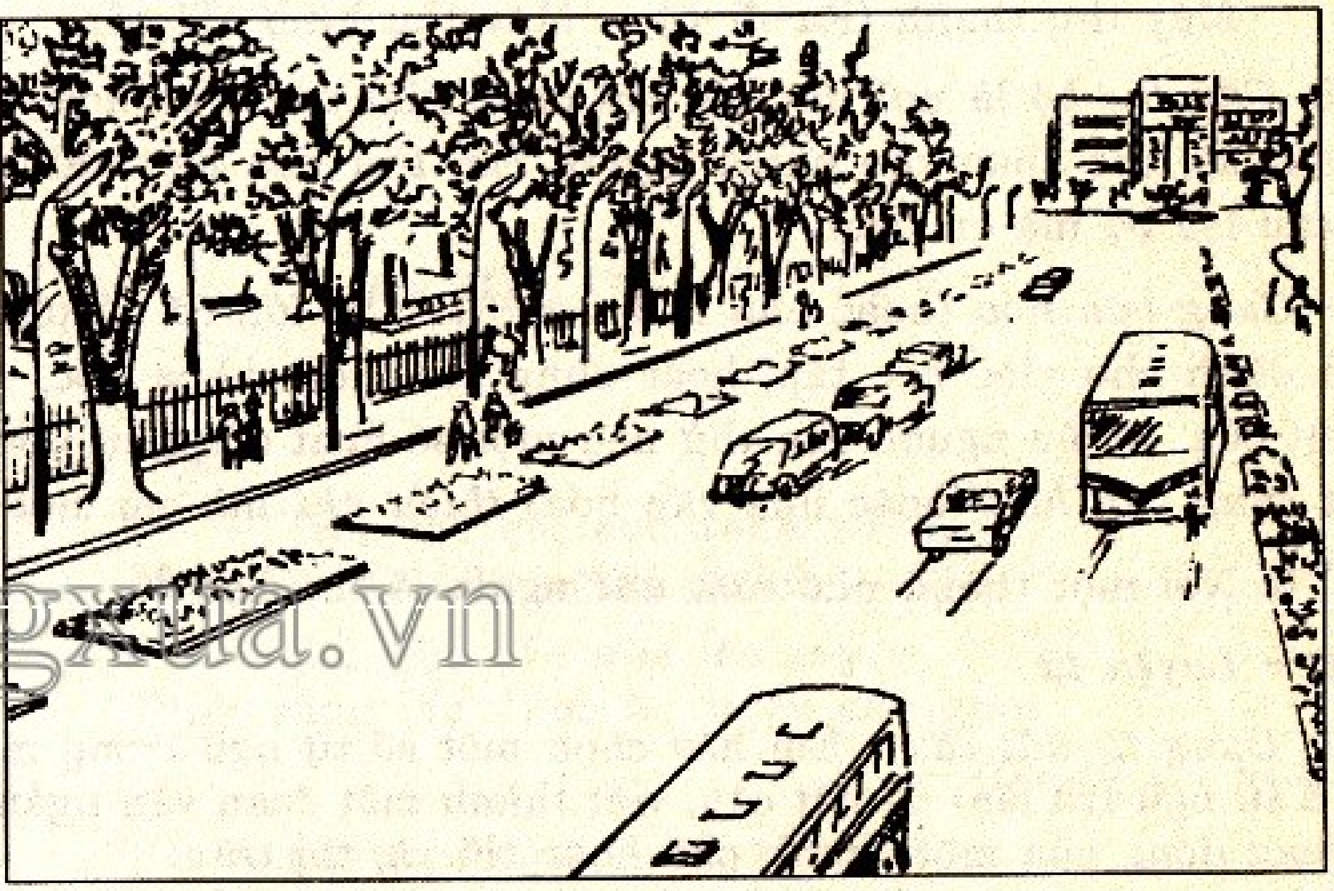

truongxua.vn

Đại lộ

2. Ở thành phố, có đơn vị hành chính ở nội thành là *quận*, ở ngoại thành là *huyện*.

Em hãy cho biết : Đơn vị hành chính cấp dưới quận là gì, cấp dưới huyện là gì ?

3. *Đường phố* và *đại lộ* khác nhau như thế nào ?

4. *Đài phát thanh* là cơ quan thông tin bằng âm thanh, lời nói được truyền đi xa bằng vô tuyến điện (sóng điện) và được thu nhận bằng các máy thu thanh (ra-đi-ô).

Căn cứ vào đó, em hãy cho biết *đài truyền hình* là gì ?

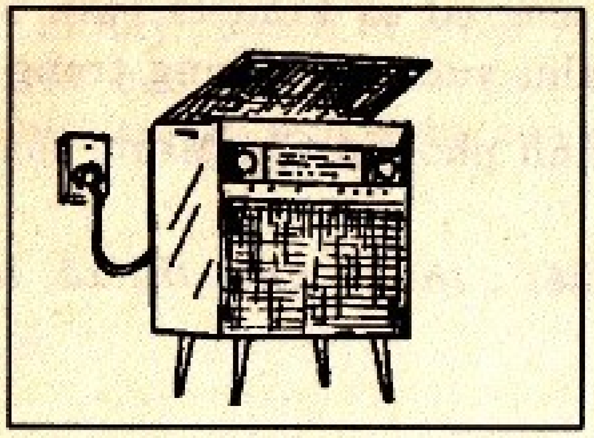

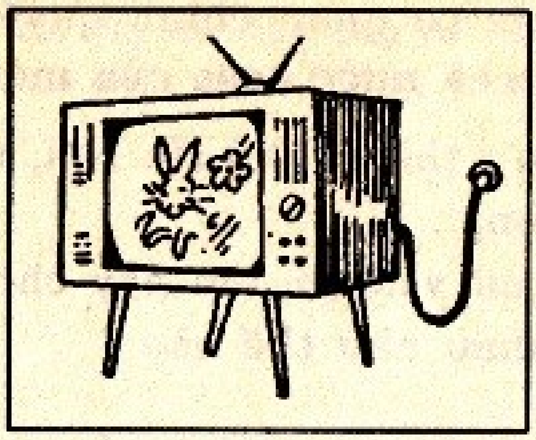

Máy thu thanh (Ra–đi–ô)   Máy thu hình (Ti–vi)

5. *Câu lạc bộ* là nơi tổ chức vui chơi, giải trí, hoặc hoạt động văn nghệ, thể thao cho nhiều người. Em thử nêu một vài ví dụ về câu lạc bộ mà em biết.

– *Cung văn hóa* (hoặc *nhà văn hóa*) là nhà lớn có đủ phương tiện dành cho việc học tập, hoạt động văn hóa, khoa học, nghệ thuật của nhiều người. Em thử nêu một số hoạt động cụ thể của một *cung văn hóa* (hoặc nhà văn hóa) *thiếu nhi* mà em biết.

**6. Nói một thành phố *sầm uất* nghĩa là thế nào ?

thuongmaitr

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy chọn một số từ ngữ trong mục I (từ 5 từ ngữ trở lên) để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về *hoạt động* của một thành phố hoặc thị xã, thị trấn.

*2. *Điền từ :* Chọn các *từ láy* thích hợp điền vào những chỗ trống trong bài văn sau :

ÂM THANH THÀNH PHỐ

Một buổi tối mùa hè, từ căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe thấy tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã rất quen thuộc của thành phố thủ đô thân yêu.

Tiếng chuông xe đạp... không ngớt. Tiếng còi ô tô... xin đường gay gắt. Tiếng thùng nước va vào nhau... ở một cái vòi nước công cộng.

Tiếng ve kêu... trong những đám lá cây bên đại lộ. Tiếng... dữ dội của một cái đầu máy xe lửa đang xả hơi. Tiếng còi tàu hỏa

thét lên cùng với tiếng bánh xe đập trên đường ray ... như sắp lao vào thành phố. Và tiếng máy bay trực thăng... đang băng đi... trên bầu trời đen sẫm. Rồi tất cả như im lặng hẳn để nghe tiếng đàn vi-ô-lông... trên một cái ban công, tiếng pi-a-nô... ở một cái gác ba, hay giọng nam... của một nghệ sĩ đơn ca đang luyện giọng.

(*Theo* Tô Ngọc Hiến)

(*Các từ láy cần điền :* réo rắt, rền rĩ, vun vút, trầm trầm, lanh canh, ầm ầm, loảng xoảng, sầm sập, thánh thót, xì xì, pin pin)

TIẾT 10

NGHĨA CỦA TỪ LÁY

I – Bài đọc

– Trên đồi cỏ mọc *xanh xanh*,
Một đàn cò đậu ngoài ghềnh *xa xa*.
– Cáo già *nhè nhẹ* lên cây,
Định rằng lấy được ăn ngay cho giòn.

(Thơ Hồ Chí Minh)

– Đồ tế nhuyễn, của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham.
– *Hớt hơ hớt hải* nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.

(Truyện Kiều)

* *Tìm hiểu*

1. Em hãy so sánh các từ láy (in nghiêng) với các từ đơn là gốc cấu tạo ra chúng, xem nghĩa của các từ láy đã thay đổi như thế nào về mức độ ?

– cỏ mọc *xanh* → cỏ mọc *xanh xanh*.

– ngoài ghềnh *xa* → ngoài ghềnh *xa xa*.

– *nhẹ* lên cây → *nhè nhẹ* lên cây.

2. Em đọc tiếp 4 dòng thơ cuối và cũng làm như yêu cầu của câu 1 :

– vét *sạch* → vét *sạch sành sanh*.

– *hớt hải* nhìn nhau → *hớt hơ hớt hải* nhìn nhau.

II – Bài học

Nghĩa của từ láy rất phong phú, nhưng có hai dạng cơ bản sau đây :

1. (Từ láy) có nghĩa *giảm nhẹ* so với nghĩa từ gốc.

Ví dụ :

xanh xanh	<	xanh
tim tím	<	tím
xa xa	<	xa
nhè nhẹ	<	nhẹ
đèm đẹp	<	đẹp

2. (Từ láy) có nghĩa *mạnh hơn* so với nghĩa của từ gốc.

Ví dụ :

bực bội	>	bực
sạch sành sanh	>	sạch
hớt hơ hớt hải	>	hớt hải
dồn dồn dập dập	>	dồn dập

thuongmaitr

III – Luyện tập

1. Em hãy cho biết trong số các *từ láy* ở đoạn văn sau, từ nào có nghĩa *giảm nhẹ*, từ nào có nghĩa *mạnh hơn* so với từ gốc ?

BUỔI SÁNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

... *tầng tầng lớp lớp* bụi hồng ánh sáng đã tràn lan khắp không gian thoa hửng phấn trên những tòa nhà cao tầng của thành phố. Màn đêm *mờ mờ ảo ảo* đang lắng dần rồi chìm vào đất. Thành phố như *bồng bềnh* nổi giữa một biển hơi sương. Những vùng cây *xanh xanh* bỗng òa tươi trong nắng sớm. Ánh đèn từ muôn ngàn

ô vuông cửa sổ loãng đi rất nhanh và *thưa thớt* tắt. Mặt trời dâng *chầm chậm lơ lửng* như một quả bóng bay *mềm mại*.

(*Theo* Nguyễn Mạnh Tuấn)

2. Căn cứ vào một số từ gốc sau đây, em hãy tìm các từ láy có nghĩa *giảm nhẹ* chỉ các *màu sắc trong thiên nhiên* : xanh, đỏ, tím, vàng, nâu, xám, đen, trắng.

* * Căn cứ vào một số từ gốc sau đây, em hãy tìm các từ láy có nghĩa *mạnh hơn* chỉ *màu da* của con người : trắng, đen, hồng, đỏ, xanh, xám, vàng.

TIẾT 11

ĐỒNG BẰNG

I – Từ ngữ

tuongxua.vn

– đồng bằng, phù sa, châu thổ ; sông cái, sông đào (kênh), sông máng (rạch), nông giang, đê, kè, đập ; lũ lụt, úng, hạn.

– màu mỡ, phì nhiêu, cằn cỗi, bạc màu.

– đắp đê, đắp đập, xây kè, đào mương, làm thủy lợi.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. Em hãy cho biết : *đồng bằng* khác với *trung du, thượng du* như thế nào ?

2. *Phù sa* là cát mịn pha đất sét do sông, suối cuốn từ trên nguồn (vùng thượng du) xuống, bồi đắp hai bên bờ sông và theo nước sông tràn vào ruộng đồng làm cho đất đai màu mỡ, trồng trọt rất tốt.

Căn cứ vào đó, em hãy cho biết : giữa ba vùng *thượng du, trung du, đồng bằng* thì vùng nào chủ yếu được phù sa bồi đắp nên ?

3. *Châu thổ* là vùng đồng bằng hình thành ở khu vực cửa sông lớn (chỗ sông chảy ra biển), do phù sa bồi đắp nên từ lâu đời.

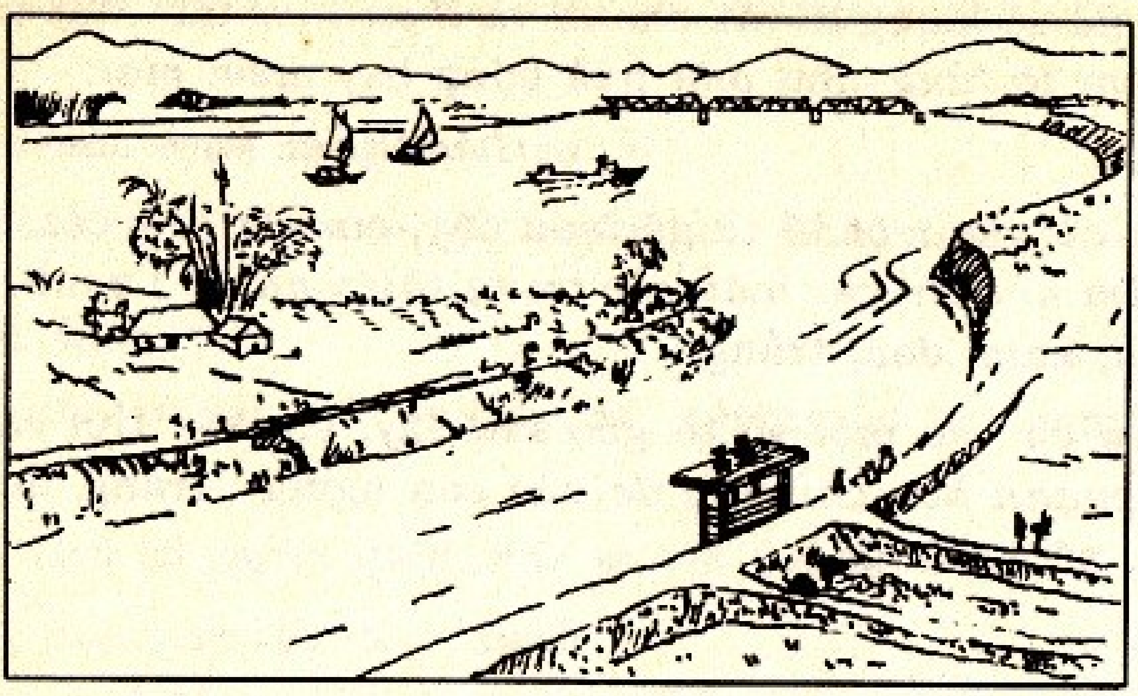

Sông cái, sông đào

Em hãy cho biết tên một vài vùng châu thổ thuộc một số con sông lớn nhất ở nước ta ?

4. Em hãy tìm hiểu nghĩa một số từ thuộc các nhóm từ sau đây :

– *Sông cái, sông đào (kênh), sông máng (rạch)* khác nhau như thế nào ? (nêu một vài ví dụ mà em biết, liên hệ với địa phương em, nếu có)

– *Đê, kè, đập* giống nhau ở chỗ nào ? Khác nhau ra sao ? (*xem hình vẽ* và liên hệ với địa phương, nếu có)

thuongmaitr

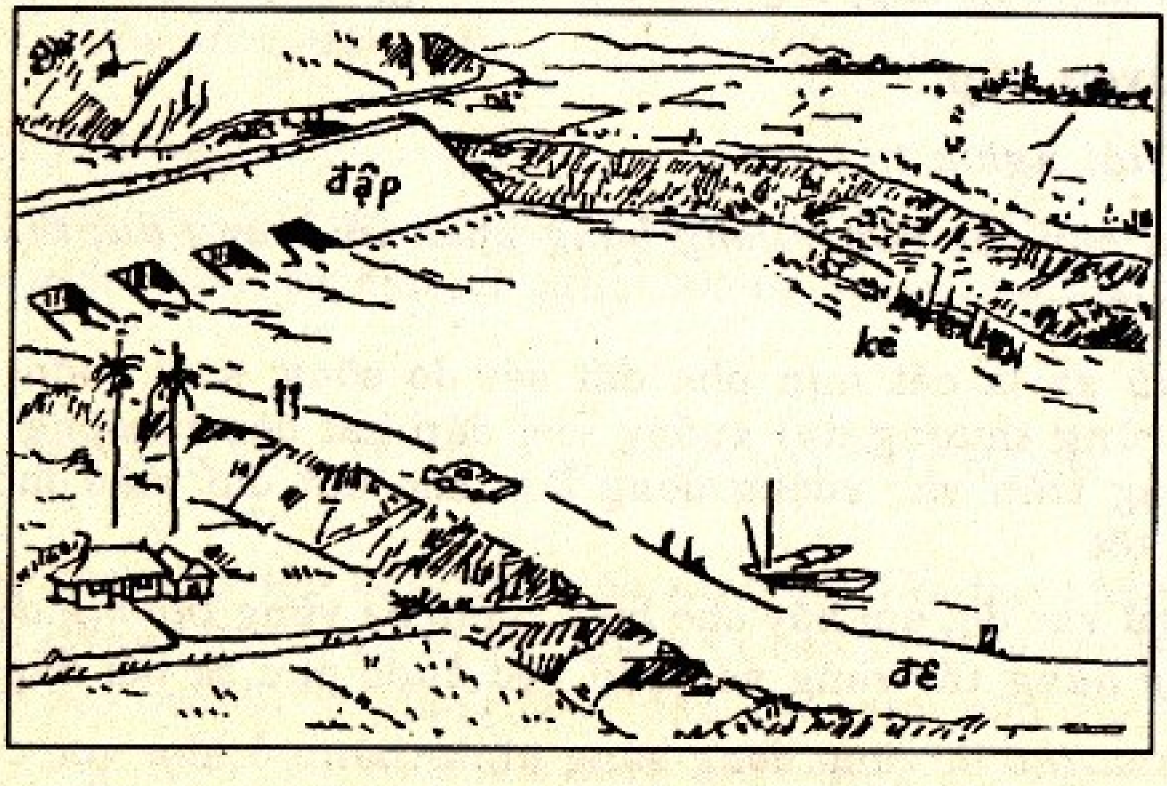

Đê, kè, đập

5. Hãy phân biệt nghĩa của một số từ *gần nghĩa* và *trái nghĩa* thuộc các nhóm từ dưới đây :

– Lũ, lụt, úng, hạn.

– Màu mỡ, phì nhiêu, cằn cỗi, bạc màu.

B – Luyện từ

1. Dùng từ đặt câu : Em hãy dùng một số từ ngữ (từ 5 từ ngữ trở lên) trong mục I ở trên để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về một vấn đề thích hợp do em tự chọn.

Ví dụ : vấn đề *chống thiên tai* (lũ, lụt, úng, hạn) hoặc làm *thủy lợi* (đắp đập be bờ, đào mương khơi ngòi...) nhằm bảo vệ và phát triển sản xuất ở một địa phương (hoặc của một hợp tác xã) v.v...

2. (Bài làm thêm ở nhà) Điền từ thích hợp vào những quán ngữ và thành ngữ sau đây :

– ... chua ... mặn.

– ... trắng... trong.

– ... nẻ chân chim.

ruongxua.vn

– Đắp... be...

Nêu ý nghĩa của mỗi quán ngữ, thành ngữ trên.

TIẾT 12

TỪ TƯỢNG THANH

I – Bài đọc

NHÀ MÁY

Vào xem nhà máy
Sửa chữa ôtô
Ở vùng ngoại ô

Mới vừa kiến thiết
Tôi thấy la liệt
Máy nhỏ máy to...

Cái quay *ro ro*
Cái kêu *huýt huýt*
Cái thổi *xuỵt xuỵt*
Cái thét *ào ào*
Rầm rập, xôn xao
Nhịp nhàng, răm rắp.

Võ Quảng

* *Tìm hiểu :* Em hãy đọc bài thơ trên và cho biết :

Các từ in nghiêng trong bài có tác dụng gợi tả gì ?

II – Bài học

Trong tiếng Việt, có rất nhiều từ mô phỏng tiếng người, loài vật, hoặc các tiếng động, gọi là những *từ tượng thanh*. Phần lớn từ tượng thanh là từ láy.

thuongmaitr

Ví dụ :

1. Từ tượng thanh mô phỏng *tiếng người* : oa , oa ; thì thào, the thé, sang sảng, khúc khích, khanh khách...

2. Từ tượng thanh mô phỏng *tiếng loài vật :* gâu, meo, ăng ẳng, ủn ỉn, be be, càng cạc, chiêm chiếp, líu lo...

3. Từ tượng thanh mô phỏng *tiếng động* : cạch, đoàng, thình thịch, loảng xoảng, lách cách, lộp độp...

III – Luyện tập

1. Em hãy đọc đúng ngữ điệu bài văn sau đây và cho biết có bao nhiêu từ tượng thanh ?

Ghi các từ đó ra vở bài tập, phân biệt thành các từ tượng thanh khác nhau (như trong phần Bài học đã xác định).

NHẠC RỪNG

Cho tới bây giờ tiếng rừng đã vang vang, vừa lúc nắng đã vàng ửng. Con khướu bách thanh ẩn kín đâu đó thánh thót hót mãi không thôi. Tiếng hú kéo dài không dứt của bầy vượn đen lúc thoáng xa, lúc gần gụi, rành rọt. Những cặp chào mào hiếu động thoắt đậu, thoắt bay, liến thoắng gọi nhau choách choách. Trầm trầm vang âm trong các vòm lá là tiếng động râm ran của đông đảo những cánh ong rừng nhỏ xíu, bận rộn đi về. Tiếng gió rì rào lan khắp đâu đó, lá khô trên đất tí tách muốn trở mình đón nắng...

(*Theo* Hải Hồ)

2. Tìm một số từ *tượng thanh* mô phỏng :

- tiếng người cười, nói.
- tiếng chim kêu.
- tiếng gió thổi.
- tiếng nước chảy.

truongxua.vn

**3. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 4 câu đến 6 câu trong đó có dùng một số từ tượng thanh tìm được ở bài tập 2.

TIẾT 13

TỪ TƯỢNG HÌNH

I – Bài đọc

HỒ TƠ–NƯNG

Hồ Tơ–nưng ở phía bắc thị xã Plây–cu. Hồ rộng *mênh mông*, nước trong như lọc. Hồ xanh *thăm thẳm* khi trời quang mây

tạnh. Hồ *long lanh* dưới ánh nắng *chói chang* của những buổi trưa hè.

Hàng trăm thứ cá sinh sôi nảy nở ở đây. Cá đi từng đàn, khi thì *tung tăng* bơi lội, khi thì lao *vun vút* như những con thoi.

Chim chóc cũng đua nhau đến bên hồ làm tổ. Những con bói cá mỏ dài, lông *sặc sỡ*. Những con cuốc đen *trùi trũi, len lỏi* giữa các bụi ven bờ...

(*Theo* Tiếng Việt 3 – Tập II)

* *Tìm hiểu :* Em hãy đọc bài văn trên, chú ý hơi nhấn giọng ở những từ in nghiêng và cho biết :

1. Các từ đó có tác dụng gợi tả gì ở sự vật ? (có gợi tả *âm thanh* như ở bài trước không ?)

2. Thử phân biệt xem những từ nào gợi tả dáng dấp của sự vật ? Những từ nào gợi tả màu sắc của sự vật ?

II – Bài học

Trong tiếng Việt, bên cạnh từ *tượng thanh* mô phỏng *âm thanh*, còn nhiều từ gợi tả *hình ảnh* sự vật. Đó là từ *tượng hình*. Phần lớn từ tượng hình là từ láy.

thuongmaitr

Ví dụ :

1. Từ tượng hình gợi tả *dáng dấp* người và vật :

– lom khom, ngất nghểu, thướt tha, bệ vệ, đủng đỉnh...

Lom khom

Ngất nghểu

Đủng đỉnh   Thướt tha

– lè tè, chớt vớt, ngoằn ngoèo, thăm thẳm, mênh mông, quằn, oằn...

uongxua.vn

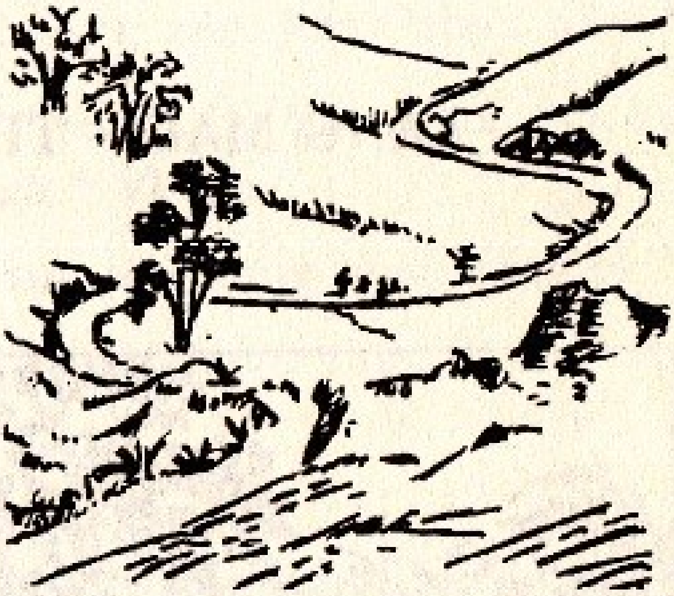

Chớt vớt – Lè tè   Ngoằn ngoèo

2. Từ tượng hình gợi tả *màu sắc, mùi vị* : chon chớt, bềnh bệch, sặc sỡ, phưng phức, ngào ngạt...

III – Luyện tập

1. Đọc diễn cảm bài văn sau đây và tìm các từ *tượng hình* trong bài :

ĐÊM TRĂNG TRÊN HỒ TÂY

Hồ về thu, nước trong vắt, mênh mông. Trăng tỏa sáng rọi vào các gợn sóng lăn tăn. Thuyền ra khỏi bờ thì hây hẩy gió đông

nam, sóng vỗ rập rình. Một lát, thuyền vào gần một đám sen. Bây giờ, sen trên hồ đã gần tàn nhưng vẫn còn lơ thơ mấy đóa hoa nở muộn. Mùi hương đưa theo chiều gió ngào ngạt. Thuyền theo gió cứ từ từ mà đi ra giữa khoảng mênh mông. Đêm thanh, cảnh vắng, bốn bề lặng ngắt như tờ.

(Phan Kế Bính)

2. Tìm 4 từ tượng hình gợi tả dáng dấp, cử chỉ của một người. Đặt câu với mỗi từ đó (viết thành một đoạn văn ngắn, mạch lạc).

*3. Tìm 4 từ tượng hình tả một cảnh vật (do em tự chọn) và đặt câu với mỗi từ đó (viết thành một đoạn văn ngắn, mạch lạc).

TIẾT 14

LÀNG MẠC - THÔN XÓM

thuongmaitr

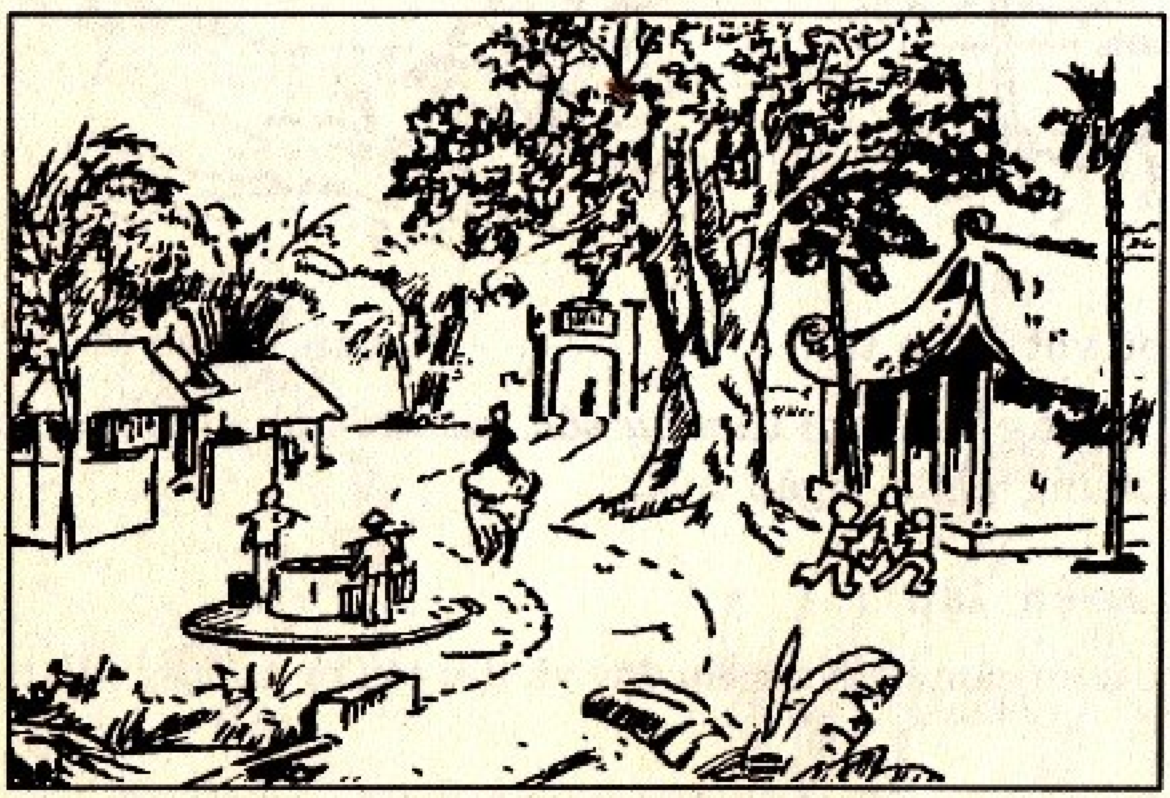

Làng mạc

I - Từ ngữ

– xã, thôn, ruộng, vườn, lũy tre, giếng nước, đình, chùa, trụ sở Ủy ban nhân dân, nhà văn hóa, nhà giữ trẻ, lớp mẫu giáo, trường tiểu học, lớp bổ túc văn hóa, trạm y tế, sân vận động.

– sản xuất, học tập, hội họp, liên hoan văn nghệ.

II - Luyện tập

A - Giải nghĩa từ

1. *Làng mạc :* là một từ ghép có nghĩa tổng hợp, chỉ *làng* nói chung (*làng* : đơn vị hành chính nhỏ nhất ở nông thôn ngày trước, tương đương với *thôn* hiện nay). Em hãy tìm một vài từ ghép khác cùng gốc (*làng*) và cùng nghĩa với *làng mạc*.

2. Em hãy phân biệt : *xã, thôn, xóm* khác nhau như thế nào ?

3. Em hiểu *trụ sở* là gì ? Trụ sở *Ủy ban nhân dân xã* thường được đặt ở vị trí nào trong xã ? Vì sao ?

4. *Nhà văn hóa* ở xã thường có những hoạt động gì ?

5. *Trạm y tế* và *sân vận động* phục vụ nhân dân về những mặt nào ?

B - Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ ở phần I (từ 5 từ ngữ trở lên) để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn), nói về *sinh hoạt của nhân dân* trong một xã.

*2. *Điền từ* thích hợp vào một số quán ngữ sau đây :

- Hàng.... láng giềng.
- Trong.... ngoài...
- Việc... việc...

** Em hiểu ý nghĩa câu cuối như thế nào ?

truongxua.vn

CÂY CỐI - TRỒNG CÂY

Cây lúa

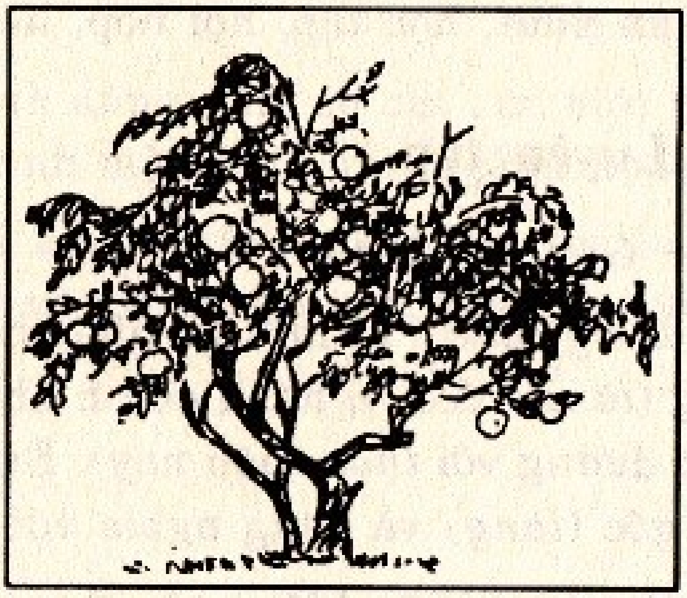

Cây cam

I – Từ ngữ

– cây lương thực, cây ăn quả, cây cảnh, cây công nghiệp, cây thuốc, cây lấy gỗ, cây cho bóng mát ; cây con (cây giống), vườn cây, đồi cây, rừng cây, Tết trồng cây.

– ươm cây, chiết cây, trồng cây, vun gốc, tưới bón, bảo vệ cây trồng.

– xanh tươi, tươi tốt, xum xuê, um tùm, râm mát.

thuongmaitr

Cây chè

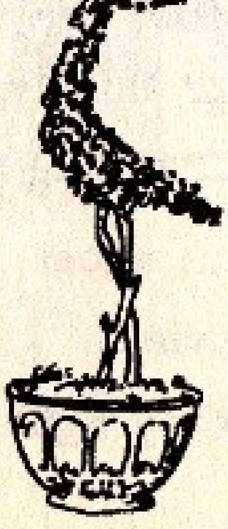

Cây cảnh

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. Em hãy phân biệt các loại cây : cây lương thực – cây công nghiệp ; cây ăn quả – cây cảnh ; cây lấy gỗ – cây cho bóng mát ; cây thuốc. (kết hợp nêu một vài ví dụ về mỗi loại cây)

2. "Ươm cây" và "chiết cây" khác nhau như thế nào ?

3. Em hiểu "Tết trồng cây" là thế nào ? (liên hệ với trường em hoặc địa phương em)

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ ở phần I (từ 5 từ ngữ trở lên) để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về phong trào trồng cây (hoặc Tết trồng cây) ở trường em (hoặc địa phương em).

*2. *Ghép từ*

Ghép 3 tiếng sau đây thành 3 từ ghép thích hợp :

xanh, tươi, tốt

uongxua.vn

**3. *Điền từ* : Điền từ ngữ thích hợp vào những câu sau đây :

- ... gây rừng
- Ăn ... nhớ kẻ...
- Ăn... nào, rào... ấy

(Tục ngữ)

- Mùa... là Tết...
  Làm cho đất nước càng ngày càng...
- Vì lợi ích mười năm ...
  Vì lợi ích trăm năm ...

(Hồ Chí Minh)

(Từ ngữ cần điền : *quả* – 1 lần ; *xuân* – 2 lần ; *cây* – 2 lần ; *trồng người* – 1 lần ; *trồng cây* – 4 lần)

** Trong 2 câu cuối, em hiểu ý Bác Hồ muốn khuyên dạy điều gì ?

HOA - QUẢ

I – Từ ngữ

– hoa hồng, hoa huệ, hoa lan, hoa cúc, hoa đào, hoa sen, hoa hải đường, hoa móng rồng, hoa nhài (lài), hoa thủy tiên...

– chuối, mít, cam, bưởi, na (mãng cầu), dứa (thơm), vải, đu đủ, nhãn, dưa hấu, xoài, sầu riêng, măng cụt...

– tươi thắm, tươi mơn mởn, thơm nức, ngọt lịm, chín nục, sai (sây) ; hái, ngắt (bứt), bổ, gọt.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. *Tươi thắm* và *tươi mơn mởn* giống nghĩa nhau ở chỗ nào ? Khác nghĩa nhau ở chỗ nào ?

2. *Thơm nức* và *thơm thoang thoảng* khác nghĩa nhau như thế nào ? Cho ví dụ về hai thứ hoa có độ thơm khác nhau như thế.

thuongmaitr

3. *Ngọt lịm* khác với *ngọt mát* ra sao ? Nêu ví dụ về hai thứ quả có độ ngọt khác nhau như thế.

4. Em hiểu thế nào là quả *chín cây* ? Quả *chín nục* ? Quả *ương* ?

5. *Bổ* (quả) và *gọt* (quả) là hai từ khác nghĩa nhau. Em hãy cho ví dụ về một số loại quả trong tranh vẽ thích hợp với mỗi từ đó (*bổ..., bổ... ; gọt..., gọt...*).

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ (từ 5 từ ngữ trở lên) chọn trong phần I ở trên để đặt thành câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về *hoa* hoặc *quả* (hoặc nói về cả hai thứ).

*2. *Mở rộng vốn từ*

– Em hãy tìm một số từ ngữ nói về các độ *thơm* khác nhau của *hoa*. Ví dụ : thơm thoang thoảng, thơm nức ...

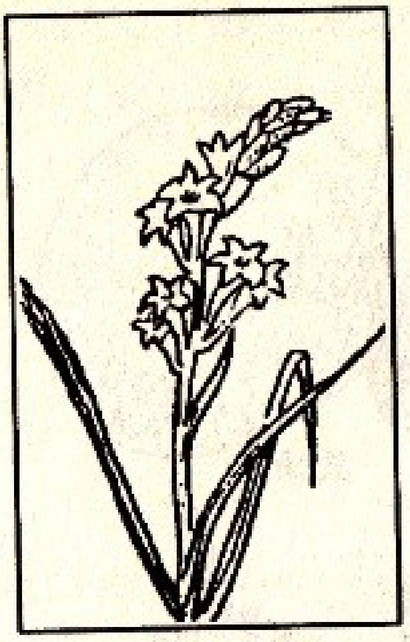

Huệ

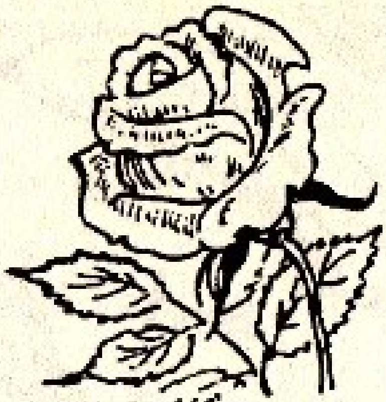

Hồng

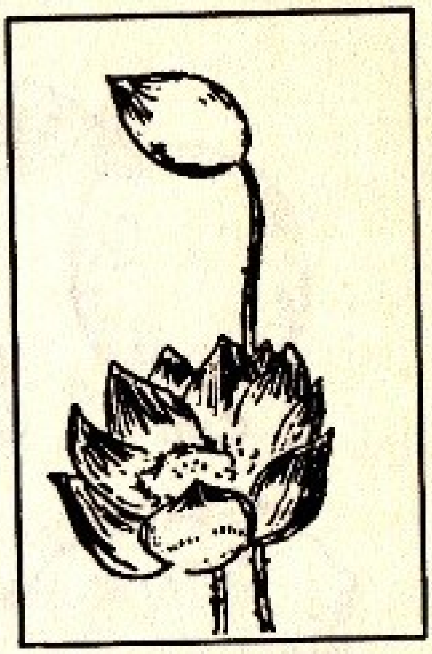

Sen

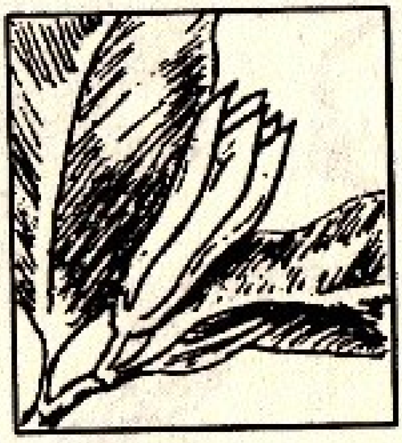

Lan

Cúc

tuongxua.vn

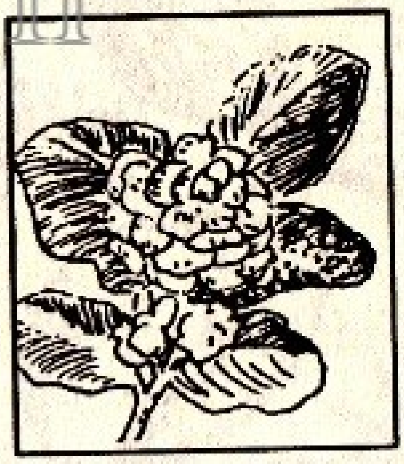

Nhài

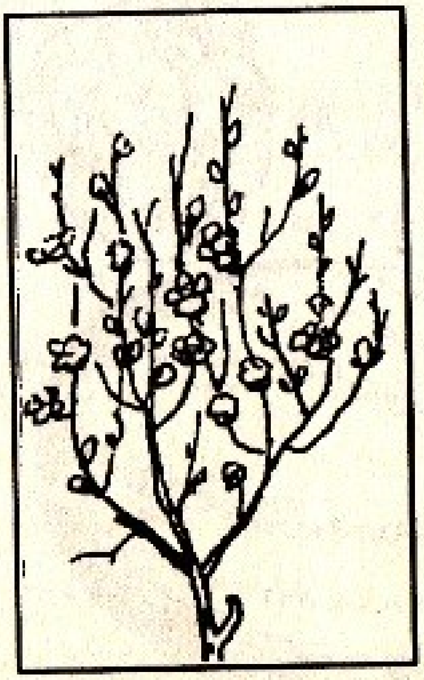

Đào

Hải đường

HOA

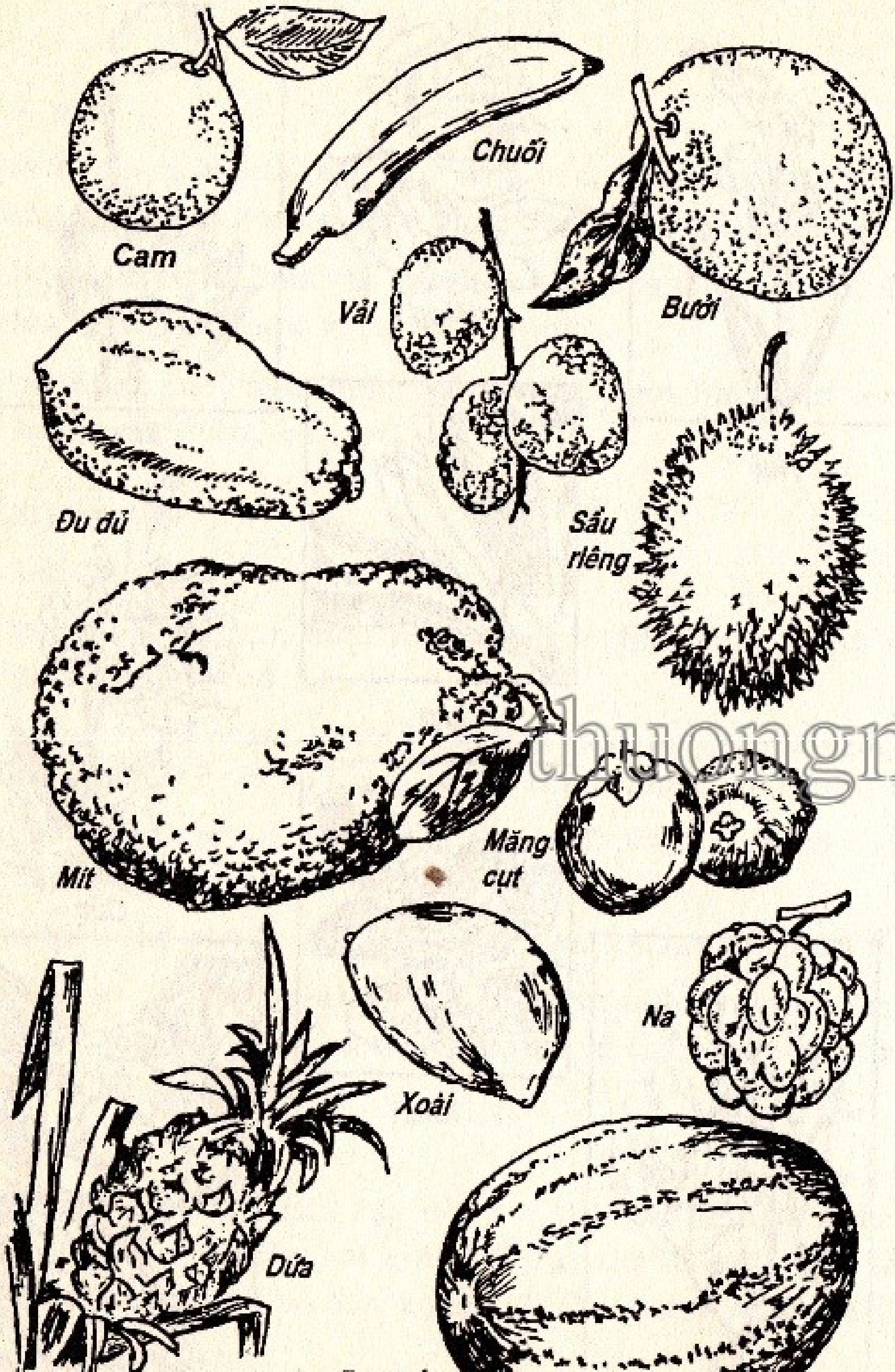

thuongmaitr

QUẢ

– Em hãy tìm một số từ ngữ nói về các độ *ngọt* khác nhau của *quả*. Ví dụ : ngọt mát, ngọt lịm...

**3. *Điền từ* thích hợp vào những chỗ trống :

● Trăm hoa đua...

● ... thơm... ngọt.

● Da cóc mà bọc...
Bổ ra... cả nhà muốn ăn.

(Câu đố)

● Tháp Mười đẹp nhất...
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ.

(Ca dao)

– *Các từ cần điền :* thơm nức, quả, trứng gà, hoa, bông sen, nở.

– Em thử giải câu đố ở trên : đó là quả gì ?

uongxua.vn

TIẾT 17

CHIM RỪNG – THÚ RỪNG

I – Từ ngữ

– công, trĩ, đa đa (gà gô), vịt trời, bìm bịp, gõ kiến, khướu, chào mào, vẹt, bồ nông, cắt, đại bàng...

– hươu, nai, sóc, khỉ, vượn, chó sói, gấu, hổ (cọp), báo, sư tử, voi, bò tót...

– hú, rống, gầm, rú ; rình, rượt, vồ, húc, quắp, tha (mồi), săn, bắt, bẫy.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

**1. *Gầm* và *rống* đều chỉ tiếng kêu của một số loài thú dữ (ví dụ : hổ *gầm*, sư tử *rống*), nhưng nghĩa hai từ đó khác nhau như thế nào ?

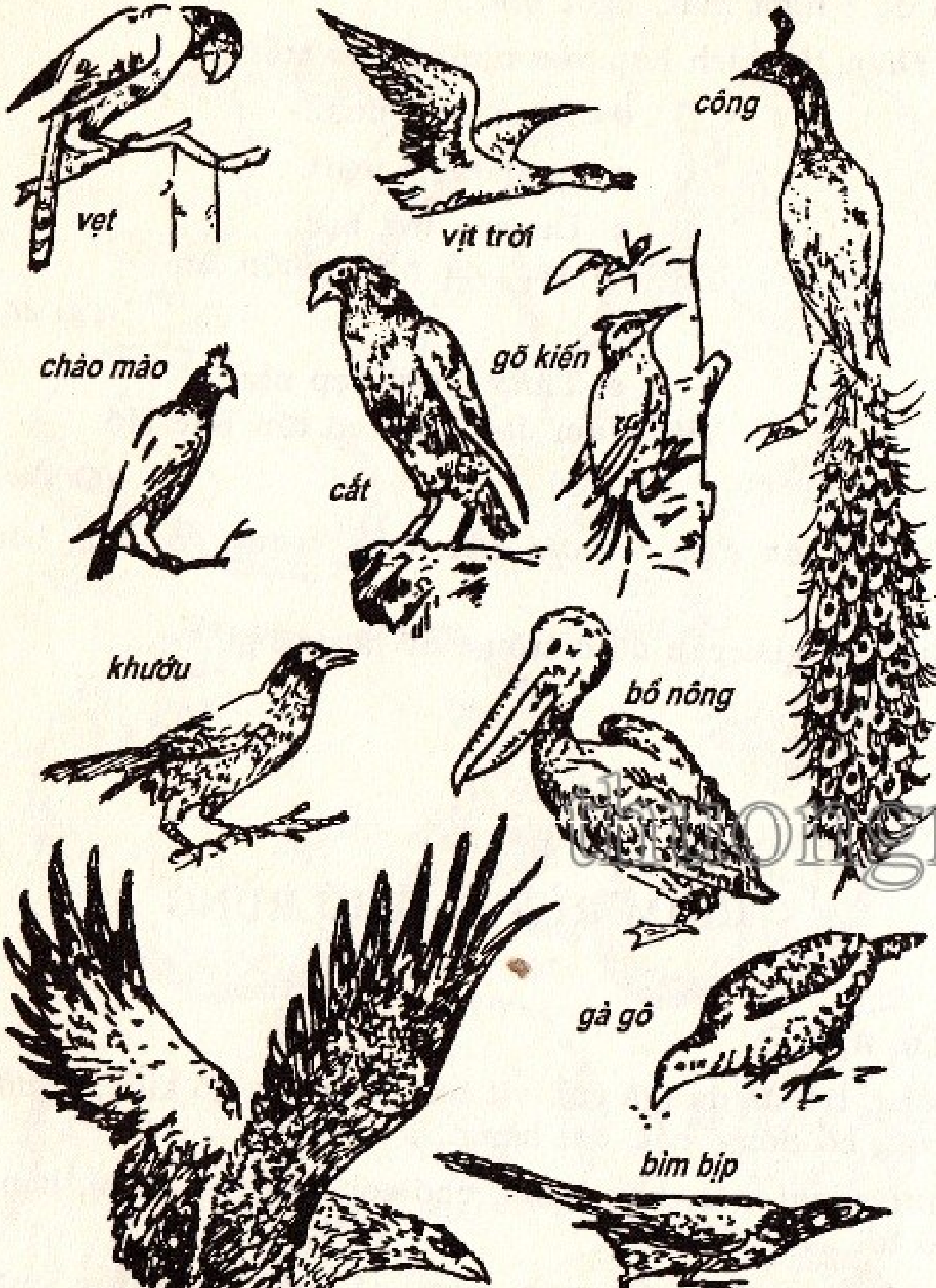

CHIM

thuongmaitr

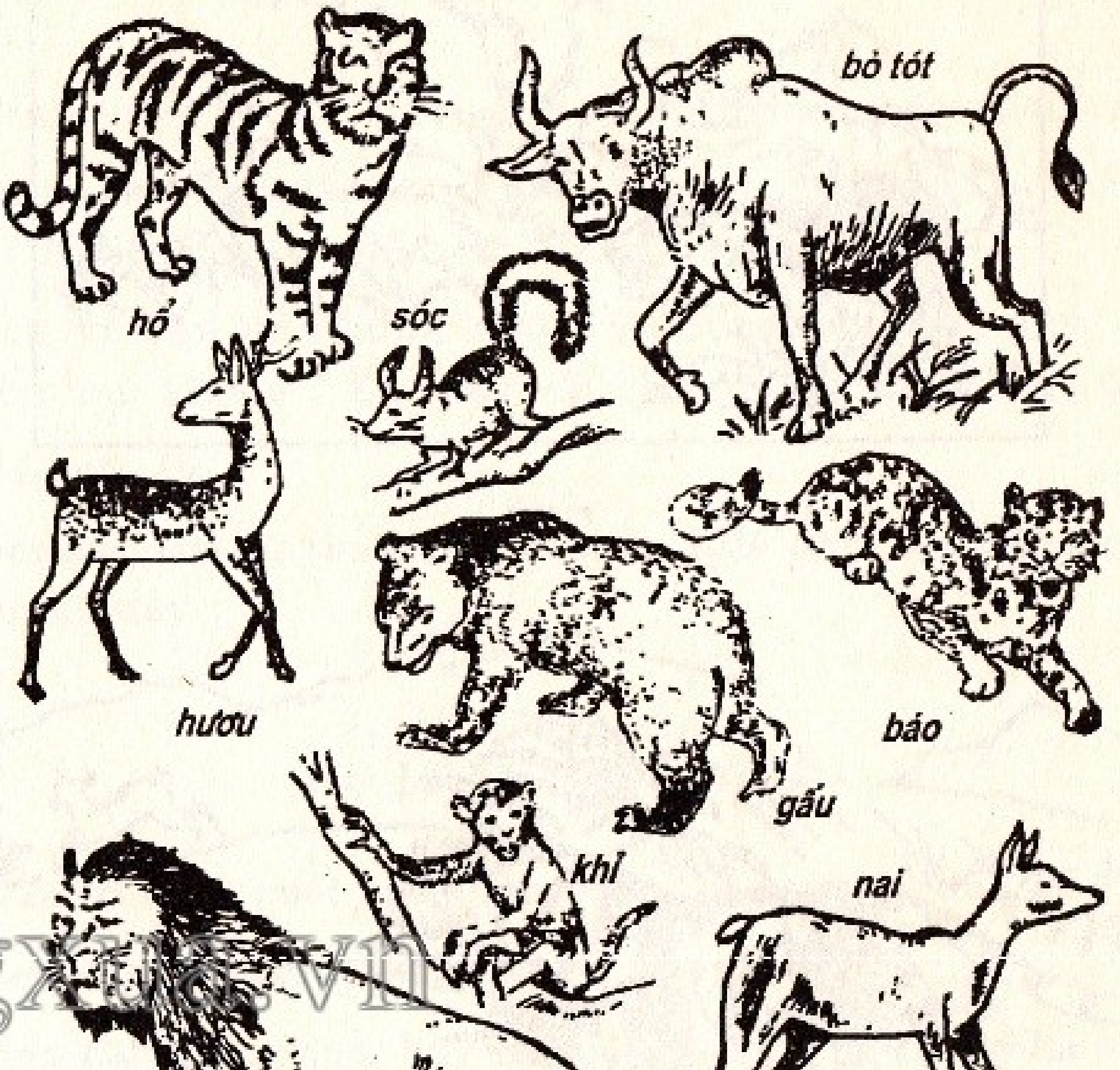

ruongxua.vn

THÚ

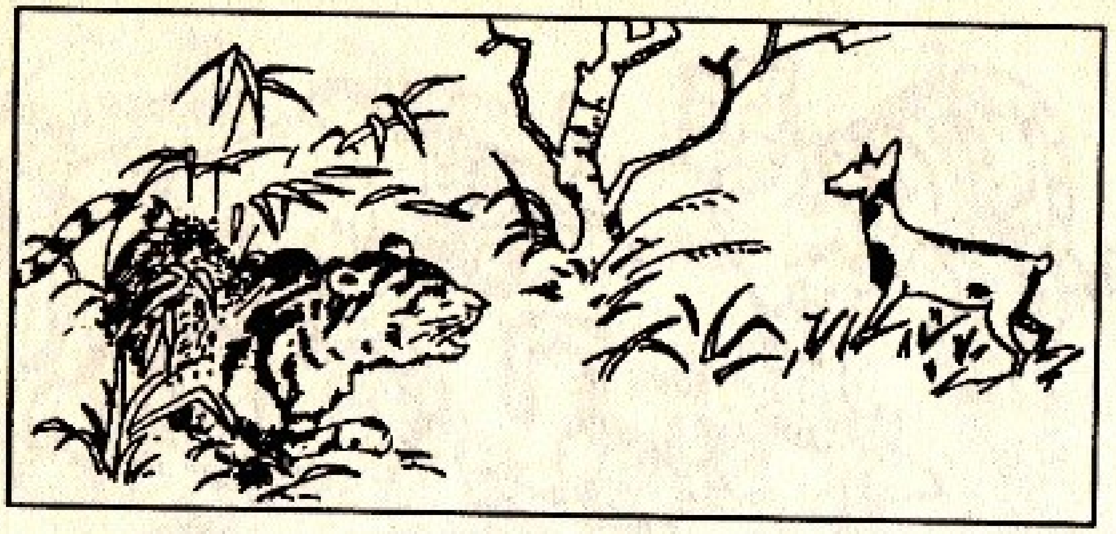

rình

rượt

vồ

quắp (tha, công ...)

thuongmaitr

2. *Hú* và *rú* cũng chỉ tiếng kêu của một số loài thú rừng (ví dụ : vượn *hú*, chó sói *rú*), nhưng nghĩa hai từ đó khác nhau như thế nào ?

3. *Rình, rượt* và *vồ* (hoặc *chộp*) mồi, nghĩa khác nhau ra sao ?

4. *Quắp* và *tha* (hoặc *công*) mồi, nghĩa có giống nhau hoàn toàn không ? Khác nhau ở chỗ nào ? (Đặt câu làm ví dụ)

5. *Săn* và *bẫy* chỉ những công việc cùng một mục đích, nhưng có khác nhau không ? Em hãy nói cho rõ chỗ khác nhau đó.

B – Luyện từ

1. Em hãy tìm từ thích hợp ở phần I để điền tên các loài chim vào bài sau đây :

HỌ HÀNG NHÀ CHIM

- Đầu có mào, cuối mình lông đỏ, dáng trông nho nhỏ là anh...
- Leo cây mổ vỏ để bắt sâu bọ là anh...
- Hao hao giống quạ, hay rúc bụi bờ, bộ lông màu nâu là anh...
- Vốn họ là gà, thích sống ở rừng, tránh nơi rậm rạp là anh...
- Cũng họ nhà gà, lông đẹp đuôi dài là chị em nhà...
- Lông màu vàng lục, mỏ đỏ và quắp, bắt chước tiếng người là anh chàng...
- Hay nhảy hay nhót, mình đen hay hót là anh chàng...
- Cũng nòi nhà vịt, ưa sống hoang dại, lại thích bay xa là anh...
- Đuôi dài đầu nhỏ, thích nơi vắng vẻ, hay múa làm duyên, là chị chàng...
- Thuộc loài chim dữ, cánh cứng bay nhanh, lại hay đánh lộn là họ nhà...
- Mình to mỏ dài, có bướu đeo cổ, làm giỏ bắt cá là anh...

- Dũng sĩ rừng xanh xứng danh anh cả, bạt gió tung ngàn là họ...

QL

2. Em hãy dùng một số từ ngữ trong phần I (từ 5 từ ngữ trở lên) để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về các *thú rừng*.

**3. Tìm một từ thích hợp điền vào các thành ngữ và tục ngữ sau đây :

- Dữ như...
- Vuốt râu...
- Có vào hang... mới bắt được...
- Chưa bắt được... đã bán da...

Em hiểu ý nghĩa câu tục ngữ cuối ra sao ?

thuongmaitr

NGỮ PHÁP

TIẾT 1

Ôn tập về câu
CÁC BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU : CHỦ NGỮ VÀ VỊ NGỮ

I – Nội dung cần ghi nhớ

A – Ví dụ

"Bộ đội ta tiến vào Thủ đô. Khẩu hiệu, biểu ngữ, cổng chào xuất hiện từ phố này sang phố khác. Các em thiếu nhi với những bó hoa đủ màu sắc reo mừng tiếp đón các anh bộ đội. Các cụ già, thanh niên, phụ nữ vỗ tay hoan hô và tươi cười vẫy chào đoàn quân anh dũng".

truongxua.vn

– Những bộ phận nào là bộ phận chính của câu ?

– Chủ ngữ thường đặt trước hay đặt sau vị ngữ ?

– Ở đoạn văn trên, câu nào có nhiều chủ ngữ ? Câu nào có nhiều chủ ngữ, nhiều vị ngữ ?

B–1. Câu có hai bộ phận chính là *chủ ngữ* và *vị ngữ.*

Chủ ngữ chỉ người hoặc loài vật, đồ vật, cây cối (thường là danh từ) nêu trong câu.

Vị ngữ chỉ hoạt động hoặc tính chất, trạng thái (thường là động từ, tính từ) của chủ ngữ trong câu.

2. Trong câu, *chủ ngữ* thường đứng trước *vị ngữ.*

3. Có câu chỉ có *một chủ ngữ, một vị ngữ.* Cũng có câu có *nhiều chủ ngữ, nhiều vị ngữ.*

II- Luyện tập

A – Ở lớp

1. a) Đoạn văn sau có mấy câu ? Gạch một gạch dọc (|) giữa *chủ ngữ* và *vị ngữ* trong từng câu :

"Ba mươi tư chiến sĩ đứng xếp thành ba hàng ngang... Bài hát chào cờ ngân vang. Lá cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên. Đồng chí Văn* tuyên bố thành lập Đội tuyên truyền giải phóng quân. Các chiến sĩ làm lễ tuyên thệ. Những nắm tay giơ cao mạnh mẽ. Ai cũng phấn khởi, tin tưởng và cảm động..."

(*Trích* "Lễ thành lập
Đội tuyên truyền giải phóng quân")

b) Câu nào có nhiều vị ngữ ? Gạch dưới những vị ngữ ấy.

2. Trong những dòng dưới đây, dòng nào là câu ?

a) Ngày 2-9-1945, Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập.

b) Học sinh trường tiểu học Điện Biên

c) Bờ biển Nha Trang rất đẹp.

d) Vui chơi trong sân trường

Viết thêm vào những dòng chưa phải là câu cho thành câu (có đủ các bộ phận chính).

B – Ở nhà

1. Điền từ ngữ thích hợp (làm chủ ngữ) vào những chỗ trống dưới đây :

a) ... phấp phới tung bay.

b) ... vui vẻ đến trường.

2. Điền từ ngữ thích hợp (làm vị ngữ) vào những chỗ trống dưới đây :

a) Cánh đồng lúa quê em...

b) Cô giáo....

(*) Đồng chí Văn : tên của đại tướng Võ Nguyên Giáp khi hoạt động cách mạng.

thuongmaitr

3. Đặt 2 câu nói về buổi học đầu năm ở lớp em, trong đó có :

– 1 câu có một chủ ngữ, một vị ngữ.

– 1 câu có nhiều chủ ngữ (hoặc nhiều vị ngữ).

TIẾT 2

Ôn tập
BỘ PHẬN PHỤ CỦA CÂU :
TRẠNG NGỮ

I – Nội dung cần ghi nhớ

A – Ví dụ

Trong khu rừng kia, chú Sẻ và chú Chích chơi với nhau rất thân. *Một hôm,* Sẻ nhận được một món quà của bà ngoại gửi đến. Đó là một chiếc hộp đựng toàn hạt kê.

truongxua.vn

– *Ở đâu,* chú Sẻ và chú Chích chơi với nhau rất thân ? *Vào thời gian nào*, Sẻ nhận được một món quà của bà ngoại gửi đến ?

– Nếu bỏ những từ ngữ *Trong khu rừng kia* và *Một hôm* thì câu còn có đủ các bộ phận chính không ? Và có hiểu được không ?

– Bộ phận phụ thêm vào cho rõ nghĩa cả câu gọi là bộ phận gì ?

B–1. Ngoài bộ phận chính (C,V) những từ ngữ đứng ở đầu câu, nêu rõ thêm nghĩa cho cả câu, gọi là *trạng ngữ*. *Trạng ngữ* là bộ phận phụ của câu.

2. *Trạng ngữ* có thể chỉ thời gian (*Một hôm*), chỉ nơi chốn (*Trong khu rừng kia*), hoặc chỉ mục đích, nguyên nhân của sự việc nói trong câu. Ví dụ :

Để đạt kết quả tốt, em cần chăm chỉ học tập. "Để đạt kết quả tốt" là *trạng ngữ chỉ mục đích*.

II– Luyện tập

A – Ở lớp

1. Trạng ngữ làm rõ thêm ý gì cho những câu sau ?

a) Trong năm học tới đây, các cháu hãy cố gắng siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn.

(Bác Hồ)

b) Ở vùng Tây Nguyên, đồng bào trồng nhiều cà phê.

2. Ghép một trạng ngữ (ở cột A) với một bộ phận chính tương ứng (ở cột B) để tạo thành câu :

A	B
– Trên giàn khoan	– em được về thăm quê ngoại
– Trong dịp nghỉ hè	– cuộc đua xe đạp bắt đầu
– Đúng 8 giờ sáng ngày chủ nhật	– các kĩ sư, công nhân dầu khí làm việc suốt ngày đêm

B – Ở nhà

1. Trạng ngữ trong những câu sau thêm ý gì cho câu ? (Ghi vào chỗ trống, ví dụ : thời gian)

a) Sau cơn mưa (....), cây cối trở nên xanh tươi.

b) Vì mưa lũ (. . .), chiếc cầu bị cuốn trôi.

c) Bên gốc tre (. . .), mấy chú trâu béo tròn nằm nhai rơm mới. *Trên đường làng* (. . .), đàn ngỗng khoan khoái vươn cái cổ dài ra, nhặt những hạt thóc vương vãi.

2. Điền từ ngữ (làm trạng ngữ) vào chỗ trống để diễn tả ý phụ thích hợp cho những câu sau :

a) Vào thời gian nào, chị Thu tặng em quyển "Truyện đọc 5" ?

– (. . . . .), chị Thu tặng em quyển "Truyện đọc 5".

b) Ở đâu, hoa nhài (lài) nở thơm ngát ?

– (. . .), hoa nhài (lài) nở thơm ngát.

(**) *c) Ở đâu, vào thời gian nào*, chúng em chăm chú nghe cô giáo giảng bài ?

– (. . .) , (. . .), chúng em chăm chú nghe cô giáo giảng bài.

thuongmaitr

TIẾT 3

Ôn tập
CÁC BỘ PHẬN PHỤ TRONG CÂU :
ĐỊNH NGỮ - BỔ NGỮ

I – Nội dung cần ghi nhớ

A – Ví dụ

1. Tất cả học sinh trường em đã học luật lệ giao thông.

2. Ngoài đồng, lúa xanh mơn mởn.

– Những từ ngữ *Tất cả, trường em* diễn tả ý cụ thể thêm cho danh từ nào ?

– Những từ ngữ *đã, luật lệ giao thông* nêu ý cụ thể thêm cho động từ nào ?

– Từ *mơn mởn* nêu ý cụ thể thêm cho tính từ nào ?

B – 1. Định ngữ

truongxua.vn

a) Những từ ngữ diễn tả chi tiết, cụ thể thêm cho sự vật được nêu ở danh từ trong câu, gọi là *định ngữ. Định ngữ* trong câu là bộ phận phụ. Các từ ngữ "Tất cả", "trường em" là định ngữ.

b) Danh từ có thể có định ngữ ở trước và sau nó.

2. Bổ ngữ

a) Những từ ngữ nêu chi tiết, ý cụ thể thêm cho hành động, trạng thái, tính chất, nêu ở động từ và tính từ trong câu, gọi là *bổ ngữ. Bổ ngữ* ở trong câu cũng là bộ phận phụ.

Các từ ngữ "đã", "luật lệ giao thông" là bổ ngữ. Từ "mơn mởn" cũng là bổ ngữ.

b) Có những bổ ngữ chỉ đứng trước động từ, tính từ. Có những bổ ngữ đứng sau động từ, tính từ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Thêm định ngữ thích hợp vào chỗ trống để bổ sung ý cụ thể, chi tiết cho người hoặc sự vật được nêu trong những danh từ sau :

a) ... *học sinh* ... đều luôn luôn đi học đúng giờ.

b) Nhờ kiên nhẫn, em đã giải được .... *bài toán*....

2. Thêm bổ ngữ thích hợp vào chỗ trống để diễn tả cụ thể hơn những động từ, tính từ sau :

a) Chiếc máy bay... *hạ cánh*....

b) Cánh đồng quê em *rộng*...

B – Ở nhà

1. Tìm bổ ngữ (cho những từ in nghiêng) trong những câu sau :

a) Tiếng sóng *vỗ* long bong bên mạn thuyền.

b) Buổi chiều, nắng vừa *nhạt*, sương đã *buông* nhanh xuống mặt biển.

(**) Các bổ ngữ ấy nêu ý phụ gì cho động từ ?

2. Thêm định ngữ vào chỗ trống để diễn tả cụ thể hơn sự vật do những danh từ sau biểu thị :

a) Trong giờ chính tả, chỉ có ... *bạn* được *điểm*...

b) *Nhân dân* ... khởi công xây dựng *nhà máy* .... ở vùng Y-a-li.

3. Thêm bổ ngữ vào chỗ trống để nêu ý cụ thể hơn cho hành động, tính chất được nêu trong những tính từ, động từ sau :

a) Bạn Lan.... *giỏi* ...

b) Bầy chim ... *hót* ...

TIẾT 4

HÔ NGỮ

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Thầy hỏi :

– Cháu tên là gì ?

thuongmaitr

– *Thưa thầy,* con là Lu-i Pa-xtơ ạ !

– ... Cháu đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi ?

– *Thưa thầy,* con thích đi học ạ !

2. *Bầm*(*) *ơi,* sớm sớm, chiều chiều
Thương con bầm chớ lo nhiều, *bầm nghe* !

(Tố Hữu)

– Những từ ngữ (in nghiêng) dùng làm gì khi trò chuyện trực tiếp ?

– Những từ ngữ ấy đứng ở vị trí nào trong câu ?

B–1. Khi trò truyện trực tiếp, người ta dùng từ ngữ để gọi, hỏi hoặc đáp. Những từ ngữ ấy gọi là *hô ngữ*.

2. *Hô ngữ* cũng là bộ phận phụ của câu.

3. *Hô ngữ* có thể đặt ở đầu hoặc ở cuối câu. Hô ngữ thường kèm theo các từ "*...ạ, ơi, hả...*" để biểu thị thái độ kính trọng, thân mật, ví dụ :

– *Mẹ ạ,* hôm nay, bài chính tả con được điểm 10.

ruongxua.vn

GHI NHỚ

1. Những từ ngữ bao gồm lời hô, gọi, hỏi, đáp trong khi trò chuyện trực tiếp, gọi là *hô ngữ*. Hô ngữ cũng là bộ phận phụ của câu.

2. *Hô ngữ* thường ở vị trí đầu hoặc cuối câu. Hô ngữ thường kèm theo các từ "..*ạ, ơi, hả*...., ... *nghe*" để biểu thị thái độ kính trọng, thân mật.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Cho đoạn văn sau :

"... Tôi mới nhỏm dậy, hỏi bà :

– Sáng rồi ư, bà ?

(*) *Bầm* : từ địa phương ở một vùng miền Bắc, có nghĩa như *mẹ, má.*

– Không, cháu ạ !

– Thế sáng trăng ư, bà ?

– Không đâu, cháu ạ ! Hôm nay mồng một, không có trăng.

– Sáng sao, hả bà ?

– Không phải.

– Gà gáy sáng rồi kia mà, bà ơi !

Bà tôi bèn cười :

– Chưa sáng đâu !

Tôi hỏi :

– Thế cái gì sáng cả sân lên thế, hả bà ?

– Đấy là đèn điện bên nhà máy thú y sáng sang xóm ta đấy !"

(Tô Hoài)

a) Gạch dưới những từ ngữ dùng làm hô ngữ.

b) Những hô ngữ nào dùng làm lời gọi, hỏi ? Những hô ngữ nào dùng làm lời đáp ?

thuongmaitr

2. Ghi lại một đoạn trò chuyện của em với bạn, trong đó có dùng hô ngữ.

B – Ở nhà

1. Tìm hô ngữ trong đoạn văn sau :

"... Cháu ngần ngại hỏi ông :

– Ông ơi, ta không có đồng hồ thì làm thế nào biết giờ được ?

Ông đáp :

– Không hề gì. Cứ xem các thứ hoa cũng có thể biết giờ, cháu ạ!"

(Đồng hồ hoa)

2. Em đến hiệu sách mua một cuốn sách. Em viết lại đoạn hội thoại đó với người bán sách (có dùng các hô ngữ).

TIẾT 5

BỘ PHẬN SONG SONG

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Khẩu hiệu, biểu ngữ, cổng chào mọc lên ở các phố.

2. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.

(Thép Mới)

– Những từ "Khẩu hiệu, biểu ngữ, cổng chào" cùng giữ chức vụ gì trong câu ?

– Những từ ngữ "giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín" cùng giữ chức vụ gì trong câu ?

– Những từ ngữ giống nhau về chức vụ ngữ pháp, đặt cạnh nhau giúp gì cho diễn đạt ?

B–1. Ở trong câu, những từ ngữ cùng giữ một chức vụ ngữ pháp, đặt cạnh nhau, gọi là *bộ phận song song*.

2. Bộ phận song song giúp cho diễn đạt ngắn, gọn hơn.

3. Các bộ phận chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) đều có thể làm bộ phận song song :

– Hai hay nhiều chủ ngữ đặt cạnh nhau làm bộ phận song song (VD_1).

– Hai hay nhiều vị ngữ đặt cạnh nhau làm bộ phận song song (VD_2).

(Chú ý : có thể dùng *dấu phẩy* hoặc từ chỉ quan hệ *và* để nối các bộ phận song song)

GHI NHỚ

1. Những bộ phận đặt cạnh nhau, cùng giữ chức vụ giống nhau trong câu gọi là *bộ phận song song*.

Bộ phận song song giúp cho diễn đạt ngắn, gọn hơn.

2. Chủ ngữ, vị ngữ của câu đều có thể làm *bộ phận song song*.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Gạch dưới những bộ phận song song và chỉ rõ chúng cùng giữ chức vụ gì trong câu :

a) Bãi Cháy, Sầm Sơn, Nha Trang... đều là những bãi biển đẹp của nước ta.

b) Chữ của bạn Lan vừa sạch vừa đẹp.

2. Chuyển 2 câu (a, b) thành một câu có bộ phận chính làm bộ phận song song :

+ a) Bạn Ngọc rất thích đá bóng.

b) Bạn Minh cũng rất thích đá bóng.

+ a) Bạn Hiếu rất thông minh.

b) Bạn Hiếu cũng rất dũng cảm.

B – Ở nhà

1. Tìm những bộ phận song song cùng làm chủ ngữ hoặc cùng làm vị ngữ trong các câu sau :

"Đường phố bắt đầu hoạt động và huyên náo. Những chiếc xe vận tải nhẹ, xe lam, xích lô máy, xe ba gác gắn máy nườm nượp chở hàng hóa và thực phẩm từ những vùng ngoại ô về."

2. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo nên câu có bộ phận chính làm bộ phận song song :

a) Lim, táu, sến, ... là những loại gỗ quý.

b) Tiếng Việt của chúng ta rất giàu và...

(**)3. Đặt 2 câu nói về việc học tập của lớp em, trong đó có bộ phận chính làm bộ phận song song :

– Một câu có 2 (hay nhiều) chủ ngữ làm bộ phận song song.

– Một câu có 2 (hay nhiều) vị ngữ làm bộ phận song song.

thuongmaitr

TIẾT 6

BỘ PHẬN SONG SONG

(Tiếp theo)

I – Bài học

A – Ví dụ

1. *Xa xa, giữa cánh đồng*, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ.

2. Lúa chiêm lấn dần *cỏ dại, rừng hoang*.

3. Cô giáo thưởng cho bạn Hà những quyển truyện *mới* và *hay*.

– Những từ ngữ "*Xa xa, giữa cánh đồng*" cùng giữ chức vụ gì trong câu ?

– Những từ ngữ "*cỏ dại, rừng hoang*" nêu rõ thêm ý cho từ nào ? Chúng cùng giữ chức vụ gì trong câu ?

– Những từ "*mới* và *hay*" nêu ý cụ thể cho từ nào ? Chúng cùng giữ chức vụ gì trong câu ?

B–*1*. Ngoài các bộ phận chính, những bộ phận phụ cùng loại (trạng ngữ, bổ ngữ, định ngữ) đặt cạnh nhau trong câu cũng có thể là *bộ phận song song*.

tuongxua.vn

2. Những trường hợp bộ phận phụ cùng loại trong câu cũng có thể làm bộ phận song song :

a) Hai hay nhiều *trạng ngữ* làm bộ phận song song (VD_1).

b) Hai hay nhiều *bổ ngữ* làm bộ phận song song (VD_2).

c) Hai hay nhiều *định ngữ* làm bộ phận song song (VD_3).

GHI NHỚ

1. Các bộ phận phụ cùng loại ở trong câu (trạng ngữ, bổ ngữ, định ngữ) đều có thể đặt cạnh nhau làm *bộ phận song song*.

2. Trong câu, các bộ phận song song ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy hoặc bằng từ chỉ quan hệ *và, hoặc, hoặc là* (hay, hay là...)

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Bộ phận song song (in nghiêng) cùng giữ chức vụ gì trong câu ?

a) *Dọc theo bờ vịnh Hạ Long, trên bến Đoan, bến Tàu* hay *cảng Mới*, những đoàn thuyền đánh cá rẽ màn sương bạc, nối đuôi nhau cập bến.

b) Trong những năm đi đánh giặc, nỗi nhớ *đất đai, nhà cửa, ruộng vườn* thỉnh thoảng lại cháy lên trong lòng tôi. (Khuất Quang Thụy)

2. Viết lại 2 cặp câu sau thành các câu có các bộ phận phụ (bổ ngữ, định ngữ) làm bộ phận song song :

a) Em rất thích hoa phong lan.
Em cũng rất thích hoa hồng.

b) Bạn Hà có hàm răng rất đều.
Bạn Hà có hàm răng rất đẹp.

thuongmaitr

B – Ở nhà

1. Những từ ngữ nào cùng giữ chức vụ như nhau (bổ ngữ hoặc định ngữ) làm bộ phận song song trong những câu sau :

a) Bé lại leo lên cây dừa. Đứng trên đó, Bé trông thấy con đò, xóm chợ, rặng trâm bầu.

b) Vẻ đẹp của bài ca dao toát lên từ những lời lẽ mộc mạc, chân thành.

2. Đặt 2 câu có các bộ phận phụ làm bộ phận song song nói về sinh hoạt hoặc vui chơi của em.

– Một câu có 2 (hay nhiều) bổ ngữ làm bộ phận song song.

– Một câu có 2 (hay nhiều) định ngữ làm bộ phận song song.

TIẾT 7

Ôn tập
HÔ NGỮ - CÁC BỘ PHẬN SONG SONG

I - Nội dung cần ghi nhớ

A - Hô ngữ

1. *Bầu ơi*, thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

2. Bạn Vân hỏi bạn Hoa :

– Hôm nay Lan Anh nghỉ học *hả Hoa* ?

a) Những từ ngữ in nghiêng dùng để làm gì ? Khi nào dùng lời gọi, hỏi hoặc đáp ?

b) Chúng được gọi là bộ phận gì trong câu ?

B - Bộ phận song song

1. *Công nhân, nông dân* đều sản xuất giỏi.

2. Bơ-lang nhìn *đôi mắt* và *vầng trán* Kơ-lơng.

a) Những bộ phận giống nhau về chức vụ ngữ pháp, đặt cạnh nhau được gọi là bộ phận gì trong câu ?

b) Dùng bộ phận song song giúp gì cho việc diễn đạt ?

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. a) Thêm từ ngữ vào chỗ trống dùng làm hô ngữ cho câu sau :

... chớ bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.

b) Đổi câu sau thành câu có hô ngữ :

Chị đọc sách gì đấy ?

2. a) Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để câu có các chủ ngữ làm bộ phận song song :

Lớp 5C, ... đồng diễn thể dục rất đẹp.

b) Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu có các bổ ngữ làm bộ phận song song.

Vào năm học mới, em đã mua sách vở, ...

B – Ở nhà

1. Đổi những câu sau thành câu có bộ phận hô ngữ :

a) Mẹ cho con đi xem phim nhé ?

b) Anh giảng cho em bài toán này.

2. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để thành câu có các vị ngữ làm bộ phận song song :

a) Giọng hát của Ngọc Bích rất hay và ...

b) Nghĩa trang liệt sĩ được xây cất và ...

3. Đổi những câu sau thành câu có bộ phận song song :

a) Lớp 5A có nhiều bạn học giỏi. Và lớp 5B cũng có nhiều bạn học giỏi.

b) Bé Thủy rất ngoan. Bé Thủy cũng rất lễ phép.

(**)4. Tách câu có bộ phận song song thành 2 câu riêng (không có bộ phận song song) :

a) Phong cảnh Đà Lạt rất đẹp, hấp dẫn khách du lịch.

b) Núi ở vùng Tây Bắc nước ta rất cao và rất hiểm trở.

thuongmaitr

TIẾT 8

CÂU RÚT GỌN

I – Bài học

A – Ví dụ

Lan hỏi Cúc :

– Cúc ơi, lớp nào lao động chiều nay ?

Cúc trả lời :

– Lớp 5A.

– Các bạn ấy làm gì ?

– Trồng cây ở vườn trường.

– Bao giờ lớp ta lao động ?

– Chiều thứ tư.

Các câu trả lời (*Lớp 5A. Trồng cây ở vườn trường. Chiều thứ tư*) có đủ các bộ phận chính không ? Bộ phận nào đã được lược bỏ ?

Em có hiểu đúng ý của những câu không đủ bộ phận chính không ?

B – 1. Khi trò chuyện trực tiếp, có thể lược bỏ một hoặc hai bộ phận chính của câu. Những câu ấy vẫn được hiểu đúng như khi có đủ các bộ phận chính. Bộ phận câu được giữ lại gọi là *câu rút gọn*.

2. Trong *câu rút gọn*, có thể chủ ngữ, vị ngữ hoặc cả chủ ngữ và vị ngữ được lược bỏ.

GHI NHỚ

truongxua.vn

1. Khi trò chuyện trực tiếp, có những câu lược bỏ bộ phận chính mà người nghe vẫn hiểu đúng ý. Những câu đó gọi là *câu rút gọn*.

2. Ở câu rút gọn, có thể chủ ngữ hay vị ngữ hoặc cả chủ ngữ và vị ngữ được lược bỏ.

Câu rút gọn giúp cho việc diễn đạt ngắn gọn hơn.

3. Khi trò chuyện với người lớn tuổi, bậc trên, dùng câu rút gọn phải kèm hô ngữ để biểu lộ thái độ kính trọng, lễ phép.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Cho đoạn văn sau :

"Ngọc đi học về, thấy mẹ, Ngọc chào :

– Con chào mẹ ạ !

– Chào con.

– Mẹ ơi, hôm nay con được hai điểm 10.

– Bài nào của con được điểm 10 thế ?

– Thưa mẹ, bài chính tả và bài toán ạ !

– Thế bao giờ con biết điểm bài tập làm văn ?

– Thưa mẹ, thứ bảy tới ạ !

a) Những câu nào là câu rút gọn ? Ở từng câu rút gọn, bộ phận chính nào đã được lược bỏ ?

b) Em biết những câu trên là lời trò chuyện trực tiếp nhờ có dấu hiệu nào ?

2. Em hãy đổi những câu trả lời sau thành câu rút gọn :

Bạn Hòa, lớp trưởng, hỏi các tổ trưởng :

– Tổ nào xung phong quét vôi lớp học ?

Tổ trưởng tổ 3 lên tiếng ngay :

– Tổ 3 xung phong quét vôi lớp học.

– Bao giờ các bạn bắt đầu làm ?

– Sáng chủ nhật này, chúng tôi bắt đầu làm.

B – Ở nhà

1. a) Trong những câu trả lời rút gọn sau đây, bộ phận chính nào đã được lược bỏ ?

– Thúy ơi, bạn Nga đâu ?
– Về quê rồi.
– Bao giờ bạn ấy lên ?
– Chiều chủ nhật.

b) Em viết lại những câu rút gọn ở bài tập a thành câu có đủ các bộ phận chính.

2. Gặp em ở cổng trường, một phụ huynh học sinh hỏi em :
– Cháu chỉ giùm bác, phòng làm việc của Ban giám hiệu ở chỗ nào ?

– ..., ở tầng một, phía bên trái ...

Trả lời người lớn tuổi, em cần thêm từ ngữ nào vào chỗ trống trong câu rút gọn trên, để thể hiện thái độ lễ phép của em ?

thuongmaitr

TIẾT 9

CÂU ĐẶC BIỆT

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Hà Nội tưng bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. Cờ bay đỏ những mái nhà, đỏ những rặng cây, đỏ những mặt hồ.

(*Những năm tháng không thể nào quên* – Võ Nguyên Giáp)

2. Đường phố sáng ánh điện. Thật tuyệt vời !

– Những câu nào có đủ chủ ngữ, vị ngữ ?

– Câu nào không xác định được chủ ngữ, vị ngữ ?

B–1. Trong khi nói hoặc viết, ta có thể dùng những câu chỉ có một từ hoặc một ngữ, vẫn diễn đạt được ý trọn vẹn, mà không xác định được chủ ngữ hoặc vị ngữ. Những câu đó gọi là *câu đặc biệt*.

tuongxua.vn

2. *Câu đặc biệt* chỉ dùng để nêu nhận xét về một sự việc, một hiện tượng (VD_1), hoặc để biểu lộ thái độ hoặc cảm xúc của người nói (VD_2)

GHI NHỚ

1. Những câu diễn đạt ý trọn vẹn, chỉ do một từ ngữ tạo thành mà không xác định được đó là chủ ngữ hoặc vị ngữ thì gọi là *câu đặc biệt*.

2. Chỉ khi thật cần thiết, như biểu lộ cảm xúc, tỏ thái độ hay nêu nhận xét về một sự việc, một hiện tượng, mới dùng câu đặc biệt.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. a) Gạch dưới những *câu đặc biệt* trong đoạn văn sau :

– Giờ chào cờ, cả trường có mặt đông đủ. Rất vui !

– Mưa ! Mưa ! Chúng ta chạy nhanh về nhà kẻo ướt !

b) Câu đặc biệt nào nêu nhận xét về một hiện tượng ? Câu đặc biệt nào biểu lộ cảm xúc ?

2. Trên đường đi học về, khi qua đường, bạn Nhung và bạn Thúy, không để ý một chiếc ô tô đang lao tới.

Em hãy kêu lên (dùng câu đặc biệt) cho hai bạn biết mà tránh.

B – Ở nhà

1. Câu nào là câu đặc biệt trong những đoạn văn sau :

a) Cánh diều bay cao quá. Đẹp thật !

b) Thác Y-a-li ! Một thắng cảnh ! Vùng này sẽ có nhà máy thủy điện và sẽ là nơi nghỉ mát vô cùng hấp dẫn.

2. Những câu đặc biệt trên đây được dùng trong trường hợp nào ? (nêu một hiện tượng hay biểu lộ cảm xúc)

3. Em đang xem bóng đá. Một cầu thủ lấy được bóng trước hàng phòng ngự đối phương, sút rất căng về phía khung thành.

Hãy dùng một câu đặc biệt biểu lộ cảm xúc của em trước hiện tượng đó.

TIẾT 10

thuongmaitr

Ôn tập
CÂU RÚT GỌN – CÂU ĐẶC BIỆT

I – Nội dung cần ghi nhớ

Kiểu câu	Đặc điểm	Ví dụ
1. Câu đủ bộ phận	– Có đủ và xác định được chủ ngữ, vị ngữ.	– Anh bộ đội đứng gác dưới trăng.
2. Câu rút gọn	– Có một hay hai bộ phận chính của câu được lược bỏ. Có thể khôi phục bộ phận đó để viết thành câu có đủ chủ ngữ, vị ngữ.	(Mẹ nói) : – Chúc con năm nay học thật giỏi ! Có thể khôi phục lại thành câu có đủ chủ ngữ, vị ngữ : *Mẹ* chúc con năm nay học thật giỏi !
3. Câu đặc biệt	– Chỉ do một từ ngữ tạo thành, không xác định được đâu là chủ ngữ, đâu là vị ngữ của câu.	– Máy bay !

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. a) Trong đoạn văn sau, câu nào là câu rút gọn ?

Bạn Hồng hỏi bạn Thu :

– Thu ơi, ai đang nói chuyện với chị Mai đấy ?

– Chị Hằng.

– Thế bạn Xuân đâu ?

– Đang xem báo.

– Bao giờ Thu làm bài tập toán ?

– Chiều nay.

b) Trong câu rút gọn trên, bộ phận nào đã được lược bỏ ? Em viết lại những câu rút gọn thành câu có đủ các bộ phận chính.

2. Câu đặc biệt sau được dùng để biểu lộ cảm xúc hay để nêu lên một sự việc ?

Một hồi trống ! Học sinh xếp hàng vào lớp.

truongxua.vn

B – Ở nhà

1. Bạn Tú gặp bạn Bình. Tú nói :

– Đi xem phim không ? Phim hay lắm.

Bình đáp :

– Mình có việc bận. Không đi được.

a) Gạch dưới những câu rút gọn trong đoạn đối thoại trên.

b) Viết lại những câu rút gọn thành câu có đủ các bộ phận chính.

(**) c) Bạn Tú dùng câu rút gọn làm câu hỏi. Em hãy cho biết : trong trường hợp nào thì người nói có thể dùng câu rút gọn làm câu hỏi ?

2. Trên màn ảnh truyền hình, chương trình "Bông hoa nhỏ" chiếu một phim hoạt hình em rất thích. Khi xem, em hãy biểu lộ niềm thích thú đó bằng một câu đặc biệt.

3. Câu đặc biệt được dùng trong những trường hợp nào ? Em đặt một ví dụ có dùng câu đặc biệt để biểu lộ cảm xúc.

TIẾT 11

CÂU GHÉP

I – Bài học

A– Ví dụ

1. Cô giáo kể chuyện Thạch Sanh, chúng em chăm chú lắng nghe.

2. Trường học được sửa chữa *và* các lớp được quét vôi đẹp đẽ.

– Những câu trên có thể chia thành những phần nào có đủ bộ phận chủ ngữ, vị ngữ ?

– Gạch dưới bộ phận chủ ngữ, vị ngữ của từng phần trong mỗi câu.

B – 1. Hai hay nhiều vế câu có quan hệ về ý, ghép lại với nhau, gọi là *câu ghép*.

2. Trong *câu ghép*, mỗi vế câu thường có đủ chủ ngữ, vị ngữ, diễn đạt một ý trọn vẹn. Những vế câu như vậy, nếu tách ra, có thể tạo thành câu đơn.

Cô giáo (C) kể chuyện Thạch Sanh (V) → vế 1, chúng em (C) chăm chú lắng nghe (V) → vế 2.

thuongmaitr

3. Giữa các vế của câu ghép có thể có dấu phẩy (VD_1), dấu hai chấm hoặc từ chỉ quan hệ (VD_2).

GHI NHỚ

> Hai hay nhiều vế câu có quan hệ về ý, ghép lại với nhau, gọi là *câu ghép*.
> Trong câu ghép, mỗi vế câu thường có đủ C – V, diễn đạt ý trọn vẹn.
> Các vế câu được ngăn cách với nhau bằng dấu câu (dấu phẩy, dấu hai chấm...) hoặc bằng từ chỉ quan hệ (*và, nên, nhưng*).

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Dùng một vế câu ở cột A với một vế câu ở cột B ghép thành một câu ghép có nghĩa :

A	B
– Cô giáo vào lớp – Ở đây, gió biển thổi về – Lúa đã chín rộ	– bà con nông dân tấp nập gặt hái ngoài đồng. – chúng em đứng dậy chào. – khí hậu rất dễ chịu.

2. Viết thêm một vế câu để làm thành câu ghép :

a) Mặt trời bừng sáng,...

b) ..., cả nhà vui mừng.

c) Tổ 2 tưới cây ở vườn trường *và*...

B – Ở nhà

1. a) Đoạn văn sau có câu nào là câu ghép ?

"(1) Hòn Gai vào những buổi sáng thật là nhộn nhịp. (2) Tiếng còi tầm cất lên, những chiếc xe bò tót cao to chở thợ lên tầng vào lò. (3) Những người thợ vội vã tới xưởng thay ca..."

b) Gạch chéo (/) giữa các vế của câu ghép ở bài tập a.

tuongxua.vn

c) Các vế của câu ghép đó gắn với nhau bằng dấu hiệu nào ? (bằng từ chỉ quan hệ hay bằng dấu câu)

2. Viết thêm một vế câu để làm thành câu ghép :

a) Cô giáo vừa giảng hết bài,...

b) Mây đen kéo kín bầu trời và...

3. Tìm 2 câu tục ngữ là câu ghép (ví dụ : Chị ngã, em nâng).

TIẾT 12

CÂU GHÉP KHÔNG CÓ TỪ CHỈ QUAN HỆ

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Mặt trời ló ra khỏi chân mây, đoàn thuyền đánh cá vừa đến bãi cá.

2. Mọi người đứng dậy reo mừng : Bác Hồ đã đến !

– Trong câu ghép không có từ chỉ quan hệ, dấu câu nào đã được dùng để ngăn cách các vế ?

– Dấu phẩy, dấu hai chấm được đặt ở vị trí nào trong câu ghép ?

B–1. Trong câu ghép không có từ chỉ quan hệ, ta dùng dấu phẩy (VD_1) hoặc dấu hai chấm (VD_2) để ngăn cách các vế.

Dấu phẩy, dấu hai chấm đặt ở giữa các vế của câu ghép.

GHI NHỚ

Trong *câu ghép* không có từ chỉ quan hệ, ta dùng dấu phẩy (,), dấu hai chấm (:) để ngăn cách các vế câu. Dấu phẩy dùng nhiều hơn. Dấu phẩy, dấu hai chấm đặt giữa các vế câu ghép.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. a) Những câu ghép sau đây có mấy vế câu ?

– Trăng đã lên cao, biển khuya lành lạnh.

– Xuồng đưa cán bộ sang sông, xuồng đưa giải phóng quân đi chiến đấu, xuồng chở đạn dược ra chiến trường.

b) Gạch 1 gạch dọc (|) giữa chủ ngữ, vị ngữ của từng vế câu.

c) Các vế câu được ngăn cách bằng dấu câu nào ?

2. Thay từ chỉ quan hệ bằng dấu phẩy hoặc dấu hai chấm để tách các vế trong những câu ghép sau :

a) Bài tập rất nhiều *nên* em phải làm cho xong.

b) Mặt trời mọc *và* sương tan dần.

c) Buổi sáng, mẹ em đi làm *còn* em đi học.

B – Ở nhà

1. Điền dấu câu thích hợp (dấu phẩy hoặc dấu hai chấm) vào giữa các vế của những câu ghép sau :

a) Tiếng còi của trọng tài vang lên (...) trận đấu bóng bắt đầu.

thuongmaitr

b) Gió thổi ào ào (...) cây cối nghiêng ngả (...) bụi cuốn mù đường và một trận mưa ập tới.

2. Thay từ chỉ quan hệ bằng dấu phẩy hoặc dấu hai chấm để ngăn cách các vế trong những câu ghép sau :

a) Mùa xuân đã về *và* trăm hoa đua nở.

b) Bạn Hà giỏi môn toán *còn* bạn Hạnh lại khá môn văn.

3. Đặt 3 câu ghép (nói về sinh hoạt, học tập của em) trong đó dùng dấu câu để ngăn cách các vế.

– 2 câu dùng dấu phẩy.

– 1 câu dùng dấu hai chấm.

TIẾT 13

CÂU GHÉP CÓ TỪ CHỈ QUAN HỆ

truongxua.vn

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Mẹ em là giáo viên *còn* bố em là công nhân.

2. Bạn Hải thích xem phim *nhưng* bạn An lại thích xem đá bóng.

– Các vế của những câu ghép trên gắn với nhau bằng từ nào ?

– Các từ chỉ quan hệ dùng để gắn các vế câu ghép đặt ở vị trí nào trong câu ?

B–1. Trong câu ghép, các vế câu có thể gắn với nhau bằng từ chỉ quan hệ (từ *còn* (VD_1), từ *nhưng* (VD_2)).

2. Các từ chỉ quan hệ thường dùng để gắn các vế câu ghép là : *và, còn, rồi, nhưng, hay* (hoặc, hoặc là)...

3. Khi dùng để gắn vế câu ghép, các từ chỉ quan hệ thường đặt ở giữa các vế.

GHI NHỚ

> 1. Các vế của câu ghép có thể gắn với nhau bằng một từ chỉ quan hệ. Nhờ đó, ý nghĩa giữa các vế câu trở nên chặt chẽ. Từ chỉ quan hệ thường đặt giữa các vế câu ghép.
> 2. Các từ chỉ quan hệ thường dùng để gắn các vế trong câu ghép là : *và, nên, rồi, còn, vì, hay (hoặc, hoặc là), nhưng,* v.v...

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Gạch dưới những từ chỉ quan hệ được dùng để gắn các vế câu trong những câu ghép sau :

a) Mây tan và mưa tạnh dần.

b) Hoa cúc đẹp nhưng hoa ngâu thơm hơn.

c) Điện hỏng nên buổi biểu diễn văn nghệ phải hoãn.

2. Thêm từ chỉ quan hệ vào chỗ trống để gắn các vế trong những câu ghép sau :

a) Quê nội em ở Hà Tây... quê ngoại em ở Vĩnh Long.

b) Đêm đã rất khuya... bạn Lan vẫn còn ngồi học.

c) Ngày mai, tổ 2 trực nhật lớp... tổ 4 trồng cây.

B – Ở nhà

1. Gạch dưới từ chỉ quan hệ dùng để gắn các vế trong những câu ghép sau.

a) Em học lớp 5 còn chị em học lớp 12.

b) Mẹ ơi, chị Thu đi chợ hay con đi chợ ạ ?

c) Gió rất mạnh nhưng trời không mưa.

2. Thêm 1 vế câu thích hợp vào chỗ trống để có một câu ghép :

a) Các bạn trong tổ em hôm nay đều thuộc bài *nên*...

b) Mưa đã tạnh và ...

(**)3. Viết một đoạn văn ngắn (3 đến 5 câu) tả tính tình bạn em (trong đó có 2 câu ghép dùng từ chỉ quan hệ để gắn vế câu).

thuongmaitr

TIẾT 14

CÂU GHÉP CÓ TỪ CHỈ QUAN HỆ

(Tiếp theo)

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Vì trời mưa nên đường rất lầy lội.

2. Nếu thời tiết đẹp thì lớp em sẽ đi cắm trại vào chủ nhật này.

– Trong những câu ghép trên, mỗi câu có mấy từ chỉ quan hệ ?

– Cặp từ chỉ quan hệ *vì ... nên...*, nêu ý gì của câu ?

Cặp từ chỉ quan hệ *nếu... thì ...*, nêu ý gì của câu ?

B–1. Trong câu ghép, các vế câu có thể gắn với nhau bằng một cặp từ chỉ quan hệ (VD_1, VD_2).

2. Nhờ cặp từ chỉ quan hệ, các vế câu ghép gắn với nhau chặt chẽ hơn. Các cặp từ chỉ quan hệ thường dùng :

Vì ... nên ... : chỉ ý nguyên nhân – kết quả.

tuongxua.vn

Nếu (hễ, giá)... thì ... : chỉ ý điều kiện (giả thiết) – kết quả.

Tuy... nhưng ... : chỉ ý nhượng bộ.

Chẳng (không) những... mà còn ... : chỉ ý tăng tiến.

3. Trong câu ghép, một từ chỉ quan hệ đi với vế thứ nhất, một từ chỉ quan hệ đi với vế thứ hai.

GHI NHỚ

1. Trong câu ghép, các vế câu có thể gắn với nhau bằng một cặp từ chỉ quan hệ.

2. Trong câu ghép có cặp từ chỉ quan hệ thì một từ đi với vế câu thứ nhất, một từ đi với vế câu thứ hai.

3. Những cặp từ chỉ quan hệ dùng trong câu ghép :

Vì... nên... (nguyên nhân – kết quả)

Nếu... thì... (giả thiết (điều kiện) – kết quả)

Tuy... nhưng... (nhượng bộ)

Chẳng (không) những .... mà còn ... ; *càng... càng...* (tăng tiến).

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Cho những câu ghép sau :

– Mưa càng to, gió càng mạnh.

– Sở dĩ Thỏ thua Rùa vì Thỏ đã kiêu ngạo.

– Nếu em học giỏi thì bố mẹ em sẽ rất vui lòng.

a) Gạch dưới những từ chỉ quan hệ dùng để gắn các vế câu.

b) Hãy nêu ý nghĩa của câu ghép có các cặp từ chỉ quan hệ.

2. Chữa những câu sau thành câu ghép có dùng các cặp từ chỉ quan hệ :

a) *Vì* chân đau. *Nên* bạn Hiền không đi nhanh được.

b) *Nếu* chân không khỏi đau *nên* bạn Hiền phải nghỉ học.

B – Ở nhà

1. Gạch dưới cặp từ chỉ quan hệ dùng trong câu ghép sau và nói rõ những từ chỉ quan hệ ấy nêu ý gì cho câu ghép ?

a) Tuy sức khỏe yếu nhưng bạn Lan vẫn tích cực lao động.

b) Hồng chẳng những học giỏi mà bạn ấy còn luôn luôn giúp đỡ các bạn học yếu.

2. Thêm một từ chỉ quan hệ và một vế câu thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu ghép :

a) Vì bạn Yến không thuộc bài ...

b) Nếu xe không hỏng ...

3. Đặt 2 câu ghép nói về buổi sinh hoạt lớp, trong đó có dùng các cặp từ chỉ quan hệ sau :

a) *Vì* C – V *nên* C – V

b) *Nếu* C – V *thì* C – V

thuongmaitr

TIẾT 15

ÔN TẬP CÂU GHÉP

I – Nội dung cần ghi nhớ

– Nước chảy, đá mòn.

– Trước đền, những khóm hải đường đâm bông rực rỡ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay rập rờn (*Phong cảnh đền Hùng*).

– Cô giáo bắt nhịp *và* các cháu hát rất đều.

– *Vì* mẹ ốm *nên* bạn Nghĩa phải nghỉ học.

1. Câu ghép có ít nhất hai vế câu.

2. Mỗi vế của câu ghép diễn đạt một ý trọn vẹn, thường có đủ bộ phận chính (C – V).

3. Các vế câu ghép đều có liên hệ về ý nên được gắn với nhau bằng dấu câu (dấu phẩy, dấu hai chấm...) hoặc bằng một từ chỉ quan hệ (*và, còn, nhưng*...) hay một cặp từ chỉ quan hệ (*vì... nên... ; tuy... nhưng ... ; nếu... thì...*).

truongxua.vn

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Ghép một vế câu (ở cột A) với một vế câu (ở cột B) để tạo thành những câu ghép thích hợp (có thể dùng dấu câu hoặc từ chỉ quan hệ để gắn các vế câu ghép) :

A	B
– Thời tiết thuận lợi	– trời sẽ mưa
– Bố em đi họp	– lúa rất tốt
– Nếu ếch kêu nhiều	– mẹ em đi làm ca đêm

2. Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép có nghĩa :

a) Gia đình bạn Hòa gặp nhiều khó khăn...

b) Trăng rất sáng...

3. Chữa những câu sau thành câu ghép (dùng đúng các cặp từ chỉ quan hệ) :

a) Nhờ bạn Minh giúp đỡ. Nên bạn Sơn đã tiến bộ.

b) Hễ bạn Thanh phát biểu ý kiến. Là cả lớp lại cười rộ lên.

B – Ở nhà

1. a) Gạch dưới bộ phận chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) trong từng vế câu ghép sau :

– Trên sân trường, các bạn nam đá cầu và các bạn nữ chơi nhảy dây.

– Tuy nhà rất xa nhưng bạn Khánh chưa bao giờ đi học muộn.

b) Các vế câu ghép được gắn với nhau bằng từ chỉ quan hệ nào ?

2. Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành câu ghép :

a) Chiếc cầu bị hỏng, ...

b) Thời tiết thay đổi, ...

3. Đặt 3 câu ghép theo mẫu sau :

– C–V *và* C–V (1 câu)

– *Vì* C–V *nên* C–V (1 câu)

– *Nếu* C–V *thì* C–V (1 câu)

thuongmaitr

(**)4. Viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) tả giờ ra chơi ở trường em trong đó có dùng 2 câu ghép.

TIẾT 16

ÔN TẬP HỌC KÌ I

I – Các bộ phận trong câu

A – Các bộ phận chính của câu : chủ ngữ và vị ngữ

1. a) Đoạn văn sau đây quên chấm câu. Em hãy **điền dấu chấm câu** cho đúng (nhớ viết hoa chữ đầu câu) :

"Rừng núi Tây Nguyên có nhiều muông thú từng đàn voi đi ăn trong rừng sâu từng đàn khỉ chuyền từ cành cây nọ sang cành cây kia tiếng suối chảy róc rách trong khe núi từ sáng tinh mơ muôn chim cất tiếng hót véo von âm vang cả khu rừng."

b) Tách các bộ phận chủ ngữ và vị ngữ của từng câu trên bằng một gạch dọc (|).

2. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành những câu đúng, có đủ các bộ phận chính :

a) Quần đảo Trường Sa ...

b) ... có nhiều học sinh giỏi.

B – Các bộ phận phụ của câu : trạng ngữ, hô ngữ. Các bộ phận phụ trong câu : bổ ngữ, định ngữ.

1. Điền từ ngữ thích hợp (*làm trạng ngữ*) vào chỗ trống để nêu thêm ý cho câu :

a) (ý chỉ thời gian)..., chúng em đón đoàn học sinh giỏi của tỉnh.

b) (ý chỉ nơi chốn)..., nhiều ngôi nhà tình nghĩa đã được xây dựng.

2. Đổi câu sau đây thành câu có dùng *hô ngữ* :

a) Chị cho em mượn quyển truyện "Không gia đình".

b) Mẹ dạy con làm bánh trôi nhé !

3. Điền từ ngữ thích hợp (*làm định ngữ*) vào chỗ trống để nêu ý cụ thể cho những danh từ :

a) Bạn Hà đã đạt danh hiệu *học sinh*...

b) Thư viện thành phố có ... bộ sách...

4. Điền từ ngữ thích hợp (*làm bổ ngữ*) vào chỗ trống để nêu rõ ý cho những động từ, tính từ :

a) Chú họa sĩ ... vẽ ...

b) Con đường mới rộng...

TIẾT 17

ÔN TẬP HỌC KÌ I

(Tiếp theo)

II – Các kiểu câu

1. Dùng những câu đơn sau làm vế câu để tạo thành câu ghép thích hợp :

a) Mẹ em đi dạy học. Bố em về đơn vị. Em ở nhà với bà.

b) Tre cùng ta làm ăn. Tre lại cùng ta đánh giặc

(Thép Mới)

2. Điền vào chỗ trống từ chỉ quan hệ và một vế câu thích hợp để tạo thành những câu ghép :

a) Mưa đã tạnh...

b) ... nên em về nhà muộn.

c) *Tuy* bạn Sinh còn ít tuổi *nhưng* (C–V).

3. Đặt 3 câu ghép theo mẫu sau :

a) *Vì* C–V *nên* C–V

b) *Nếu* C–V *thì* C–V

c) C *càng* V, C *càng* V

III – Các bộ phận song song

1. Gộp hai câu sau thành một câu có nhiều *chủ ngữ* làm bộ phận song song :

a) Cố đô Huế có nhiều cảnh đẹp.

b) Thành phố Đà Lạt cũng có nhiều cảnh đẹp.

2. Gộp hai câu sau thành một câu có nhiều *vị ngữ* làm bộ phận song song :

a) Học sinh trường em viết thư cho các bạn học sinh Cu–ba.

b) Học sinh trường em cũng đã tặng quà cho các bạn học sinh Cu–ba.

3. Gộp hai câu sau thành một câu có nhiều *trạng ngữ* làm bộ phận song song :

a) Trên cánh đồng, đàn bò đang gặm cỏ.

b) Xa xa, đàn bò đang gặm cỏ.

4. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu có nhiều *bổ ngữ* làm bộ phận song song :

– Chủ nhật vừa qua, chúng em đã đi thăm Viện bảo tàng và ...

5. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành câu có nhiều *định ngữ* làm bộ phận song song :

– Ngọc Ánh có nụ cười rất xinh và ...

thuongmaitr

CHÍNH TẢ

TIẾT 1

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt : – dấu (?) / **dấu (~)**
– d / gi

I – Bài viết

THẮNG BIỂN

Mặt trời lên cao dần. Gió đã bắt đầu thổi mạnh. Gió lên, nước biển càng dữ. Khoảng mênh mông ầm ì càng lan rộng mãi vào. Bãi vẹt đã ngập lưng lưng. Biển cả như muốn nuốt tươi con đê mỏng manh như con mập đớp con cá chim nhỏ bé.

tuongxua.vn

Trống giục thùng thùng. Từ hai bên, đất đổ sập xuống từng mảng. Đất cao dần đã nổi lên trên mặt lòng sông thành một vệt đỏ. Sọt đất dựa vào cọc tre, cọc tre giữ chặt sọt đất. Dòng nước bị chặn đứng lại. Tiếng reo hò hai bên nổi lên ầm ĩ : Chúng ta thắng biển. Cố lên anh em ơi !

(*Theo* Chu Văn)

Chú giải

– *Bãi vẹt :* chỗ đất bồi ở ven biển có trồng cây vẹt. (*Cây vẹt :* loại cây thường mọc ở ven biển, dùng để thuộc da hoặc để nhuộm)

– *Con mập* (con cá mập) : loại cá lớn và dữ, sống ở biển.

– *Con đê :* bờ đất cao đắp ở ven sông hay ven biển để ngăn nước.

Nhận xét

1. Những tiếng nào có thanh viết với dấu hỏi (?), những tiếng nào có thanh viết với dấu ngã (~) ?

2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết d, gi ?

II – Phân biệt

1. Viết đúng chính tả những chữ có dấu **?** và những chữ có dấu ~ :

	?	~
1	**mải** : *mải* mê ; *mải* miết.	**mái** : học *mãi* ; *mãi mãi*.
2	**đổ** : *đổ* đất ; nhà *đổ* ; *đổ* xô ; *đổ* lỗi.	**đỗ** : cây *đỗ* (*đỗ* xanh, *đỗ* đen...) ; thi *đỗ* ; xe *đỗ*.
3	**nổi** : chìm *nổi* ; *nổi* bật ; *nổi* tiếng ; *nổi* giận ; sôi *nổi*.	**nỗi** : *nỗi* buồn ; *nỗi* lòng ; *nỗi* niềm.
4	**ỉ** : âm *ỉ* ; lợn *ỉ*.	**ĩ** : ầm *ĩ*.

2. Viết đúng chính tả những chữ có **d, gi** ở đầu :

	d	gi
1	**dó** : cây *dó*.	**gió** : trận *gió* ; *gió* heo may.
2	**dữ** : hung *dữ* ; thú *dữ* ; giận *dữ* ; *dữ* dội.	**giữ** : *giữ* gìn ; *giữ* nước ; bắt *giữ* ; *giữ* lời ; *giữ* trẻ.
3	**dục** : đức *dục* ; thể *dục* ; bầu *dục*.	**giục** : thúc *giục* ; xúi *giục* ; *giục* giã.
4	**dần** : *dần dần* ; *dần* dà.	**giần** : *giần* sàng ; *giần* giật.
5	**dựa** : *dựa* lưng ; *dựa* dẫm	(không có)

III – Luyện tập

1. Em hãy xếp các từ dưới đây thành 2 cột : cột **dấu hỏi** và cột **dấu ngã**.

bất bẻ, bẽ bàng, cái bễ thợ rèn, bể bơi, bỏ quên, cơn bão, dạy bảo, bảo vệ, bảo hiểm, bão táp.

2. Em hãy xếp các từ dưới đây thành 2 cột : cột **d** và cột **gi**.

hung dữ, thú dữ, giữ gìn, dữ dội, đức dục, thúc giục, giục giã.

TIẾT 2

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết

VIỆT NAM (viết cả bài)

II – Viết đúng

– trăm miền, xóm làng, nắng chang, sum sê, nắng soi, đẹp tuyệt vời, mỡ màng, thuở ấu thơ.

– trời riêng, xoài, phù sa, Trường Sơn, sóng trào, lấp lánh, Việt Nam, biếc, dừa nghiêng, ngất đỉnh Hà Giang, mũi đất, loài người, Cửu Long.

III – Luyện tập

Em hãy cho biết cách viết hoa các chữ chỉ tên riêng (tên người, tên đất). Tìm 5 ví dụ tên người, 5 ví dụ tên sông, 5 ví dụ tên đất.

uongxua.vn

TIẾT 3

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt : **– l / n**
– oang / ang

I – Bài viết

LÊN ĐƯỜNG ĐÁNH GIẶC MĨ

Một giờ chiều tiểu đội lên đường. Anh Roóc dẫn đầu, trên lưng anh là quả mìn to bè như một cái cổng. Nếu xe Mĩ đè xuống, quả mìn sẽ nổ tung. Từ hôm lĩnh nó về, anh Roóc thích lắm, đi đâu anh cũng mang nó theo ; ngủ, anh gối đầu lên nó. Hôm nay, trước khi đi, anh lại mang nó ra lau bóng loáng rồi nói với nó :

– Mìn ơi, hôm nay có thể gặp xe Mĩ đấy. Nổ cho to nhé !

Tiểu đội du kích đang xuyên rừng. Kơ–lơ đi sau anh Roóc, mắt luôn hướng về phía trước.

(*Theo* Khuất Quang Thụy)

Chú giải

– *Mìn* : khối thuốc nổ dùng làm vũ khí (chôn hoặc đặt) có sức công phá lớn.

– *Cồng* : một thứ chiêng nhỏ dùng để đánh báo hiệu (*chiêng* : một thứ nhạc cụ bằng đồng, hình giẹp và tròn, giữa có núm để đánh).

– *Roóc, Kơ–lơ* : tên gọi các chiến sĩ người dân tộc ở Tây Nguyên.

Nhận xét

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết **l, n** ?
2. Những tiếng nào có vần viết **ang, oang** ?

II – Phân biệt

1. Viết đúng chính tả các chữ có **l** hoặc **n** đứng đầu :

	l	n
1	**là** : (bạn Minh) *là* học sinh giỏi, bàn *là*, bay *là là*, lượt *là*.	**nà** : nõn *nà*, *nà* (bãi cát bồi ở bờ sông. Trồng ngô ở *nà*).
2	**lắm** : đẹp *lắm*, *lắm* việc, nhiều *lắm*.	**nắm** : *nắm* tay, *nắm* cơm, *nắm* chắc.

thuongmaitr

2. Viết đúng chính tả các chữ có **ang, oang**

	ang	oang
1	**chang** : chói *chang*, nắng *chang chang*.	**choang** : sáng *choang*, kêu *choang* choác.
2	**chàng** : *chàng* trai, cái *chàng* (thợ mộc), con chẫu *chàng*	**choàng** : áo *choàng*, mở *choàng* mắt.
3	**đàng** : lên *đàng*, *đàng* trong, *đàng* ngoài, *đàng* hoàng.	**đoàng** : đùng *đoàng*.

III – Luyện tập (chọn 1 trong 2 bài)

1. Điền **ang** hoặc **oang** vào chỗ trống :

h... động, h...̀ hóa, đất h..., h... phí, h...̀ đế, áo ch...̀, ch...̀ trai.

2. Điền **l** hoặc **n** vào chỗ trống :

...ỗ mũi, ...ỗ lực, máy ...ổ, loang ...ổ, ...ung lay, ...ay động, xưa ...ay, ...ong lanh.

TIẾT 4

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết

ĐỔ BÊ–TÔNG (bài chọn ngoài)

II – Viết đúng

truongxua.vn

– đổ bê–tông, băng chuyền, chảy xiết, dòng suối, bến xe, xe Din, nhấc bổng, gàu vữa.

– chuyển động, trút vật liệu, công trường, lành nghề, bắt đầu, nhà máy, ván khuôn, lực sĩ.

+ Phân biệt **ay** với **ây** :

	ay	**ây**
1	**máy** : nhà *máy*, *máy* móc, xe *máy*, *máy* mắt...	**mấy** : *mấy* người ; khó *mấy* cũng học, *mấy* khi.
2	**bay** : chim *bay* ; máy *bay*, *bay* nhảy, *bay* màu, cái *bay*.	**bây** : *bây* giờ, *bây* nhiêu.
3	**tay** : bàn *tay*, sổ *tay*, *tay* vịn, *tay* nải, *tay* sai.	**tây** : phía *tây*, thuốc *tây*.
4	**dạy** : *dạy* học, *dạy* dỗ.	**dậy** : ngủ *dậy*.

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống *uyên* hoặc *iên* :

– Chim ch..̀. ch.̣.., chim vành kh...

– Vô t..́. đ.̣.., kể ch.̣.., trời mưa l... m...

– Lưu l..́., nói l..́. thoắng, d..̃.kịch

2. Tìm 2 tiếng có vần viết *ay*, 3 tiếng có vần viết *ây* (không viết lại các từ có vần viết *ay, ây* đã phân biệt trên đây).

TIẾT 5

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt : – **ên / ênh**
– **ch / tr**

thuongmaitr

I – Bài viết

1. Xe chúng tôi leo chênh vênh trên dốc cao của con đường xuyên Hoàng Liên Sơn. Những đám mây trắng nhỏ sà xuống cửa kính ô tô tạo nên một cảm giác bồng bềnh huyền ảo. Chúng tôi đang đi bên những thác trắng xóa tựa mây trời, những rừng cây âm âm, những bông hoa chuối rực lên như ngọn lửa...

(Nguyễn Phan Hách)

2. Bầu trời trong xanh soi bóng xuống đáy hồ, mặt nước hồ càng xanh thêm và như rộng ra mênh mông.

(Thiên Lương)

3. Ai thổi sáo gọi trâu đâu đó
Chiều in nghiêng trên mảng núi xa
Con trâu trắng dẫn đàn lên núi
Vểnh đôi tai nghe tiếng sáo trở về.

(Ngô Văn Phú)

Nhận xét

1. Những tiếng nào có vần viết **ênh, ên** ?

2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết **ch, tr** ?

II - Phân biệt

1. Viết đúng các chữ có **ênh, ên** :

	ênh	ên
1	**chênh** : *chênh* vênh ; *chênh* lệch ; *chênh* chếch.	(không có)
2	**vênh** : *vênh* vang ; *vênh* váo ; *vênh vênh.*	(không có)
3	**vểnh** : *vểnh* tai.	(không có)
4	**mênh** : *mênh* mông ; *mênh* mang.	(không có)

2. Viết đúng các chữ có **ch, tr** ở đầu :

uongxua.vn

	ch	tr
1	**chúng** : *chúng* tôi ; dân *chúng*.	**trúng** : bắn *trúng* ; *trúng* số ; *trúng* cử ; *trúng* tuyển.
2	**châu** : *châu* báu ; *châu* chấu ; *châu* đầu ; *châu* mai ; *châu* thổ.	**trâu** : *trâu* bò.
3	**chở** : chuyên *chở* ; *chở* đò.	**trở** : *trở* về ; *trở* gió ; *trở* nên ; *trở* ngại ; *trở* mình ; trắc *trở*.

III - Luyện tập

Viết đúng các từ ngữ : cha mẹ, tra thuốc, chà đạp, nước trà, tiệc trà, giò chả, trả nợ, châu báu, lỗ châu mai, trâu bò, dân chúng, trúng số, trúng tuyển.

IV – Ghi nhớ

Các đồ vật dùng trong nhà phần lớn viết **ch** : cái chăn, cái chiếu, cái chổi, cái chai, cái chạn (đựng thức ăn, bát đĩa), cái chảo, cái chén, cái chĩnh, cái chum, cái chõ (đồ xôi), cái chõng, cái chậu, cái chày.

TIẾT 6

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I – Bài viết

EM BÉ

(Bé mới... đang đánh giặc)

II – Viết đúng

– băm sả, ngoài gò, quân giới, bớt, lồng lòng, rặng trám bầu

– rỉ, lượm vỏ đạn, leo lên, vứt, ngóng tin, đánh giặc, bữa cơm

Phân biệt :

+ **rặng** với **dặng** : *rặng* cây / *dặng* hắng.

+ **vỏ** với **võ :** *vỏ* cây, *vỏ* chai, *vỏ* chăn, *vỏ* bào / *võ* nghệ, *võ* trang, *võ* bị, *võ* vàng, *võ* vẽ.

III – Luyện tập

1. Tìm 5 tiếng có vần viết *oai.*

2. Làm một trong hai bài tập sau :

a) Phân biệt – *sả* với *xả*

– *sã* với *xã*

b) Phân biệt – *sả* với *sã*

– *xả* với *xã*

thuongmaitr

TIẾT 7

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt : – **iu/ iêu/ êu/ ưu/ ươu**
– dấu **?**/ dấu ~

I – Bài viết

MÙA HOA SỮA

Chiếc ô-tô buýt chạy chậm dần rồi đỗ lại bên bờ Hồ Gươm. Hằng xuống xe, rẽ về phố Bà Triệu. Chiều thu, gió dìu dịu, hoa sữa thơm nồng. Chiều nào về đến đầu phố nhà mình, Hằng cũng đều được hít thở ngay mùi thơm quen thuộc ấy. Thật hiếm thấy một loài hoa nào có đủ sức tỏa hương cho cả một dãy phố dài hàng cây số như hoa sữa. Từng chùm, từng chùm những bông hoa bé xíu màu lục nở dày trên những tán lá thẫm hơn. Mùa hoa sữa – mùa thu – mùa khai trường. Hoa sữa rụng thành từng quầng xanh trên vỉa hè, quanh những gốc cây. Trời trở heo may, những bông hoa li ti rơi lả tả trên mái đầu, trên vai áo người qua đường như lưu luyến.

(*Theo* Hàm Châu)

Nhận xét

1. Những tiếng nào có vần viết **iu, iêu, êu, ưu, ươu** ?
2. Những tiếng nào có thanh viết với dấu ?, dấu ~ ?

II – Phân biệt

1. Viết đúng chính tả những chữ có **iu, iêu, êu, ưu, ươu** :

uongxua.vn

	iu	iêu	êu	ưu	ươu
1	**dìu** : *dìu* dịu, *dìu* dắt, *dìu* người ốm.	**diều** : cái *diều*, *diều* hâu, *diều* (gà).	(không có)	(không có)	(không có)
2	**trìu** : *trìu* mến.	**chiều** : buổi *chiều*, *chiều* hướng, *chiều* chuộng. **triều** : thủy *triều*.	(không có)	**trừu** : *trừu* tượng.	(không có)
3	(không có)	**triệu** : Bà *Triệu*, một *triệu*, *triệu* tập.	**trệu** : *trệu* trạo.	(không có)	(không có)
4	**liu** : *liu* điu (rắn).	**liêu** : quan *liêu*.	**lêu** : *lêu* têu, *lêu* lổng, *lêu* đêu.	**lưu** : *lưu* luyến, *lưu* lạc, *lưu* loát, *lưu* động, *lưu* ban, *lưu* ý.	(không có)

thuongmaitr

2. Viết đúng chính tả các chữ có dấu hỏi (?) hoặc dấu ngã (~) :

	?	~
1	**cải** : *cải* cách, rau *cải*	**cãi** : tranh *cãi*, *cãi* nhau.
2	**chải** : *chải* đầu, *chải* chuốt.	**chãi** : vững *chãi*.
3	**cổ** : cái *cổ*, đồ *cổ*, *cổ* phần, *cổ* động, *cổ* đông.	**cỗ** : *cỗ* bài, ăn *cỗ*.
4	**đẻ** : sinh *đẻ*.	**đẽ** : đẹp *đẽ*.
5	**hải** : *hải* cảng, hớt *hải*, con *hải* cẩu.	**hãi** : sợ *hãi*, *hãi* hùng.

III - Luyện tập

Làm 1 trong 2 bài tập sau :

1. Viết các từ có *iu, iêu, êu, ưu, ươu* (mỗi vần viết 3 từ).

Ví dụ : thiu thiu, dịu dàng ; nũng nịu...

2. Phân biệt : *tả* với *tã*.

TIẾT 8

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I - Bài viết

ĐẢO CHIM (Bài chọn ngoài)

II - Viết đúng

– giống chim, trắng muốt, liên liến, lướt trên cát ẩm, lăn tròn, vết chân chim.

– trong suốt, chim mỏ vịt, chim chíp, rộn rã, vang vang.

tuongxua.vn

Phân biệt :

+ *sáo* với *xáo*

– *sáo : sáo* sậu, *sáo* diều, thổi *sáo*, bức *sáo* (mành), câu văn *sáo*.

– *xáo* : hàng *xáo*, bún *xáo, xáo* trộn, *xáo* xác.

+ *chim* với *chiêm*

– *chim : chim* chóc, *chim* chíp, cuốc *chim*.

– *chiêm* : lúa *chiêm, chiêm* nghiệm, *chiêm* chiếp, *chiêm* bao.

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống *iêm* hoặc *im* :

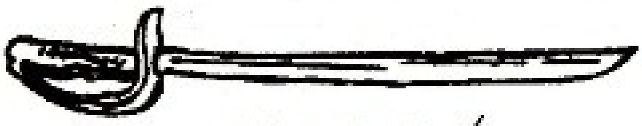

Thanh k...´

– Cô bé có đôi b...´ tóc rất đẹp.

– Ngồi xem ph... không nên nói chuyện ph...´

– Cờ búa l...` phấp phới bay trong nắng sớm.

2. Viết 2 từ láy có dấu nặng và dấu ngã (ví dụ : rộn rã). Viết 2 từ láy có dấu ngã và dấu huyền (ví dụ : rõ ràng).

Cô bé có b... tóc rất đẹp.

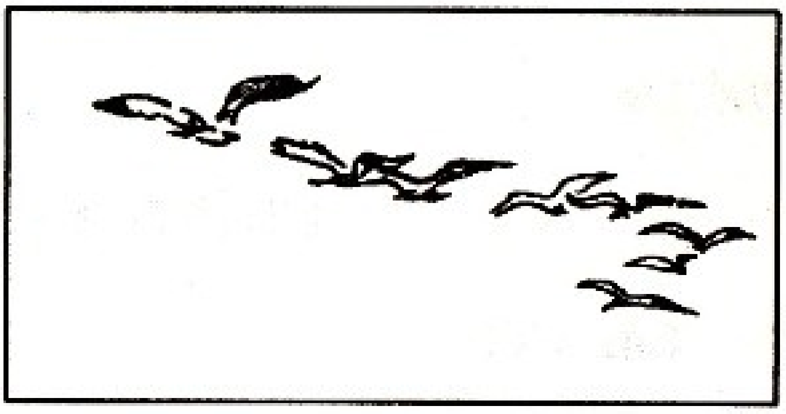

Đàn ch...

TIẾT 9

CHÍNH TẢ (so sánh)

thuongmaitr

Phân biệt : **–r/ d/ gi**

– an/ ang

I – Bài viết

DƯỚI ĐÁY BIỂN

Một hôm, chú bé Ép–xây–ca thấy mình rơi xuống đáy biển, nhưng chú chẳng hề sợ hãi. Chú ngồi lên một tảng đá có phủ lớp rong màu hung thật êm. Chú nhìn xung quanh rồi thốt lên : "Ôi ! Tuyệt đẹp !".

Một con sao biển đỏ thắm đang chậm chạp bò. Những con tôm hùm mang bộ râu dài đang bệ vệ bước trên các hòn đá. Một con cua đang bò ngang... Chỗ nào cũng thấy bao nhiêu vật lạ. Đây là hoa loa kèn mở rộng cánh, rung rinh dưới nước. Đàn tôm con lao

vun vút như ruồi. Bác rùa biển khệnh khạng, có hai con cá xanh như đôi bướm đùa giỡn phía trên mai...

(*Theo* M.Gor - ki)

Nhận xét

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết **r, d, gi** ?
2. Những tiếng nào có vần viết **an, ang** ?

II - Phân biệt

1. Viết đúng chính tả những chữ có **r, d, gi** ở đầu :

	r	d	gi
1	**rơi** : đánh *rơi* ; *rơi* rớt ; *rơi* vãi.	**dơi** : con *dơi*.	(không có)
2	**rong** : *rong* rêu ; hàng *rong* ; *rong* chơi.	**dong** : cây *dong* ; *dong* dỏng ; thong *dong*.	**giong** : *giong* ruổi ; *giong* cờ ; *giong* đuốc.
3	**râu** : *râu* tóc ; *râu* ria ; *râu* ngô.	**dâu** : cây *dâu* (*dâu* tằm) ; cô *dâu*.	**giâu** : (cây) *giâu* gia.
4	**ruồi** : con *ruồi* ; nốt *ruồi* ; đầu *ruồi*.	**dùi** : *dùi* trống ; *dùi* đục.	**giùi** : cái *giùi* ; *giùi* mài.
5	**rùa** : con *rùa* ; xe *rùa*.	**dùa** : *dùa* vào.	(không có)

tuongxua.vn

Chòm râu

Cây dâu

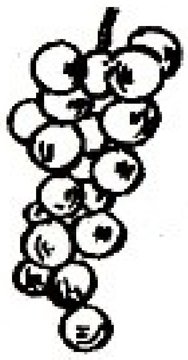

Chùm giâu gia

2. Viết đúng chính tả những chữ có **ang, an** :

	ang	**an**
1	**dang** : *dang* học ; *dang* tâm.	**đan** : *đan* rổ ; *đan* áo ; *đan* lát.
2	**mang** : *mang* xách ; *mang* ơn ; *mang* tiếng ; *mang* bệnh ; *mang* cá ; *mang* tai.	**man** : dã *man* ; khai *man* ; *man* mác ; *man* mát.
3	**khạng** : khệnh *khạng*	(không có)
4	**tảng** : *tảng* đá ; *tảng* lờ ; *tảng* sáng.	**tản** : *tản* ra ; *tản* cư ; *tản* mạn.

III – Luyện tập

Điền vào chỗ trống *r, d, gi ?*

1. – Lửa cháy ... ừng ... ực.

– ... ạo này công việc ... ồn ... ập quá.

– Đừng có ... ại dột nghe theo những lời đồn nhảm.

2. – Nghe chuyện vui, các bạn trai cười ... ũ ... ượi, các bạn gái thì cười ... úc ... ích.

– Quê em đồng lúa nương ... âu
Bên ... òng sông nhỏ nhịp cầu bắc ngang.

TIẾT 10

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I – Bài viết

BUỔI SÁNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Một ngày mới bắt đầu ... thưa thớt tất)

thuongmaitr

II - Viết đúng

– bước chuyển huyền ảo ; tràn lan ; bồng bềnh ; trời sáng ; loãng ; đậm nét.

– rạng đông ; trở nên ; trong nắng sớm ; bụi hồng ; không gian ; vùng cây xanh ; muôn ngàn ô vuông ; tất.

Chú ý : Bắt đầu từ bài này học sinh tự ghi *dấu chấm* (.) khi viết chính tả.

III - Luyện tập

1. Tìm 5 từ có vần viết *ui*, 5 từ có vần viết *uôi*.

2. Điền vào chỗ trống *ch, tr* hoặc *gi :*

– Trên ... ời có đám mây xanh
Ở ... ữa mây ... ắng, xung quanh mây vàng.

– Cơn đàng đông, vừa ... ông vừa ... ạy.
Cơn đàng nam, vừa làm vừa ... ơi.

3. Ghi lại cho đúng những dấu chấm mà em đã ghi sai trong bài chính tả.

uongxua.vn

TIẾT 11

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt : – q/ h
– s/ x

I - Bài viết

XÓM TÔI

Xóm tôi nằm lẻ loi trên ba quả đồi kề nhau như ba cái bát úp. Ba quả đồi trọc, đất đỏ như xôi gấc, thỉnh thoảng mới lúp xúp vài lùm cây hoang. Những trưa nắng chói chang, ra khỏi nhà là thấy lóa mắt vì màu đất đồi. Ngay sát dưới chân đồi, con sông Vạn nước xanh ngăn ngắt chảy qua. Chiều chiều, người xuống quảy nước làm bến Đăng nhộn nhịp hẳn lên. Mé cuối bến, tụi trẻ con bơi lội, quẫy tòm tõm làm nước bắn tung tóe lên kè đá rìa sông. Cái xóm nhỏ, chỉ độ vài ba chục nóc nhà sống quây quần, quấn quýt bên nhau.

(*Theo* Trương Nhuận)

Nhận xét

1. Những chữ nào có **q, h** đứng đầu ?
2. Những chữ nào có **s, x** đứng đầu ?

II – Phân biệt

1. Viết đúng chính tả những chữ có **q** hoặc **h** đứng đầu :

	q	h
1	**quả** : *quả* cam ; *quả* bóng ; *quả* đất ; kết *quả* ; *quả* nhiên ; *quả* quyết.	**hỏa** : tàu *hỏa* ; dầu *hỏa* ; *hỏa* lò ; *hỏa* lực ; *hỏa* tốc.
2	**quẩy** : cá *quẩy*.	(không có)
3	**qua** : hôm *qua* ; *qua* lại ; *qua* đời ; *qua* loa.	**hoa** : bông *hoa* ; *hoa* quả ; gạch *hoa* ; *hoa* lợi, *hoa* màu ; *hoa* râm ; *hoa* mắt.
4	**quấn** : *quấn* dây ; *quấn* quýt.	**huấn** : *huấn* luyện.
5	**quýt** : quả *quýt* ; cuống *quýt* ; qua *quýt*.	**huýt** : *huýt* còi ; *huýt* sáo ; tu *huýt*.

2. Viết đúng chính tả các chữ có s hoặc x đứng đầu :

thuongmaitr

	s	x
1	**sà** : chim *sà*, *sà* lan.	**xà** : *xà* nhà, *xà* đơn, *xà* beng, *xà* phòng, *xà* lách, con mãng *xà*, quần *xà* lỏn.
2	**sài** : sơ *sài*, *sài* lang, cây *sài* đất.	**xài** : tiêu *xài*, ăn *xài*.
3	**sôi** : nước *sôi*, *sôi* sục, *sôi* nổi.	**xôi** : *xôi* chè, nấm *xôi*.
4	**sát** : ngồi *sát*, *sát* hạch, *sát* trùng, *sát* hại, quan *sát*.	**xát** : *xát* xà phòng, cọ *xát*, xay *xát*.
5	**sách** : *sách* vở, danh *sách*, yêu *sách*, chính *sách*.	**xách** : *xách* cặp, tay *xách* nách mang.
6	**sạch** : trong *sạch*, *sạch* sành sanh.	**xạch** : xọc *xạch*, lạch *xạch*.

III – Luyện tập

Làm 1 trong 2 bài tập sau :

1. Điền vào chỗ trống s hoặc x :

– Mương ...óm tôi bất cong ...ườn núi
Phai làng anh đào lủi ven rừng
Đôi dòng nước chảy tưng bừng
Tưới cho tươi mát một vùng lúa ...anh .

– ...óm trên làng dưới ta cùng
Mương phai đào ...ửa cho dòng nước ...uôi.

2. Em hãy xếp thành 2 loại **s** và **x** tên các cây dưới đây :

Cây si, cây sung, cây sen, cây súng, cây *xoan*, cây *xoài*, cây sả, cây sấu, cây sơn, cây *xương* rồng, cây sặt, cây sao, cây su su, cây cao su, cây sồi, cây vú sữa, cây sa nhân, cây sầu riêng.

TIẾT 12

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

uongxua.vn

I – Bài viết

NHỮNG CON ĐƯỜNG Ở TRƯỜNG SƠN
(Bài chọn ngoài)

II – Viết đúng

– Trường Sơn ; sườn núi ; đoàn xe ; hàng chục cây số ; trong lòng suối ; quanh năm.

– luồn lách ; rừng rậm, xuất hiện ; sẵn sàng ; suốt tháng ; đan nhau ; thung lũng ; bưng kín mắt địch.

– Tự ghi dấu chấm (.)

– Phân biệt *kín* với *kính* :

+ *kín* : che *kín* ; *kín* mít ; *kín* tiếng ; *kín đáo*.

+ *kính* : cửa *kính ; kính* đeo mắt ; *kính* hiển vi ; *kính* trọng ; *kính* phục.

III – Luyện tập

1. Ghi lại cho đúng những dấu chấm (.) mà em đã ghi sai trong bài chính tả.

2. Làm 1 trong 2 bài tập sau :

a) Điền vào chỗ trống *in* hoặc *inh* :

– T...´ mệnh, t...´ nhiệm ; hi s... ; t...` yêu ; t... tưởng ; mới t... ; t... tức ; v...̣ Hạ Long ; cầu tay v...̣

– Tiếng m...` nổ ... tai, nhức óc làm cho mọi người giật m...`

– Anh ấy t...´ t...` chất phác, thật thà nên được bà con t... yêu, t...´ nhiệm.

b) Phân biệt :

– *lách* với *nách*.

– *lối* với *nối*.

TIẾT 13

thuongmaitr

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt : – dấu ? / ~ / .

– **nh / d / gi / r**

I – Bài viết

ĐÁNH CÁ ĐÈN

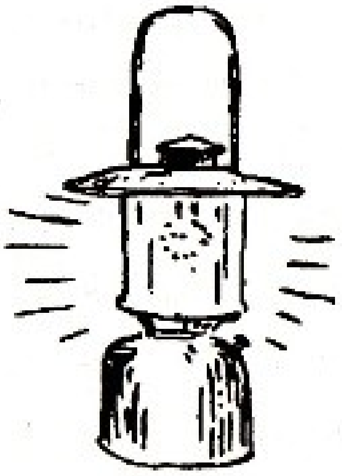

Đèn măng–sông

Chú Quảng kể cho tôi nghe cách đánh cá đèn. Lạ lùng thật đó. Chẳng cần lưỡi câu. Chẳng cần mồi. Chỉ dùng ánh sáng để nhử cá. Người ta đốt đèn giữa biển. Những ngọn đèn măng–sông tỏa sáng chói lọi giữa

đêm tối mịt mùng. Những đàn cá thấy ánh sáng, rủ nhau đến quây quần múa lượn. Chúng say đèn, nhởn nhơ rong chơi quên cả việc kiếm mồi. Hàng chục vạn con cá đông đặc vây quanh ngọn đèn. Chiếc xuồng đèn từ từ dẫn đàn cá vào khu vực bủa lưới. Đàn cá vẫn mải mê theo đèn không ngờ là mình đã nằm gọn trong lưới.

Trần Hoài Dương

Nhận xét

1. Những tiếng nào có thanh viết với dấu hỏi (?), dấu ngã (~), dấu nặng (.) ?

2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết **nh, d, gi, r** ?

II – Phân biệt

1. Viết đúng các chữ có dấu ?, ~ , . :

truongxua.vn

	?	.	~
1	**chẳng** : *chẳng* làm ; *chẳng* hề ; *chẳng* may ; *chẳng* những ; *chẳng* hạn.	**chặng** : *chặng* đường.	(không có)
2	**rủ** : màn *rủ* ; *rủ* rê ; *rủ* rỉ ; *rủ* lòng thương.	(không có)	**rũ** : cười *rũ* ; *rũ* rượi.
3	(không có)	**dận** : *dận* gót giày.	**dẫn** : chỉ *dẫn* ; *dẫn* đường ; *dẫn* đầu ; *dẫn* điện.
4	**vẩn** : *vẩn* đục ; *vẩn* vơ.	**vận** : *vận* chuyển ; *vận* động ; *vận* mệnh ; *vận* may.	**vẫn** : *vẫn* học ; *vẫn* khỏe.

2. Viết đúng các chữ có **nh, d, gi, r** ở đầu :

	nh	d	gi	r
1	**nhử** : *nhử* chuột ; *nhử* giặc.	**dử** : *dử* mắt (ghèn).	(không có)	(không có)
2	**nhủ** : khuyên *nhủ*.	(không có)	(không có)	**rủ** : *rủ* rê ; *rủ* rỉ ; màn *rủ*.
3	(không có)	(không có)	**giữa** : ở *giữa, giữa* đường.	**rữa** : chín *rữa*.
4	**nhơ** : nhởn *nhơ ; nhơ* nhớ.	**dơ** : *dơ* bẩn ; *dơ* dáy.	**giơ** : *giơ* tay.	(không có)

III – Luyện tập

thuongmaitr

Làm 1 trong 2 bài tập sau :

1. Điền dấu thanh thích hợp vào những chữ in nghiêng :

Mới ngày nào, lúa *mơi* vào đòng. *Ngoanh* đi, ngoảnh lại, nay lúa *đa* chín. Khắp hợp tác *xa* sôi *nôi* lao vào công việc *sưa* soạn gặt. Các *bê* lò rèn phì phò không *nghi*. Hàng chục xe *cai* tiến được *chưa* lại *chăc* chắn, cho thêm dầu *mơ* vào.

2. Điền vào chỗ trống *nh*, hoặc *d, gi, r* :

Nước chảy ...óc ...ách – Gió thổi ...ì ...ào – Sân trường khô ...áo – Cảnh trường ...ộn ...ịp – Thầy ...áo ...ản ...ị – ...ó thổi cành lá ...ung ...inh – Trên trời mây ...ởn ...ơ bay – Mấy con chim ...ẹ ...àng đỗ xuống cành cây, hót ...íu ...ít – Trong ...ịp đi dạo chơi ở ven ...ừng, chúng em được ...in rõ những ...òng suối nhỏ nước trong vắt.

TIẾT 14

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I – Bài viết

THÁC Y-A-LI
(Chuyện lạ ... trùng điệp)

II – Viết đúng

– Thác Y–a–li ; dãy núi Chư–pa ; chắn ngang lại ; cây gỗ tếch ; tiếng quân reo ; Kon Tum.

– Sông Bô–cô ; lưng chừng trời ; xòe tán rộng ; trắng xóa ; hùng vĩ.

– Phân biệt vần *êch* với vần *êt* :

+ Vần *êch* : gỗ *tếch* ; chênh *chếch* ; *chếch* bóng ; *chệch* choạc ; chênh *lệch* ; *hếch* mũi.

+ Vần *êt* : ngày *tết* ; bê *bết* ; *chết* chóc ; *dệt* vải ; giống *hệt* ; *tết* tóc ; đoàn *kết* ; bò *lết* ; *mệt* mỏi.

Chú ý : Bắt đầu từ bài này, học sinh tự ghi thêm dấu phẩy (,).

truongxua.vn

III – Luyện tập

1. Tìm 5 từ có vần viết *êch*, 5 từ có vần viết *êt*. Thử tìm xem có từ nào có vần viết *éc* không ?

2. Ghi lại cho đúng các dấu phẩy (,) đã ghi sai trong bài chính tả.

TIẾT 15

CHÍNH TẢ (so sánh)

Phân biệt : – **s/ x**
– **êch/ êt**

I – Bài viết

BÃI SOI

Lúc này sương đêm vẫn chưa tan hết. Bãi soi chỉ già trăm mẫu nhưng trông rộng hơn nhiều. Dưới sương mờ, chân bãi soi như chạy ra xa, nhìn không thấy rõ.

Phía đông bãi soi, khúc sông cụt, nước trong xanh, nằm cong cong như vành cánh cung. Mặt nước không gợn sóng.

Phía tây bãi soi, cả khoảng đất rộng chỉ toàn thứ cây sàng sàng. Dưới sương sớm, hoa sàng sàng sin sít nhau đã trắng trông càng trắng. Khu vườn chuối của hợp tác xã trồng sau mấy ngôi nhà lá đã bắt đầu lên nõn mới. Mấy mẫu ớt đã lốm đốm quả chín.

(*Theo* Dào Vũ)

Chú giải

– *Bãi soi* : vùng đất ven sông (hoặc ven biển), ở đấy người ta thường trồng trọt hoa màu.

– *Sin sít* : sát liền nhau.

– *Nõn* : búp non, lá non mới mọc.

Nhận xét

Những tiếng nào có phụ âm đầu viết **s, x** ?

II – Phân biệt

1. Viết đúng chính tả các chữ có **s** hoặc **x** đứng đầu :

thuongmaitr

	s	x
1	**sanh** : cây *sanh*, sấm *sanh*, sạch sành *sanh*, *sanh* đẻ (sinh đẻ).	**xanh** : màu *xanh*, cái *xanh*, xương quai *xanh*, *xanh* xao.
2	**sao** : ngôi *sao*, *sao* chép, *sao* thuốc, hươu *sao*, sít *sao*, làm *sao*, bản *sao*.	**xao** : lao *xao*, xôn *xao*, *xao* xuyến, *xao* lãng công việc.
3	**sào** : con *sào*, *sào* ruộng, *sào* huyệt, yến *sào* (tổ chim yến).	**xào** : *xào* nấu, *xào* xạc, xì *xào*.
4	**sắc** : màu *sắc*, *sắc* thuốc, *sắc* bén, sâu *sắc*, dấu *sắc*, *sắc* lệnh, con súc *sắc*.	**xắc** : cái *xắc*.
5	**sét** : sấm *sét*, đất *sét*, một *sét* bát cơm (lưng bát cơm).	**xét** : xem *xét*, *xét* xử, tra *xét*, *xét* nét, *xét* nghiệm.

2. Viết đúng chính tả các chữ có **êch, êt** :

	êch	êt
1	**chếch** : mặt trời *chếch* bóng, đứng *chếch* sang một bên.	**chết** : *chết* đuối, máy bị *chết*.
2	**hếch** : mũi *hếch, hếch* hoác.	**hết** : *hết* tiền, hỏng *hết*.
3	**kếch** : to *kếch* xù	**kết** : *kết* quả, chung *kết*, liên *kết, kết* luận, quả bồ *kết*.
4	**phếch** : trắng *phếch*, bạc *phếch*.	**phết** : *phết* bơ vào bánh, diện ra *phết, phết* cho mấy roi.
5	**trệch** : đi *trệch* hướng, xe lửa bị *trệch* bánh, không *trệch* một buổi nào (không *thiếu*, không *vắng*).	**trệt** : ngồi *trệt* xuống đất, tầng *trệt*.

tuongxua.vn

III – Luyện tập

Chọn chữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

– Việc nhà nông tốn công tốn ... (xức, sức)
Làm một mình biết lúc nào ... (xong, song)

– Các vì ... lấp lánh (sao, xao)
Trên ánh ... bầu trời (xáng, sáng)
Những ảnh hình ... lánh (nấp, lấp)
... vô hạn, vô hồi (xoi, soi)

(Gởi các vì sao)

IV – Ghi nhớ

1. Tên các giống chim thường viết **s** : chim sẻ, sáo, sơn ca, chim sâu, sáo sậu, chim sít, sến, sâm cầm.

2. Tên các giống vật ở rừng, ở biển thường viết **s** :

– sư tử, sói, sóc, sơn dương, hươu sao.

– sò, sứa, sam, san hô, cá sấu, cá song, hải sâm, con săn sắt.

TIẾT 16

CHÍNH TẢ (nghe đọc)

I – Bài viết

ĐOÀN NGỰA THỒ HÀNG LÊN VÙNG CAO
(Bài chọn ngoài)

II – Viết đúng

– đoàn ; tàu ngựa ; chắc lẳn ; vượt dốc ; xôn xao.

– rời ; chở ; buổi chợ ; chuyến hàng ; sắp lên ; cõng ; trai ; vó ; vang dội.

– Phân biệt :

+ *vó / gió / dó.*
vó : kéo *vó ; vó* ngựa ; chỏng *vó* ; sốt *vó.*
gió : mưa *gió* ; *gió* máy.
dó : cây *dó* ; giấy *dó.*

thuongmaitr

Đoàn ngựa thồ hàng.

+ *chở / trở*

chở : chuyên *chở* ; che *chở.*

trở : *trở* về ; *trở* mình ; *trở* gió ; *trở* ngại ; *trở* chứng.

III - Luyện tập

1. Viết 5 từ có *oan*, 3 từ có *oang*.

2. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống :

– Sớm mai mây ghé ...òi canh
...ưa vàng mây đến lượn quanh đàn gà.
Xế ...iều mây đậu vườn hoa
Đêm ...ăng mây lại vào nhà vấn vương.

– Công ...a như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước ...ong nguồn ...ảy ra.
Một lòng thờ mẹ, kính ...a
...o ...òn ...ữ hiếu mới là đạo con.

TIẾT 17

CHÍNH TẢ (kiểm tra cuối học kì I)

uongxua.vn

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 1

TẢ NGƯỜI

(Tìm hiểu đề, làm dàn bài chi tiết)

I – Đề bài

Em hãy tả hình dáng và tính tình cô giáo (thầy giáo) đã dạy em trong những năm học trước mà em nhớ nhất.

II – Hướng dẫn

Trước hết, em đọc kĩ đề bài, gạch dưới những từ quan trọng để có hướng tìm ý. Sau đó, em thực hiện những điều gợi ý sau :

1. Nhớ lại xem trong những năm học trước, em đã học những thầy giáo, cô giáo nào ? Trong số các thầy (cô) đó, em nhớ thầy giáo (cô giáo) nào nhất ? (là người đã dạy em ở lớp nào ?)

2. Ghi vào vở nháp những nhận xét cụ thể về hình dáng, tính tình của cô giáo (thầy giáo) đó.

– *Hình dáng :* Có những nét gì đặc biệt (về tầm vóc, khuôn mặt, mái tóc, cặp mắt, hàm răng, giọng nói... hoặc cách ăn mặc, dáng đi đứng, nói cười...) khiến ta nhận ra ngay, không lẫn với những cô giáo (thầy giáo) khác ?

– *Tính tình :* Những đặc điểm nổi bật khiến em kính yêu, gần gụi và nhớ mãi. Ví dụ : tính hiền từ, tinh thần tận tâm dạy bảo, giúp đỡ học sinh, thái độ rộng lượng, công bằng... Những ưu điểm ấy được biểu hiện cụ thể như thế nào qua lời nói, cử chỉ, việc làm, cách đối xử với em và các bạn em ?

Chú ý : Khi ghi những nhận xét về *hình dáng* bên ngoài và *tính tình* của cô giáo (thầy giáo) – hai đoạn của phần *thân bài* – em cần sắp xếp theo thứ tự chặt chẽ :

thuongmaitr

– Ở đoạn tả *hình dáng*, cần nêu trước những nét giới thiệu bao quát về tuổi, tầm vóc, cách ăn mặc, dáng đi đứng. Sau đó mới đến những nét tả chi tiết, tỉ mỉ về khuôn mặt, mái tóc, cặp mắt, hàm răng, giọng nói, v.v...

– Ở đoạn tả *tính tình*, em cần nêu những tính tốt nổi bật của cô giáo (thầy giáo) đã để lại cho em những hình ảnh đậm nét nhất, hoặc vài kỉ niệm khó quên nhất.

3. Để hoàn chỉnh dàn bài bài văn, em suy nghĩ và tìm ý cho hai phần *Mở bài* và *Kết luận*.

Chú ý : Trong quá trình miêu tả, cần kết hợp bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm của em ở những chỗ thích hợp.

III – Ghi nhớ

Dàn bài chung khi tả hình dáng và tính tình một người thường là :

1. *Mở bài :* Giới thiệu người sẽ được tả (gặp gỡ hoặc quen biết người đó trong dịp nào ? Ở đâu ?).

truongxua.vn

2. *Thân bài*

a) *Tả hình dáng :*

– Tả bao quát về tuổi tác, tầm vóc, cách ăn mặc (áo quần), dáng điệu, nghề nghiệp.

– Tả chi tiết về khuôn mặt, mái tóc, cặp mắt, hàm răng, v.v... (những nét đặc sắc, đáng chú ý nhất).

b) *Tả tính tình :*

– Dẫn chứng cụ thể (bằng lời nói, cử chỉ, việc làm, thái độ đối xử) biểu lộ đạo đức, tình cảm, thói quen hằng ngày của người được tả.

– Dẫn chứng một vài việc làm, cách ăn nói, cách đối xử... của người đó ở một vài trường hợp đặc biệt (trong lao động, học tập, sinh hoạt) thể hiện rõ mức độ đạo đức, tình cảm.

3. *Kết luận :* Cảm tưởng đối với người mình tả (Người được tả đã để lại ảnh hưởng hoặc hình ảnh gì đậm nét ?).

TIẾT 2

TẢ NGƯỜI

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả hình dáng và tính tình cô giáo (thầy giáo) đã dạy em trong những năm học trước mà em nhớ nhất.

II – Hướng dẫn

1. Chuẩn bị ở nhà

– Soát lại để sửa chữa, bổ sung *Dàn bài chi tiết* đã làm ở lớp trong tiết 1 (nếu cần thì viết lại cho sạch sẽ).

– Tập *diễn đạt bằng miệng thành câu văn trọn vẹn* và có mạch lạc cả ba phần : *Mở bài, Thân bài* và *Kết luận* của *Dàn bài chi tiết* (như một số bài văn hoàn chỉnh) để chuẩn bị cho tiết Làm văn miệng theo dàn bài ở lớp.

thuongmaitr

2. Ở lớp

– Từng em sẽ trình bày miệng bài văn (dựa vào *Dàn bài chi tiết* đã làm) theo yêu cầu của thầy giáo (cô giáo).

– Chú ý : *Dàn bài chi tiết* mới chỉ là những ý được ghi vắn tắt, ngắn gọn, khi nói em phải diễn đạt thành câu văn trọn vẹn.

III – Ghi nhớ

Cần nhớ kĩ :

Tả người là nhận xét, chọn lọc những nét riêng, đặc sắc, phân biệt rõ người mình tả với những người khác.

Những nét riêng ấy thuộc về hình dáng bên ngoài cũng như tính tình của mỗi người.

TIẾT 3

TẢ NGƯỜI

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả hình dáng và tính tình cô giáo (thầy giáo) đã dạy em trong những năm học trước mà em nhớ nhất.

II – Hướng dẫn

Em cần thực hiện 3 bước sau đây :

1. Dựa vào *Dàn bài chi tiết* đã làm về đề bài trên (Tiết 1) và kết quả tiết Làm văn miệng (Tiết 2) kì trước, em hãy viết thành một bài văn hoàn chỉnh (vào vở nháp).

2. Đọc lại và sửa chữa kĩ bài văn đã viết trong vở nháp trước khi chép sạch sẽ vào vở Tập làm văn (chú ý sửa lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp).

truongxua.vn

3. Đọc soát lại bài văn đã chép cho cẩn thận trước khi nộp cho cô giáo (thầy giáo).

TIẾT 4

TẢ NGƯỜI

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Em hãy tả hình dáng và tính tình cô giáo (thầy giáo) đã dạy em trong những năm học trước mà em nhớ nhất.

II – Hướng dẫn

1. Em cần lắng nghe sự chỉ dẫn của thầy giáo (cô giáo) để rút kinh nghiệm về :

– Cách tìm hiểu đề, quan sát, tìm ý, lập dàn ý (phần thân bài), cách mở bài và kết luận, cách chuyển ý... đối với đề bài đã làm.

– Những lỗi cần tránh về chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt.

2. Đọc kĩ lời nhận xét của cô giáo (thầy giáo) ở bài làm của em và tự sửa chữa (bằng bút chì) những lỗi chính tả và ngữ pháp đã mắc phải trong bài làm.

3. Chăm chú nghe thầy giáo (cô giáo) đọc một số bài làm của các bạn được điểm cao để rút kinh nghiệm (hoặc có thể mượn bài các bạn để tự đọc).

TIẾT 5

TẢ NGƯỜI

(Làm văn miệng ở lớp)

thuongmaitr

I – Đề bài

Hãy tả hình dáng và những nết tốt của một bạn trong lớp em được nhiều người quý mến.

II – Hướng dẫn

Chuẩn bị trước *ở nhà* một *dàn bài chi tiết* để nói. Em cần chuẩn bị theo các bước sau :

1. Chọn đề tả một bạn đang học cùng lớp với em. Bạn ấy không nhất thiết phải là học sinh gương mẫu về mọi mặt mà có thể chỉ là một học sinh bình thường, nhưng có nhiều nết tốt và có quan hệ tốt với bạn bè, được nhiều người quý mến.

2. Tìm ý tả *hình dáng :* Dựa theo các nét được gợi ý ở mục "Ghi nhớ" của Tiết 1, em kết hợp việc dùng trí nhớ với việc quan sát trực tiếp để nhận ra những nét riêng biệt không lẫn lộn được bạn đó với các bạn khác. Những nét nào đáng chú ý, đặc sắc hơn thì được ghi trước các nét khác (nhận xét càng cụ thể, chi tiết càng tốt).

Tìm ý tả *tính tình* của bạn : Em xem xét trong quan hệ với bạn bè, thầy giáo, cô giáo và với những người thân khác, bạn đó thể hiện có những nết tốt gì rõ rệt ? Bạn có những thói quen gì tốt trong học tập, lao động, sinh hoạt... Những nết tốt ấy được bộc lộ như thế nào qua lời nói, cử chỉ, việc làm của bạn ? Tác động ra sao đến người chung quanh ? Mọi người tỏ thái độ như thế nào đối với bạn đó ?

3. Tìm ý cho hai đoạn tả hình dáng và những nết tốt, em chỉ mới làm xong phần *Thân bài* ; em cần tiếp tục suy nghĩ, tìm ý cho các phần *Mở bài* và *Kết luận*.

Chú ý : Dàn bài chi tiết chỉ ghi rõ ý, chưa cần viết thành văn. Nhưng sau khi làm xong *dàn bài chi tiết*, em cần tập *diễn đạt bằng miệng* thành câu văn trọn vẹn và có mạch lạc cả 3 phần *Mở bài, Thân bài* và *Kết luận* (như một bài văn hoàn chỉnh) để chuẩn bị cho tiết Làm văn miệng ở lớp.

III – Ghi nhớ

Khi tả người, tùy đề bài, có thể chú ý tả kĩ hơn về hình dáng, về tính nết hoặc về sự hoạt động. Tính nết của mỗi người thường chỉ biểu lộ rõ trong lúc họ chuyện trò, làm việc, hoặc khi họ gặp khó khăn... (cần quan sát kĩ mới nhận thấy và tả được cụ thể).

truongxua.vn

TIẾT 6

TẢ NGƯỜI

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Hãy tả hình dáng và những nết tốt của một bạn trong lớp em được nhiều người quý mến.

II – Hướng dẫn

Em cần thực hiện tốt 3 bước sau đây :

1. Dựa vào *dàn bài chi tiết* đã làm về đề bài trên (ở nhà) và kết quả tiết Làm văn miệng (Tiết 5) kì trước, em hãy viết vào vở nháp thành một bài văn hoàn chỉnh.

2. Đọc lại và sửa chữa kĩ bài văn đã viết trong vở nháp trước khi chép sạch sẽ vào vở Tập làm văn (chú ý sửa lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp).

3. Đọc soát lại bài văn đã chép cho cẩn thận trước khi nộp cho cô giáo (thầy giáo).

TIẾT 7

TẢ NGƯỜI

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Hãy tả hình dáng và những nết tốt của một bạn trong lớp em được nhiều người quý mến.

thuongmaitr

II – Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 8

TẢ NGƯỜI

(Làm dàn bài chi tiết)

I – Đề bài

Tả hình dáng và tính tình một cụ già mà em rất kính yêu (cụ già đó có thể là ông, bà em hoặc một người em quen).

II - Hướng dẫn

Cần thực hiện theo các bước sau đây :

1. Chọn để tả một cụ già mà em kính trọng, mến yêu sâu sắc và có điều kiện quan sát trực tiếp, quan sát kĩ.

Ông đang kể chuyện cho các cháu nghe

2. Ghi những nhận xét cụ thể và chính xác, làm một *dàn bài chi tiết* vào vở nháp. Thứ tự các ý trong phần *Thân bài* dựa theo mục "Ghi nhớ" của bài tập làm văn Tiết 1. Nhận xét thấy điều gì em ghi ngay vào vở nháp cho khỏi quên (chỉ ghi rõ ý, chưa cần viết thành văn).

– Về *hình dáng* bên ngoài của cụ già, em chú ý tìm ra những nét mà người cao tuổi khác nhiều với người trẻ tuổi như : da dẻ, vóc dáng, râu tóc, mắt, miệng... và nhất là điệu bộ đi đứng, giọng nói cười.

truongxua.vn

– Về *tính tình*, các cụ già có những nét rất khác với người trẻ. Em cần có những *nhận xét chính xác* về tính nết, thói quen, nếp sống hằng ngày của cụ già. Tình cảm, tính nết của người già bộc lộ rõ nhất trong quan hệ với con cháu, trong việc đối xử với người chung quanh... Chú ý khi miêu tả, thể hiện được tình cảm kính yêu của em đối với cụ già, tình cảm ấy không chỉ bộc lộ tập trung ở phần *Kết luận* mà còn được biểu hiện qua các chi tiết, các từ ngữ miêu tả trong cả bài. Chọn nét nào, dùng lời nào để tả, em cần cân nhắc nhằm biểu lộ một cách tự nhiên niềm kính yêu của em.

3. Làm dàn ý cho phần *Thân bài* xong, em tìm ý cho phần *Mở bài* và *Kết luận* (cũng dựa theo mục "Ghi nhớ" của bài Tập làm văn – Tiết 1).

III - Ghi nhớ

Ở mỗi lứa tuổi, con người có những đặc điểm về cơ thể, về tính tình, tình cảm khác nhau. Vì vậy, khi tả hình dáng và tính tình người nào, ta cần chú ý làm nổi bật những nét phù hợp với lứa tuổi của người đó.

TIẾT 9

TẢ NGƯỜI

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Tả hình dáng và tính tình một cụ già mà em rất kính yêu (cụ già đó có thể là ông, bà em hoặc một người em quen).

II – Hướng dẫn

Em cần thực hiện theo 3 bước sau đây :

1. Dựa vào *dàn bài chi tiết* đã làm về đề bài trên (Tiết 8) kì trước, em hãy viết vào vở nháp thành một bài văn hoàn chỉnh.

2. Đọc lại và sửa chữa kĩ bài văn đã viết trong vở nháp trước khi chép sạch sẽ vào vở Tập làm văn (chú ý sửa lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp).

3. Đọc soát lại bài văn đã chép cho cẩn thận trước khi nộp cho cô giáo (thầy giáo).

thuongmaitr

TIẾT 10

TẢ NGƯỜI

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Tả hình dáng và tính tình một cụ già mà em rất kính yêu (cụ già đó có thể là ông, bà em hoặc một người em quen).

II – Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TẢ NGƯỜI

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Ở gia đình em (hoặc một gia đình mà em quen biết) có một em bé đang tuổi tập nói, tập đi. Em hãy tả hình dáng và tính nết thơ ngây của em bé ấy.

Bé chập chững tập đi.

II – Hướng dẫn

Em cần chuẩn bị ở nhà một dàn bài chi tiết. Em thực hiện những bước sau :

1. Xác định tả em bé nào ? Ở nhà ai ?

truongxua.vn

2. Quan sát trực tiếp, quan sát kĩ để có những nhận xét cụ thể, chính xác và đặc sắc về hình dáng và tính nết thơ ngây của em bé đó. Chú ý : mỗi em bé đều có những đặc điểm của lứa tuổi nói chung, lại có những nét riêng biệt không lẫn em bé này với em bé khác, em cần quan sát tinh để nhận ra những nét riêng ấy.

– Nét thơ ngây của em bé thường biểu hiện rõ trong khi chơi đùa, tập đi, tập nói, tập múa hát... Cho nên cần quan sát em bé trong nhiều hoàn cảnh cụ thể khác nhau để tả được sâu sắc.

Quan sát, nhận xét đến đâu ghi ngay vào vở nháp.

3. Sắp xếp các ý trong từng đoạn tả *hình dáng*, tả *tính nết* cho hợp lí để hoàn thành phần *Thân bài*.

4. Suy nghĩ, tìm ý cho các phần *Mở bài* và phần *Kết luận*.

5. Tập *diễn đạt bằng miệng* thành câu văn trọn vẹn và mạch lạc ở cả 3 phần *Mở bài, Thân bài* và *Kết luận* (như một bài văn hoàn chỉnh) để chuẩn bị cho tiết *Làm văn miệng* ở lớp.

TIẾT 12

TẢ NGƯỜI

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Ở gia đình em (hoặc một gia đình mà em quen biết) có một em bé đang tuổi tập nói, tập đi. Em hãy tả hình dáng và tính nết thơ ngây của em bé ấy.

II – Hướng dẫn

Em cần thực hiện 3 bước sau đây :

1. Dựa vào *dàn bài chi tiết* em đã làm về đề bài trên và kết quả tiết Làm văn miệng (Tiết 11) kì trước, em hãy viết vào vở nháp thành một bài văn hoàn chỉnh.

2. Đọc lại và sửa chữa kĩ bài văn đã viết trong vở nháp trước khi chép sạch sẽ vào vở Tập làm văn (chú ý sửa lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp).

3. Đọc soát lại bài văn đã chép cho cẩn thận trước khi nộp cho cô giáo (thầy giáo).

thuongmaitr

TIẾT 13

TẢ NGƯỜI

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Ở gia đình em (hoặc một gia đình mà em quen biết) có một em bé đang tuổi tập nói, tập đi. Em hãy tả hình dáng và tính nết thơ ngây của em bé ấy.

II – Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 14

TẢ NGƯỜI

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Tả một chị bán hàng đang làm việc ở cửa hàng bách hóa lúc đông khách.

II – Hướng dẫn

Trước tiết Làm văn miệng ở lớp, em cần thực hiện ở nhà một số bước chuẩn bị sau đây :

1. Em hãy đến *quan sát trực tiếp* một chị bán hàng đang làm việc vào lúc cửa hàng bách hóa đông khách. Ghi vào vở nháp những nhận xét cụ thể cho khỏi quên.

2. Làm *dàn bài chi tiết* vào vở nháp. Chú ý :

a) Trước khi tả chị bán hàng, cần tả đôi nét quang cảnh chung : địa điểm của cửa hàng, quy mô gian hàng, sự xếp đặt các quầy hàng, khách mua hàng đông đúc, tủ hàng nơi có chị bán hàng mà em định tả...

uongxua.vn

b) Trọng tâm tả là *hoạt động của chị bán hàng* lúc đông khách. Em cần chú ý tả các động tác cụ thể của chị bán hàng, tả tỉ mỉ các động tác ấy, qua đó cho biết chị bán hàng đã làm những việc gì, làm như thế nào ? Cử chỉ, thái độ, lời nói của chị khi làm những việc ấy...

c) Trong quá trình tả *hoạt động*, cần kết hợp tả *hình dáng* với tả *tính tình*. Tả hoạt động càng cụ thể càng bộc lộ rõ tính tình, thái độ của chị bán hàng.

d) Suy nghĩ, tìm ý cho các phần *Mở bài* và *Kết luận*.

3. Dựa vào *dàn bài chi tiết* đã làm, em cần tập *diễn đạt bằng miệng* thành câu văn trọn vẹn và mạch lạc như một bài văn hoàn chỉnh (gồm cả 3 phần : *Mở bài, Thân bài* và *Kết luận*).

III - Ghi nhớ

Dàn bài chung khi tả người đang hoạt động :

1. *Mở bài :* Giới thiệu khung cảnh (thời gian, địa điểm và việc làm của người được tả).

2. *Thân bài*

a) *Tả hình dáng :* Sơ lược vài nét về tuổi tác, tầm vóc, quần áo, dáng điệu. .. (chọn những nét làm rõ thêm sự hoạt động hoặc tính tình của người được tả).

b) *Tả hoạt động :* Tả tỉ mỉ, cụ thể và thứ tự các động tác cho thấy rõ việc làm, cách làm, thái độ, cử chỉ, lời nói... bộc lộ những đức tính của người được tả (có thể kết hợp tả động tác với đôi nét tả hình dáng).

3. *Kết luận :* Cảm nghĩ về người được tả.

TIẾT 15

TẢ NGƯỜI

(Làm văn viết ở lớp)

thuongmaitr

I - Đề bài

Tả một chị bán hàng đang làm việc ở cửa hàng bách hóa lúc đông khách.

II - Hướng dẫn

1. Dựa vào *dàn bài chi tiết* em đã làm về đề bài trên và kết quả tiết Làm văn miệng (Tiết 14), em hãy viết vào vở nháp thành một bài văn hoàn chỉnh.

2. Đọc lại và sửa chữa kĩ bài văn đã viết trong vở nháp trước khi chép sạch sẽ vào vở Tập làm văn (chú ý sửa lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp).

3. Đọc soát lại bài văn đã chép cho cẩn thận trước khi nộp cho cô giáo (thầy giáo).

TIẾT 16

TẢ NGƯỜI

(Trả bài viết)

I - Đề bài

Tả một chị bán hàng đang làm việc ở cửa hàng bách hóa lúc đông khách.

II - Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 17

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Tìm hiểu đề, quan sát, làm dàn bài chi tiết)

uongxua.vn

I - Đề bài

Em hãy tả cảnh nhộn nhịp của sân trường em trong giờ ra chơi.

II - Hướng dẫn

1. Để chuẩn bị cho tiết Tập làm văn này, trước hết em cần *đọc kĩ đề bài* trên, gạch dưới những từ quan trọng, suy nghĩ, tìm hiểu để nắm chắc đề bài. Sau đó, em cần *quan sát trực tiếp* sân trường và ghi vào vở nháp những điều quan sát được. Cần quan sát tỉ mỉ, nhận xét cụ thể để tả rõ quang cảnh sân trường ở những lúc khác nhau : trước giờ ra chơi, trong giờ chơi (trọng tâm) và lúc hết giờ chơi.

2. Ở lớp, dưới sự hướng dẫn của cô giáo (thầy giáo), em hãy dựa vào kết quả đã quan sát và ghi chép được để làm một *dàn bài chi tiết* (vào vở nháp) về đề bài trên.

Cần chú ý tới mấy điểm sau đây trong phần *Thân bài* :

a) Quang cảnh sân trường trước giờ chơi và khi có trống (hoặc kẻng) báo ra chơi.

b) Cảnh sân trường trong giờ chơi và khi các hoạt động vui chơi đang diễn ra sôi nổi.

– Học sinh tụ tập thành nhóm chơi những trò gì là chính ? Từng nhóm ấy hoạt động ra sao ?

– Ngoài các nhóm chơi, những học sinh khác làm gì ?

– Khung cảnh nhộn nhịp, ồn ào của toàn bộ sân trường diễn ra như thế nào ? (kết hợp nhận xét vài nét về cảnh vật thiên nhiên trong sân trường)

c) Quang cảnh sân trường lúc có trống (hoặc kẻng) báo hết giờ chơi và khi tất cả học sinh đã vào lớp.

d) Sau khi lập dàn ý xong phần *Thân bài,* em suy nghĩ để tìm ý cho phần *Mở bài* và *Kết luận.*

III – Ghi nhớ

thuongmaitr

Dàn bài chung khi tả cảnh sinh hoạt :

1. *Mở bài :* Giới thiệu địa điểm, thời gian diễn ra cảnh sinh hoạt.

2. *Thân bài*

– Những nét bao quát khi thoạt nhìn cảnh.

– Hoạt động của mọi người trong cảnh.

– Hoạt động của vài cá nhân tiêu biểu (cần tả khung cảnh xen kẽ với tả hoạt động).

3. *Kết luận :* Cảm nghĩ về cảnh đã tả.

(*Chú ý :* Dàn bài chung này chỉ để gợi ý, em có thể chọn một dàn bài khác miễn là hợp lí)

TIẾT 18

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả cảnh nhộn nhịp của sân trường em trong giờ ra chơi.

II – Hướng dẫn

Dựa vào *dàn bài chi tiết* về đề bài trên đã làm kì trước (Tiết 17), em viết thành bài văn hoàn chỉnh (vào vở nháp). Sau khi đọc soát kĩ lại bài văn, em chép chính thức vào vở Tập làm văn để nộp cô giáo (thầy giáo).

III – Ghi nhớ

Cần luôn luôn nhớ kĩ :

Tả cảnh sinh hoạt là dựng lại một bức tranh bằng hình ảnh, màu sắc và gợi ra cả những âm thanh... về hoạt động của nhiều người trong cùng một thời gian và địa điểm nào đó. Trong quá trình tả sự hoạt động của người cần xen kẽ tả đôi nét về khung cảnh làm nền cho mọi hoạt động ấy.

uongxua.vn

TIẾT 19

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Em hãy tả cảnh nhộn nhịp của sân trường em trong giờ ra chơi.

II – Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 20

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả cảnh sum họp của gia đình em (hoặc gia đình quen biết nơi em sống hằng ngày) vào một buổi tối.

II – Hướng dẫn

1. Sau khi *tìm hiểu, nắm vững đề bài*, em tìm ý ghi vào vở nháp một *dàn bài chi tiết*, chuẩn bị cho tiết Làm văn miệng ở lớp. Để tìm ý, em cần kết hợp trí nhớ, trí tưởng tượng với việc quan sát trực tiếp để có những nhận xét cụ thể, phong phú. Em có thể dựa vào một số điểm gợi ý sau đây để quan sát và nhớ lại :

– Gia đình thường sum họp đông đủ nhất vào buổi tối nào ? Vào giờ nào ? (có thể nhớ lại một kỉ niệm đã qua về cảnh sum họp của gia đình em)

– Nơi gia đình sum họp thường là ở đâu ? (nhận xét đôi nét đặc sắc của gian phòng)

– Những ai có mặt trong buổi sum họp mà em định tả ? Từng người đang làm gì (hình dáng, cử chỉ, lời nói của người đó...).

– Không khí chung của buổi sum họp có gì nổi bật ? (có thể đối chiếu so sánh với cảnh bên ngoài gian phòng)

– Cảm nghĩ về cảnh sum họp của gia đình.

2. Em chú ý áp dụng những điều đã học về văn miêu tả nói chung và nhất là về văn tả người để tả cho sinh động (tả là lựa chọn các chi tiết đặc sắc nhất của cảnh, người, vật và vẽ lại bằng hình ảnh, màu sắc, âm thanh). Tránh kể lể một cách khô khan, thiếu cụ thể.

– Tả người cần tìm ra và làm nổi bật những nét đặc sắc, tiêu biểu của người đó về hình dáng, tính nết, thói quen riêng...

3. Sau khi làm xong *dàn bài chi tiết* (gồm đủ 3 phần : *Mở bài, Thân bài, Kết luận*), em cần dựa vào dàn bài đó để tập *diễn đạt bằng miệng* thành một bài văn hoàn chỉnh.

thuongmaitr

III – Ghi nhớ

Cảnh sinh hoạt có thể giới hạn vào một thời gian ngắn, cũng có thể diễn ra trong một thời gian dài ; nên chọn để tả kĩ cảnh đó vào lúc hoạt động diễn ra sôi nổi nhất, có nhiều nét đáng chú ý.

TIẾT 21

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả cảnh sum họp của gia đình em (hoặc gia đình quen biết nơi em sống hằng ngày) vào một buổi tối.

II – Hướng dẫn

Dựa vào *dàn bài chi tiết* đã làm về đề bài trên và kết quả tiết Làm văn miệng kì trước (Tiết 20), em hãy viết vào vở nháp thành bài văn hoàn chỉnh. Sau khi đọc soát kĩ lại bài văn, em chép chính thức vào vở Tập làm văn để nộp cho cô giáo (thầy giáo).

uongxua.vn

TIẾT 22

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Em hãy tả cảnh sum họp của gia đình em (hoặc gia đình quen biết nơi em sống hằng ngày) vào một buổi tối.

II – Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 23

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả quang cảnh một buổi lễ chào cờ đầu tuần ở trường em.

II – Hướng dẫn

1. Chuẩn bị *dàn bài chi tiết* cho bài văn miệng như mọi kì trước. Có thể dựa vào một vài điểm gợi ý sau đây để quan sát, tìm ý :

a) Khung cảnh buổi sinh hoạt trước lúc chào cờ :

– Khu vực học sinh tập trung.
– Khu vực các thầy giáo, cô giáo.
– Khu vực cột cờ (hoặc nơi có treo quốc kì).

b) Cảnh tượng lúc chào cờ :

– Hiệu lệnh, âm nhạc.
– Nhận xét về khu vực kéo cờ (hoặc khu vực treo lá quốc kì).
– Nhận xét về từng khối người đứng chào cờ.

(Xen kẽ có thể tả đôi nét về khung cảnh thiên nhiên trong giây phút chào cờ)

c) Cảnh tượng sân trường sau khi việc chào cờ chấm dứt.

2. Dựa vào *dàn bài chi tiết*, tập *diễn đạt bằng miệng* thành bài văn hoàn chỉnh (gồm đủ 3 phần : *Mở bài, Thân bài* và *Kết luận)* như mọi kì trước.

TIẾT 24

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả quang cảnh một buổi lễ chào cờ đầu tuần ở trường em.

thuongmaitr

II - Hướng dẫn

Dựa vào *dàn bài chi tiết* đã làm về đề bài trên và kết quả tiết Làm văn miệng kì trước (Tiết 23), em hãy viết vào vở nháp thành bài văn hoàn chỉnh. Sau khi đọc soát kĩ lại bài văn, em chép chính thức vào vở Tập làm văn để nộp cô giáo (thầy giáo).

TIẾT 25

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Trả bài viết)

I - Đề bài

Em hãy tả quang cảnh một buổi lễ chào cờ đầu tuần ở trường em.

II - Hướng dẫn

tuongxua.vn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 26

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Em hãy tả quang cảnh nhà ga (hoặc bến ôtô, bến đò) ở địa phương em lúc có chuyến tàu (ôtô, đò) đến hoặc đi.

II - Hướng dẫn

1. Để làm *dàn bài chi tiết* chuẩn bị cho tiết Làm văn miệng ở lớp, em cần quan sát trực tiếp quang cảnh nhà ga (hoặc bến ôtô,

bến đò) mà em định tả ở những lúc khác nhau : trước khi, trong khi và sau khi có chuyến tàu (hoặc ôtô, đò) đến bến (hoặc rời bến).

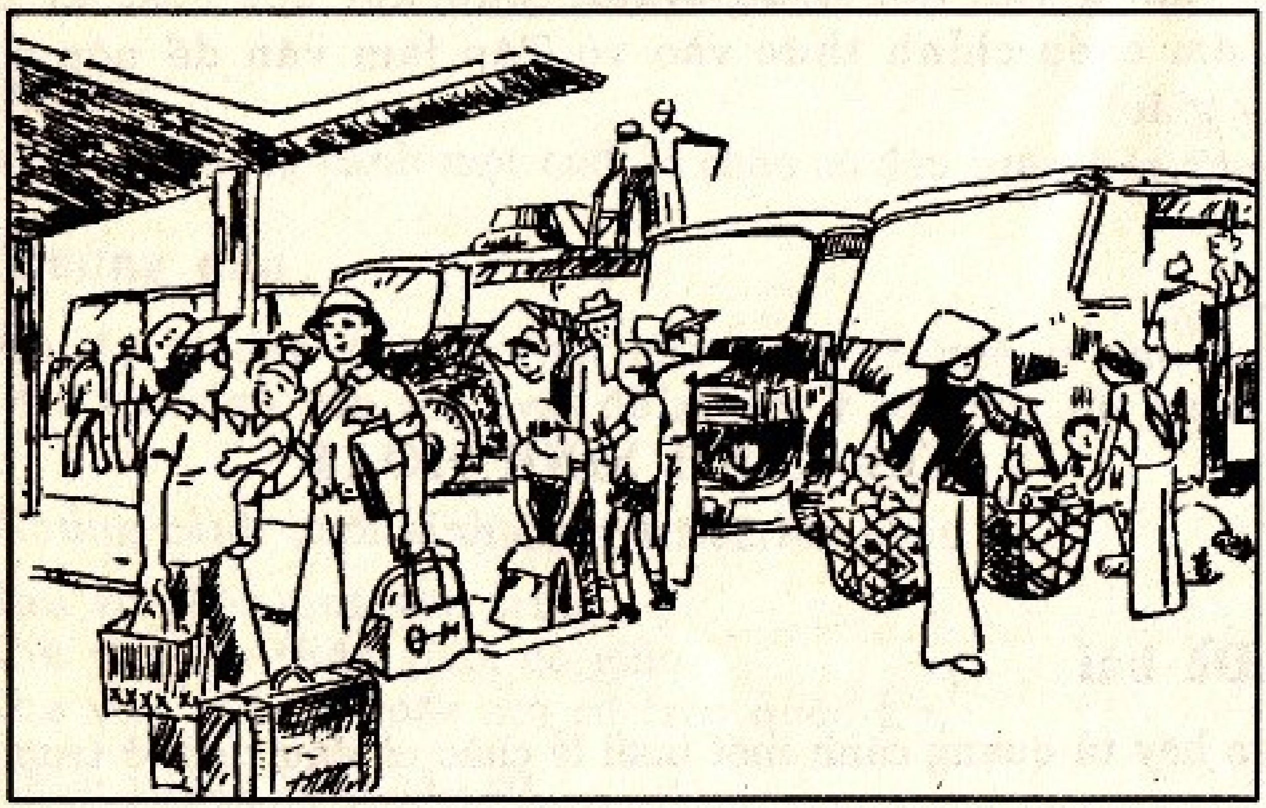

Bến ô tô

thuongmaitr

Em chú ý quan sát kĩ để tả tỉ mỉ lúc tàu (ôtô, đò) đến hoặc đi :

– Một số nét cụ thể về đoàn tàu (chiếc ôtô, con đò).

– Các hành khách xuống (hoặc lên).

– Một số cảnh chờ đón (hoặc tiễn đưa) người thân.

2. Dựa vào *dàn bài chi tiết* (gồm đủ 3 phần : *Mở bài, Thân bài, Kết luận*), em cần tập *diễn đạt bằng miệng* thành bài văn hoàn chỉnh.

III – Ghi nhớ

Một cảnh sinh hoạt có thể gồm nhiều đợt hoạt động kế tiếp nhau. Khi tả lần lượt các đợt ấy, cần chọn để tả kĩ, tả sâu một đợt hoạt động nhộn nhịp, khẩn trương nhất, đáng chú ý nhất.

TIẾT 27

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả quang cảnh nhà ga (hoặc bến ôtô, bến đò) ở địa phương em lúc có chuyến tàu (ôtô, đò) đến hoặc đi.

II – Hướng dẫn

Dựa vào *dàn bài chi tiết* đã làm về đề bài trên và kết quả tiết Làm văn miệng kì trước (Tiết 26), em hãy viết vào vở nháp thành bài văn hoàn chỉnh. Sau khi đọc soát kĩ lại bài văn, em chép chính thức vào vở Tập làm văn để nộp cô giáo (thầy giáo).

uongxua.vn

TIẾT 28

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Em hãy tả quang cảnh nhà ga (hoặc bến ôtô, bến đò) ở địa phương em lúc có chuyến tàu (ôtô, đò) đến hoặc đi.

II – Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 29

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Trong các buổi lao động tập thể do trường, lớp (hoặc khu phố, thôn xóm) tổ chức, em thấy buổi nào gây cho em nhiều hứng thú nhất ? Hãy tả lại cảnh tượng mọi người đang lao động trong buổi đó.

II – Hướng dẫn

1. Đề bài không xác định một công việc lao động cụ thể nào, cho nên em có thể tùy ý chọn một buổi em đã trực tiếp tham gia lao động ở lớp, ở trường hoặc ở khu phố, thôn xóm (trồng trọt, chăn nuôi, làm thủ công, thu nhặt phế liệu, v.v...) hoặc làm tổng vệ sinh ở trường, lớp, đường phố, thôn xóm, trang trí một phòng bầu cử...

2. Trong buổi lao động có nhiều đợt hoạt động, nhiều cảnh hoạt động, em chọn đợt nào quan trọng nhất để tả kĩ, sâu và kết hợp tả không khí lao động chung với một vài hình ảnh tiêu biểu cho tinh thần lao động tập thể. (Chú ý : tả người và việc bằng hình ảnh cụ thể, tránh sa vào kể lể khô khan)

3. Em nhớ kĩ lại cảnh tượng buổi lao động định tả và làm sẵn *dàn bài chi tiết* để chuẩn bị cho tiết Làm văn miệng ở lớp như mọi kì trước.

TIẾT 30

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Trong các buổi lao động tập thể do trường, lớp (hoặc khu phố, thôn xóm) tổ chức, em thấy buổi nào gây cho em nhiều hứng thú nhất ? Hãy tả lại cảnh tượng mọi người đang lao động trong buổi đó.

thuongmaitr

II – Hướng dẫn

Dựa vào *dàn bài chi tiết* đã làm về đề bài trên và kết quả tiết Làm văn miệng kì trước (Tiết 29), em hãy viết vào vở nháp thành bài văn hoàn chỉnh. Sau khi đọc soát kĩ lại bài văn, em chép chính thức vào vở Tập làm văn để nộp cô giáo (thầy giáo).

TIẾT 31

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Trả bài viết)

I – Đề bài

Trong các buổi lao động tập thể do trường, lớp (hoặc khu phố, thôn xóm) tổ chức, em thấy buổi nào gây cho em nhiều hứng thú nhất ? Hãy tả lại cảnh tượng mọi người đang lao động trong buổi đó.

uongxua.vn

II – Hướng dẫn

(Xem hướng dẫn cụ thể ở Tiết 4)

TIẾT 32

TẢ CẢNH SINH HOẠT

(Ôn tập chuẩn bị kiểm tra cuối học kì I)

I – Giới thiệu một số đề bài tả cảnh sinh hoạt

1. Tả quang cảnh một buổi lễ kết nạp Đội ở trường em (hoặc lớp em).

2. Tả quang cảnh trường em lúc tan học.

3. Tả cảnh nhộn nhịp ở đường làng em lúc mọi người ra đồng làm việc (hoặc lúc mọi người ở ngoài đồng về).

4. Tả cảnh tấp nập ở đường phố nơi em ở vào giờ mọi người đi làm (hoặc lúc tan giờ làm việc).

5. Tả cảnh thôn xóm (hoặc phố phường) nơi em ở vào một ngày giáp Tết.

6. Tả quang cảnh một cuộc thi đấu thể thao ở trường em (hoặc địa phương em).

II – Yêu cầu

Dưới sự chỉ dẫn của thầy giáo (cô giáo), cần thông qua việc phân tích 1 – 2 đề (trong số các đề bài được giới thiệu ở mục I) để củng cố lại lí thuyết làm văn theo thể loại (*Tả cảnh sinh hoạt* kết hợp *Tả người*).

TIẾT 33

Bài Tập làm văn kiểm tra học kì I

thuongmaitr

TIẾT 34

Trả bài Tập làm văn kiểm tra học kì I

MỤC LỤC

PHÂN MÔN	Tiết	Tên bài	*Trang*
TẬP ĐỌC		*Chủ đề :* **Măng non**	3
	1	Thư gửi các học sinh...	4
	2	Việt Nam	6
	3	Lời khuyên của bố	9
	4	Sắc màu em yêu	11
	5	Bài học quý	13
	6	Ngày em vào Đội	15
	7	Chú bé Kô-li-a	17
	8	Lời hứa	19
	9	Em Bé	21
	10	Bà tôi	23
	11	Bà cụ bán hàng nước chè	25
	12	Gửi các vì sao	27
	13	Tôi xin chữa bệnh cho ngài	28
	14	Đêm trăng đẹp	30
		Chủ đề : **Đất nước**	32
	15	Tình quê hương	33
	16	Tranh làng Hồ	35
	17	Buổi sáng ở thành phố Hồ Chí Minh	38
	18	Đẹp thay non nước Nha Trang	40
	19	Phong cảnh Hòn Đất	41
	20	Tre Việt Nam	43
	21	Núi rừng Trường Sơn sau cơn mưa	46
	22	Bài ca Côn Sơn	48
	23	Thác Y-a-li	50
	24	Dừa ơi !	52
	25	Mía Cu-ba	55
	26	Về thăm nhà Bác	57
	27	Mùa thảo quả	58
	28	Rừng mơ	61
	29	Sầu riêng	63
	30	Mùa hoa bưởi	65
	31	Sân chim	67
	32	Hành trình của bầy ong	69

truongxua.vn

PHÂN MÔN	Tiết	Tên bài	*Trang*
	33	Quần đảo Trường Sa	71
	34	Sau trận mưa rào	73
TỪ NGỮ	1	Từ đơn – Từ ghép – Từ láy	76
	2	Học tập	77
	3	Các kiểu từ ghép	79
	4	Tình bạn	81
	5	Các kiểu từ láy	82
	6	Anh em – Chị em	84
	7	Các dạng từ láy	85
	8	Ôn tập	87
	9	Thành phố– Thị xã– Thị trấn	88
	10	Nghĩa của từ láy	91
	11	Đồng bằng	93
	12	Từ tượng thanh	95
	13	Từ tượng hình	97
	14	Làng mạc – Thôn xóm	100
	15	Cây cối – Trồng cây	102
	16	Hoa – Quả	104
	17	Chim rừng – Thú rừng	107
NGỮ PHÁP	1	Ôn tập về câu ...	113
	2	Ôn tập bộ phận phụ của câu : Trạng ngữ	115
	3	Ôn tập các bộ phận phụ trong câu : Định ngữ – Bổ ngữ	117
	4	Hô ngữ	118
	5	Bộ phận song song	121
	6	Bộ phận song song (tiếp theo)	123
	7	Ôn tập : Hô ngữ – Các bộ phận song song	125
	8	Câu rút gọn	126
	9	Câu đặc biệt	129
	10	Ôn tập : Câu rút gọn – Câu đặc biệt	130
	11	Câu ghép	132
	12	Câu ghép không có từ chỉ quan hệ	133

thuongmaitr

PHÂN MÔN	Tiết	Tên bài	*Trang*
	13	Câu ghép có từ chỉ quan hệ	135
	14	Câu ghép có từ chỉ quan hệ (tiếp theo)	137
	15	Ôn tập câu ghép	139
	16	Ôn tập học kì I	140
	17	Ôn tập học kì I (tiếp theo)	141
CHÍNH TẢ	1	Chính tả (so sánh) : Phân biệt ?/ ~ d/gi	143
	2	Chính tả (nghe đọc) : Việt Nam	145
	3	Chính tả (so sánh) : Phân biệt l/n ang/oang	145
	4	Chính tả (nghe đọc) : Đổ bê tông	147
	5	Chính tả (so sánh) : Phân biệt ên/ênh ch/tr	148
	6	Chính tả (nghe đọc) : Em Bé	150
	7	Chính tả (so sánh) : Phân biệt iu/ iêu/ êu/ ưu/ ươu ; dấu ? / ~	151
	8	Chính tả (nghe đọc) : Đảo chim	153
	9	Chính tả (so sánh) : Phân biệt r/d/gi ; an/ang	154
	10	Chính tả (nghe đọc) : Buổi sáng ở thành phố Hồ Chí Minh	156
	11	Chính tả (so sánh) : Phân biệt q/h, s/x	157
	12	Chính tả (nghe đọc) : Những con đường ở Trường Sơn	159
	13	Chính tả (so sánh) : Phân biệt ? / ~ ; nh/d/gi/r	160
	14	Chính tả (nghe đọc) : Thác Y-a-li	163
	15	Chính tả (so sánh) : Phân biệt s/x ; êch/êt	163
	16	Chính tả (nghe đọc) : Đoàn ngựa thồ hàng lên vùng cao	166
	17	Chính tả : Kiểm tra cuối học kì I	167
TẬP LÀM VĂN	1	Tả người : Tìm hiểu đề, làm dàn bài chi tiết	168
	2	Tả người : Làm văn miệng ở lớp	170
	3	Tả người : Làm văn viết ở lớp	171
	4	Tả người : Trả bài viết	171
	5	Tả người : Làm văn miệng ở lớp	172

truongxua.vn

PHÂN MÔN	Tiết	Tên bài	*Trang*
	6	Tả người : Làm văn viết ở lớp	173
	7	Tả người : Trả bài viết	174
	8	Tả người : Làm dàn bài chi tiết	174
	9	Tả người : Làm văn viết ở lớp	176
	10	Tả người : Trả bài viết	176
	11	Tả người : Làm văn miệng ở lớp	177
	12	Tả người : Làm văn viết ở lớp	178
	13	Tả người : Trả bài viết	178
	14	Tả người : Làm văn miệng ở lớp	179
	15	Tả người : Làm văn viết ở lớp	180
	16	Tả người : Trả bài viết	181
	17	Tả cảnh sinh hoạt : Tìm hiểu đề, quan sát, làm dàn bài chi tiết	181
	18	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn viết ở lớp	183
	19	Tả cảnh sinh hoạt : Trả bài viết	183
	20	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn miệng ở lớp	184
	21	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn viết ở lớp	185
	22	Tả cảnh sinh hoạt : Trả bài viết	185
	23	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn miệng ở lớp	186
	24	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn viết ở lớp	186
	25	Tả cảnh sinh hoạt : Trả bài viết	187
	26	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn miệng ở lớp	187
	27	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn viết ở lớp	189
	28	Tả cảnh sinh hoạt : Trả bài viết	189
	29	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn miệng ở lớp	190
	30	Tả cảnh sinh hoạt : Làm văn viết ở lớp	190
	31	Tả cảnh sinh hoạt : Trả bài viết	191
	32	Tả cảnh sinh hoạt : Ôn tập chuẩn bị kiểm tra cuối học kì I	191
	33	Bài Tập làm văn kiểm tra học kì I	192
	34	Trả bài Tập làm văn kiểm tra học kì I	192

thuongmaitr

ruongxua.vn